Giáo Sĩ Việt Nam

#### Bán nguyệt san – Số 384 – Chúa nhật 26.07.2020

**Giáo sĩ: ĐỰƠC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt 5, 1)**

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net) giaosivietnam@gmail.com

**MỤC LỤC**

[Quà Tặng Tin Mừng Luca (tiếp theo) …….…………………….…………...……. bản dịch của BBT CGVN](#BBTCGVN)

[MỘT CHÚT VỀ “MẦU NHIỆM” SỰ DỮ (CN 16A QN) …….. Lm. Anphong Nguyễn Công Minh, ofm](#Minh)

[HÃY LÀM MỌI SỰ ĐỂ CÓ ĐƯỢC NƯỚC TRỜI (CN 17A QN) ……….. Lm. An-tôn Nguyễn Văn Độ](#Do)

[ÁP DỤNG DỤ NGÔN GIEO GIỐNG (MC 4,13-20) …………………. Lm. Giuse Lê Minh Thông, O.P.](#Thong)

[TẢN MẠN VỀ THƯ CHUNG 1980 CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM Lm. Ng Công Đoan, SJ](#Doan)

[NGUYÊN VĂN THƯ CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM NĂM 1980 ….. Nguồn WHĐ](#ThuChung)

[ĐỨC TIN VÀO GIÁO HỘI ………………………………….……. Phêrô Phạm Văn Trung chuyển ngữ](#Trung)

[ANH LÊ HỮU MỤC: TÂM MOA LÀ MÂY - GS LÊ HỮU MỤC (1925-2017) ………Nguyễn Văn Sâm](#LehuuMuc)

[THIÊN KIẾN VÀ KỲ THỊ (PREJUDICE & DISCRIMINATION) ……………. Bác sĩ Ng Tiến Cảnh, MD.](#Canh)

[THÁNH THẦN, HƠI THỞ SỐNG ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI (Quyển 2): Những lãnh vực chuyên biệt cần suy xét cẩn thận ……………….………………..………Gs. Nguyễn Đăng Trúc chuyển dịch ra Việt ngữ](#Truc)

[AN TOÀN BẾP NÚC ………………………………………………………… Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.](#Duc)

[ĐỜN BÀ VÀ ĐỜN ÔNG …………………………………………………… Chuyện phiếm của Gã Siêu](#GaSieu)

**Quà Tặng Tin Mừng Luca (tiếp theo)**

**LTS.** Như chúng con đã hẹn, Quà Tặng Tin Mừng đã được phát hành rộng rãi vào đúng dịp Tết vừa qua, cũng là Chúa Nhật Lời Chúa và Năm Lời Chúa; những ai có nhu cầu nhận toàn văn bản dịch Quà Tăng Tin Mừng, cũng có thể yêu cầu BBT gởi qua email trong một file PDF hoặc Word. Những ai có nhu cầu nhận sách QTTM xin vui lòng email cho biết. Ngoài ra trên Đặc San GSVN chúng con sẽ cho đăng mỗi kỳ một phần bản dịch Kinh Thánh mới này để mọi người có thể tham khảo và góp ý. Xin lưu ý: Bản dịch Kinh Thánh này chẳng những chúng con KHÔNG giữ bản quyền mà còn rất biết ơn những ai sẽ giúp phổ biến bằng mọi cách. Miễn là xin đừng tự ý sửa chữa nếu chưa thông báo cho BBT CGVN biết để xin ý kiến các Giáo Sư Thánh Kinh.

Xin chân thành cám ơn.

**BBT CGVN và Đặc San GSVN**



**Tin Mừng
theo
Thánh Luca**

**Những phân đoạn chính:**

**I. Lời mở đầu
(1:1–4)**

**II. Thời thơ ấu
(1:5–2:52)**

**III. Giai đoạn chuẩn bị cho tác vụ công khai
(3:1–4:13)**

**IV. Tác vụ tại Galilê
(4:14–9:50)**

**V. Hành trình lên Giêrusalem
(9:51–19:27)**

**VI. Tác vụ giảng dạy tại Giêrusalem
(19:28–21:38)**

**VII. Thương Khó**

**(22:1–23:56)**

**VIII. Phục Sinh**

**(24:1–53)**

**IV. Tác vụ tại Galilê
(4:14–9:50)**

**Bắt đầu tác vụ ở Galilê.**

14Khi Chúa Giêsu trở về Galilê trong quyền năng của Thần Khí, thì danh tiếng của Ngài đã lan rộng khắp miền. 15Ngài giảng dạy trong các hội đường, và tất cả đều ca tụng Ngài.

Bị tẩy chay ở Nagiarét.

16Trở về Nagiarét là nơi Ngài được dưỡng dục, như thường lệ, Chúa Giêsu vào hội đường ngày Sabát. Ngài đứng lên để đọc Kinh Thánh. 17Người ta trao cho Ngài cuộn sách ngôn sứ Isaia; Ngài mở sách ra và gặp đoạn viết rằng:

18“Thần Khí Chúa ngự trên tôi;

vì Ngài đã xức dầu cho tôi,

sai tôi đi rao giảng Tin Mừng

cho những người nghèo,

công bố ân xá cho những kẻ bị tù đày

và cho người mù được sáng,

trả tự do cho những kẻ bị áp bức,

19công bố Năm Hồng Ân của Chúa”.

20Chúa Giêsu cuộn sách lại, trả cho người trực và ngồi xuống. Cả hội đường đều chăm chú nhìn Ngài. 21Bấy giờ Ngài nói với họ: “Hôm nay ứng nghiệm đoạn Kinh Thánh mà quý vị vừa nghe”. 22Mọi người đều làm chứng cho Ngài và ngạc nhiên về những lời ân sủng từ miệng Ngài, và họ nói: “Ông ấy chẳng phải là con ông Giuse sao?”. 23Nhưng Ngài nói với họ: “Chắc các ông muốn nói với tôi câu ngạn ngữ: “Thầy thuốc ơi, hãy chữa lấy mình trước đã; và: “Điều mà chúng tôi đã nghe ông làm ở Caphanaum, thì ông cũng hãy làm tại đây, nơi quê hương của ông”’’. 24Và Ngài nói: “Amen[[1]](#footnote-1)♣, Tôi nói cho các ông biết: không một ngôn sứ nào được chấp nhận tại quê hương của mình. 25Thật vậy, Tôi nói cho các ông biết: có biết bao bà góa ở Israel vào thời ngôn sứ Êlia, khi trời không mưa trong suốt ba năm sáu tháng, cùng với một nạn đói ghê gớm xảy ra trên toàn lãnh thổ; 26thế mà ngôn sứ Êlia không được sai đến với bất cứ ai trong các bà góa đó, mà lại được sai đến với một bà góa ngoại đạo tại thành Sarépta, miền Siđôn. 27Rồi trong thời của ngôn sứ Êlisêô có rất nhiều người bệnh phong ở Israel; thế nhưng không một ai trong họ được sạch, mà chỉ có Naaman người Syria thôi”. 28Nghe vậy, mọi người trong hội đường đều phẫn nộ; 29họ đồng loạt trỗi dậy, đuổi Ngài ra khỏi thành, và đưa Ngài đến chỗ vách đá dựng đứng, vì thành được xây trên một ngọn đồi, có ý để xô Ngài xuống. 30Thế nhưng, Ngài rẽ ngang giữa họ mà đi.

**Chữa một người bị quỷ ám.**

31Chúa Giêsu xuống Caphanaum, một thành của miền Galilê, Ngài giảng dạy dân chúng ở đó trong ngày Sabát; 32và người ta kinh ngạc về giáo huấn của Ngài, vì Lời của Ngài đầy quyền uy. 33Khi ấy, trong hội đường, có một người bị quỷ ô uế nhập; nó la to lên rằng: 34“Này, ông Giêsu người Nagiarét, ông với chúng tôi có liên hệ gì? Ông đến để hủy diệt chúng tôi sao? Tôi biết ông là Đấng Thánh của Thiên Chúa”. 35Chúa Giêsu quát mắng nó: “Im đi và hãy ra khỏi người này!”. Quỷ bèn vật người ấy lăn đùng ra giữa hội đường rồi xuất ra mà không gây hại gì cho anh ta cả. 36Mọi người đều kinh ngạc và họ nói với nhau rằng: “Lời gì mà như thế, vì Ngài dùng uy quyền và sức mạnh mà truyền cho các thần ô uế và chúng phải xuất ra?”. 37Và danh tiếng của Ngài lan rộng khắp miền ấy.

**Chữa mẹ vợ ông Simon.**

38Chúa Giêsu rời khỏi hội đường và vào nhà ông Simon. Lúc đó, bà mẹ vợ của ông Simon đang bị sốt nặng; và người ta xin Ngài chữa cho bà. 39Đứng gần bên bà, Ngài truyền lệnh cho cơn sốt và nó đã biến khỏi bà, lập tức bà trỗi dậy phục vụ các ngài.

Các việc chữa lành khác.

40Lúc mặt trời lặn, tất cả những ai có thân nhân ốm đau, mắc các chứng bệnh khác nhau, đều đưa họ đến với Ngài và Ngài đặt tay trên từng người mà chữa lành. 41Và quỷ xuất khỏi rất nhiều người, chúng la lên: “Ông là Con Thiên Chúa”. Nhưng Ngài đe nạt chúng và không cho chúng nói, bởi vì chúng biết rõ Ngài là Đấng Kitô.

**Chúa Giêsu rời Caphanaum.**

42Sáng ngày, Ngài ra đi tới sa mạc; đám đông tìm kiếm Ngài, họ đã đến với Ngài, và cố giữ không cho Ngài rời khỏi họ. 43Thế nhưng Ngài nói với họ: “Tôi còn phải rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa cho cả các thành khác nữa, vì Tôi được sai đến để làm việc này”. 44Và Ngài đã giảng dạy trong các hội đường xứ Giuđê.

**Chương 5**

**Gọi ngư phủ Simon.**

1Xảy ra là trong khi Chúa Giêsu đang đứng ở bờ hồ Ghênêsarét, thì đám đông chen sát vào Ngài để nghe Lời Thiên Chúa, 2và Ngài thấy hai chiếc thuyền neo gần bờ hồ; những ngư phủ đã rời thuyền và đang giặt lưới. 3Ngài bước xuống một chiếc thuyền, và chiếc ấy là của Simon, Ngài bảo ông đưa thuyền ra xa bờ một chút. Rồi ngồi xuống thuyền, Ngài giảng dạy đám đông. 4Khi giảng dạy xong, Ngài nói với Simon: “Hãy ra chỗ nước sâu mà thả lưới”. 5Simon thưa với Ngài: “Thưa Thầy, chúng con đã vất vả cả đêm mà chẳng được gì cả; nhưng vâng lời Thầy, con sẽ thả lưới”. 6Họ làm thế và bắt được nhiều cá đến nỗi muốn rách cả lưới. 7Họ ra hiệu cho các đồng nghiệp từ thuyền khác đến giúp. Họ đến, và đã chất cá lên đầy cả hai thuyền, đến độ thuyền như muốn chìm. 8Thấy vậy, Simon Phêrô sấp mình xuống chân Chúa Giêsu và thưa: “Lạy Chúa, xin rời xa con, vì con là người tội lỗi”. 9Quả thế, ông và tất cả những người cùng ở với ông đều kinh ngạc trước số cá họ vừa bắt được; 10cả Giacôbê và Gioan, con ông Dêbêđê, những người bạn chài của ông Simon cũng thế. Chúa Giêsu nói với Simon: “Đừng sợ, từ nay con sẽ thả lưới người”. 11Khi đã đưa thuyền vào bờ, họ bỏ lại tất cả và đi theo Ngài.

**Thanh tẩy một người bệnh phong.**

12Khi Chúa Giêsu đang ở trong một thành kia thì có một người mình đầy bệnh phong đến, nhìn thấy Ngài, anh ta sấp mình xuống đất và thưa: “Lạy Chúa, nếu Ngài muốn, Ngài có thể cho con được sạch”. 13Ngài đưa tay ra đụng đến anh và nói: “Tôi muốn, hãy lành sạch”. Ngay lúc đó, bệnh phong biến mất. 14Và Chúa Giêsu truyền cho anh ta đừng nói với ai, nhưng: “Hãy đi, trình diện với tư tế và vì đã được sạch hãy dâng của lễ như Môsê đã dạy, để làm chứng cho họ”. 15Tiếng đồn về Ngài ngày càng lan rộng và nhiều đám đông kéo nhau đến để nghe và để được chữa lành bệnh tật của mình; 16Nhưng Ngài lui vào sa mạc để cầu nguyện.

**Chữa một người bại liệt.**

17Một ngày kia, khi Chúa Giêsu đang giảng dạy, trong số người nghe có các Pharisêu và các tiến sĩ luật đến từ các làng mạc vùng Galilê, Giuđê và Giêrusalem; và quyền năng của Chúa hoạt động nơi Ngài, để Ngài chữa lành nhiều bệnh tật. 18Và này có những người khiêng đến trên chiếc giường một người bị bại liệt, họ tìm cách đưa người ấy vào và đặt trước mặt Ngài. 19Nhưng họ không tìm được cách để vượt qua đám đông, nên họ mới trèo lên mái nhà, và dỡ ngói rồi thòng người ấy cùng với chiếc giường xuống trước mặt Chúa Giêsu. 20Nhận thấy Đức Tin của họ, Ngài nói: “Này con, tội lỗi của con đã được tha”. 21Các kinh sư và các người Pharisêu bắt đầu suy tính và nói: “Người này là ai mà nói những lời phạm thượng? Ai có quyền tha tội ngoại trừ một mình Thiên Chúa?”. 22Biết được suy nghĩ của họ, Chúa Giêsu trả lời: “Sao trong lòng các ông lại có những ý nghĩ như thế? 23Nói: “Tội lỗi con được tha”; hoặc nói “Con hãy trỗi dậy và bước đi” thì việc nào dễ hơn? 24Tuy nhiên để các ông biết rằng Con Người[[2]](#footnote-2)♣ có quyền tha tội ở dưới đất ⎯ Ngài nói với người bại liệt ⎯ Tôi bảo con: hãy trỗi dậy vác giường mà về nhà của con”. 25Lập tức người bại liệt trỗi dậy trước mặt họ, vác lấy giường và trở về nhà mình, miệng tôn vinh Thiên Chúa. 26Mọi người đều sửng sốt và ngợi khen Thiên Chúa; và đầy kính sợ, họ nói: “Hôm nay chúng ta đã thấy những việc kỳ diệu”.

**Gọi Lêvi.**

27Sau đó, Chúa Giêsu đi ra và thấy một người thu thuế tên là Lêvi đang ngồi ở trạm thu thuế. Ngài bảo ông: “Hãy theo Thầy”. 28Bỏ lại tất cả mọi sự, người ấy đứng lên đi theo Ngài. 29Lêvi mở tiệc lớn mời Chúa Giêsu tại nhà ông; có rất đông những người thu thuế và những người khác cùng dự tiệc với Chúa và các môn đệ. 30Những người Pharisêu và các kinh sư trách cứ các môn đệ của Ngài rằng: “Tại sao các ông lại ăn uống với những người thu thuế và những người tội lỗi như vậy?”. 31Chúa Giêsu trả lời và nói với họ: “Không phải người mạnh khỏe cần đến thầy thuốc, mà là người đau yếu. 32Tôi không đến kêu gọi người công chính nhưng kêu gọi người tội lỗi, để họ sám hối”.

**Thắc mắc về việc ăn chay.**

33Họ nói với Chúa Giêsu rằng: “Các môn đệ của ông Gioan thường xuyên ăn chay và cầu nguyện; môn đệ của những người Pharisêu cũng thế; nhưng các môn đệ của Thầy thì cứ ăn cứ uống”. 34Và Chúa Giêsu đã nói: “Các ông có thể buộc những khách mời trong tiệc cưới ăn chay, trong khi chàng rể còn đang ở với họ không? 35Nhưng sẽ đến ngày chàng rể bị đưa đi xa họ; khi ấy, họ sẽ ăn chay”. 36Ngài cũng nói với họ bằng dụ ngôn: “Không ai lại xé áo mới, lấy vải vá áo cũ. Bởi làm vậy sẽ rách áo mới, mà miếng vải lấy từ áo mới sẽ không hợp với áo cũ. 37Không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ; bởi vì như thế rượu mới sẽ làm thủng bầu da cũ, rượu sẽ chảy tràn ra và bầu da cũng hỏng; 38nhưng rượu mới phải chứa vào bầu da mới. 39Không ai đã uống rượu cũ mà lại thèm rượu mới. Bởi vì người ta nói: “Rượu cũ bao giờ cũng ngon hơn!””.

**Chương 6**

**Tranh luận về ngày Sabát.**

1Vào một ngày Sabát, Chúa Giêsu băng qua cánh đồng lúa, các môn đệ của Ngài bứt mấy nhánh lúa, vò trong tay để ăn. 2Vài người Pharisêu nói: “Sao các ông lại làm điều không được phép trong ngày Sabát?”. 3Chúa Giêsu trả lời và nói với họ: “Các ông không đọc thấy điều mà Đavít đã làm khi ông và các người cùng đi đói bụng sao? 4Chẳng phải ông đã vào nhà Thiên Chúa, lấy Bánh Tiến Dâng[[3]](#footnote-3)♣ để ăn và cho các người đi với mình cùng ăn nữa, trong khi bánh đó chỉ các tư tế mới được ăn mà thôi sao?”. 5Ngài nói với họ: “Con Người là Chúa của ngày Sabát”.

6Một ngày Sabát khác, Chúa Giêsu vào trong hội đường và giảng dạy; ở đó có một người bị khô bại bàn tay phải. 7Các kinh sư và những người Pharisêu rình xem Chúa có chữa bệnh trong ngày Sabát không, để có cớ tố cáo Ngài. 8Thế nhưng Ngài thừa biết suy tính của họ, nên nói với kẻ có bàn tay khô bại rằng: “Con hãy đứng lên và đi ra giữa đây”. Người ấy trỗi dậy và đứng ra giữa. 9Chúa Giêsu nói với họ: “Ngày Sabát được phép làm điều lành hay điều dữ; cứu sống hay giết chết?”. 10Rồi đưa mắt nhìn một lượt tất cả bọn họ, Ngài nói với người bị bệnh: “Giang thẳng tay ra”. Anh ta giang thẳng tay ra và tay anh trở lại bình thường. 11Họ đầy tức giận và bàn định với nhau sẽ làm gì với Chúa Giêsu.

**Sứ mạng của Nhóm Mười Hai.**

12Trong những ngày ấy, Chúa Giêsu lên núi để cầu nguyện, và Ngài cầu nguyện với Thiên Chúa suốt đêm. 13Đến sáng, Ngài gọi các môn đệ của mình lại và chọn lấy Mười Hai vị mà Ngài gọi là Tông Đồ: 14Simon mà Ngài đặt tên cho là Phêrô, và Anđrê em ông, Giacôbê, Gioan, Philípphê, Bartôlômêô, 15Mátthêu, Tôma, Giacôbê con ông Alphê, Simon biệt danh Nhiệt Thành, 16Giuđa con ông Giacôbê, và Giuđa Iscariốt, là kẻ phản bội.

**Rao giảng và chữa lành cho rất đông người.**

17Chúa Giêsu cùng xuống núi với các ông và dừng lại trên một vùng đất bằng phẳng. Một số đông các môn đệ của Ngài và một đám đông những người đến từ các miền Giuđê, Giêrusalem, và miền duyên hải Tyrô và Siđôn, 18họ đến để nghe Ngài và để được chữa lành bệnh tật; cả những người bị thần ô uế ám cũng được chữa khỏi. 19Tất cả đám đông tìm cách chạm đến Ngài, bởi vì một quyền năng phát xuất từ Ngài làm cho tất cả được lành mạnh.

**Bài giảng ở đồng bằng.**

20Ngước mắt nhìn các môn đệ, Chúa Giêsu nói:

“Phúc cho các con, những người nghèo,

vì Nước Thiên Chúa là của các con.

21Phúc cho các con, những người bây giờ đói khát,

vì rồi các con sẽ được no đủ.

Phúc cho các con, lúc này còn đang than khóc,

vì rồi đây các con sẽ vui cười.

22Phúc cho các con, khi vì Con Người,

mà bị người đời ghét bỏ,

bị khai trừ và sỉ vả, loại tên các con

như những người xấu xa.

23Ngày đó các con sẽ hân hoan nhảy mừng, vì phần thưởng của các con rất lớn trong Nước Trời; bởi thực ra cha ông của chúng cũng đã từng hành xử như thế với các ngôn sứ.

24Nhưng khốn cho các ông, những kẻ giàu có,

vì các ông đã được an ủi rồi!

25Khốn cho các ông, là những kẻ bây giờ được no thỏa,

vì các ông sẽ phải đói khát.

Khốn cho các ông, những kẻ bây giờ đang vui cười,

vì các ông sẽ phải đau buồn và khóc lóc!

26Khốn cho các ông, khi mọi người tâng bốc các ông!

Vì cha ông chúng cũng đã từng làm y như vậy

với các ngôn sứ giả ngày xưa.

**Yêu kẻ thù.**

27Thầy nói với các con đang nghe: hãy yêu thương kẻ thù của các con, làm điều tốt cho kẻ ghen ghét các con; 28hãy chúc lành cho những kẻ nguyền rủa các con, hãy cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi các con. 29Ai tát con nơi má này, thì hãy đưa cả má kia; và ai lấy áo choàng của con, thì cũng đừng ngăn cản nó lấy cả áo trong. 30Ai xin thì con hãy cho, ai lấy gì của con, thì đừng đòi lại. 31Các con muốn người ta làm gì cho mình, thì hãy làm như vậy cho họ. 32Nếu các con yêu thương những kẻ yêu thương các con, thì có ơn nghĩa gì? Những người tội lỗi cũng biết yêu thương những kẻ yêu thương họ. 33Và nếu các con đối xử tốt với kẻ đối xử tốt với các con, thì có gì là ơn nghĩa? Những người tội lỗi cũng làm y như vậy. 34Nếu các con cho vay mượn nơi kẻ có thể trả lại vay mượn, thì có gì là ơn nghĩa? Những người tội lỗi cũng cho kẻ tội lỗi vay mượn để rồi được trả lại sòng phẳng. 35Đúng hơn, các con hãy yêu thương thù địch, làm điều lành cho kẻ thù, và cho vay mà chẳng mong được trả lại. Khi ấy phần thưởng của các con sẽ rất lớn lao, và các con sẽ là con cái của Đấng Tối Cao, vì Ngài nhân hậu với cả kẻ vô ơn lẫn người độc ác. 36Hãy có lòng nhân từ như Cha các con là Đấng Nhân Từ.

**Xét đoán người khác.**

37Đừng xét đoán, và các con sẽ không bị xét đoán; đừng kết án, và các con sẽ không bị kết án. Hãy tha thứ, và các con sẽ được tha thứ; 38hãy cho đi, rồi các con sẽ được cho lại: người ta sẽ lấy đấu hảo hạng đã dằn, đã lắc, đầy tràn mà đổ vào vạt áo các con; vì đấu mà các con đong cho người khác sẽ được dùng để đong lại cho các con”. 39Ngài còn dạy họ bằng dụ ngôn: “Một người mù có thể dẫn dắt một người mù khác được không? Cả hai lại không rơi tòm xuống hố sao? 40Trò không thể hơn thầy được; nhưng trò khi đã học xong, cũng chỉ mong được như thầy. 41Sao con lại nhìn thấy cái dằm trong mắt anh em, mà lại không thấy cái xà trong mắt mình? 42Làm sao con có thể nói với anh em mình: “Này anh, để tôi gắp cái dằm trong mắt anh”, trong khi chính con lại không nhận ra cái xà trong mắt con? Hỡi kẻ giả hình! Lấy cái xà ra khỏi mắt mình đi đã, khi ấy con sẽ thấy rõ để có thể gắp cái dằm ra khỏi mắt anh em con.

**Xem quả biết cây.**

43Một cây tốt sẽ không sinh quả xấu; cũng thế một cây xấu sẽ không sinh được quả tốt. 44Thật vậy, cứ xem quả thì biết cây; người ta không hái được trái vả nơi bụi gai; cũng không thu được trái nho trong bụi rậm. 45Người tốt thì lấy ra cái tốt từ kho tàng tốt của cõi lòng, còn người xấu thì lấy ra cái xấu từ kho tàng xấu; bởi lòng có đầy, thì miệng mới nói ra.

**Hai loại nền móng.**

46Và tại sao các con gọi Thầy: “Lạy Chúa! Lạy Chúa!” mà lại chẳng chịu thi hành điều Thầy dạy? 47Bất cứ ai đến cùng Thầy, nghe lời Thầy và đem ra thực hành, Thầy sẽ chỉ cho các con thấy người ấy giống ai: 48người ấy giống như kẻ xây nhà, đã đào sâu và đặt nền móng trên đá; và khi xảy ra nạn lụt, dù nước sông tràn vào thì cũng không lay chuyển nổi; vì nhà ấy đã được xây vững chắc. 49Còn ai nghe mà không làm, thì giống như người xây nhà mình trên đất, không có nền móng; nước sông tràn vào nhà ấy, lập tức nó liền sụp đổ, và sự hư hại của nhà ấy thật lớn lao.

**Chương 7**

**Chữa người giúp việc viên đại đội trưởng.**

1Sau khi Chúa Giêsu đã nói mọi lời ấy cho dân chúng nghe xong, Ngài vào Caphanaum. 2Một viên đại đội trưởng kia có một người giúp việc bị bệnh và đang hấp hối; ông lại rất thương anh này. 3Nghe nói về Chúa Giêsu, ông nhờ những niên trưởng Do Thái đến xin Ngài tới cứu chữa người giúp việc của mình. 4Gặp Chúa Giêsu, các niên trưởng khẩn thiết nài xin: “Ông ta đáng được Thầy giúp: 5ông yêu thương dân mình, chính ông đã xây dựng hội đường cho chúng ta”. 6Chúa Giêsu đi với họ và khi Ngài không còn cách xa nhà, viên đại đội trưởng đã sai các bạn hữu tới thưa với Ngài: “Lạy Chúa, xin đừng làm phiền thêm nữa, vì tôi không đáng đón Ngài vào dưới mái nhà tôi, 7cũng như tôi thấy mình không xứng đáng đến tìm Ngài, nhưng xin Ngài nói một lời, chắc chắn người giúp việc của tôi sẽ được lành bệnh. 8Chính tôi đây, tuy chỉ dưới quyền người khác, nhưng tôi cũng có những người dưới quyền; với người này, tôi nói: “Đi”, và anh ta đi; với người khác, tôi bảo: “Đến”, và anh ta đến; với người giúp việc, tôi bảo: “Làm cái này”, và nó làm”. 9Nghe thế, Chúa Giêsu rất ngạc nhiên và quay lại nói với đám đông đi theo mình: “Tôi nói cho anh em biết, ngay cả trong Israel, Tôi cũng không tìm thấy một Đức Tin như vậy!”. 10Quay trở về nhà, những người được sai đi thấy rằng người giúp việc đã hoàn toàn lành mạnh.

**Cho con trai bà góa sống lại.**

11Thế rồi Chúa Giêsu đến một thành kia có tên là Naim. Các môn đệ và một đám đông cùng đi với Ngài. 12Ngài đến gần cổng thành đúng lúc người ta mang một người chết đi chôn; đó là đứa con trai duy nhất của một góa phụ. Một đám rất đông dân trong thành cùng đi đưa đám con bà. 13Nhìn thấy góa phụ, Chúa động lòng thương và Ngài nói: “Đừng khóc nữa!”. 14Ngài đến gần và chạm vào quan tài; những người khiêng đứng lại; Chúa Giêsu nói: “Này bạn trẻ, Tôi truyền cho anh: đứng lên!”. 15Người chết trỗi dậy và bắt đầu nói. Chúa Giêsu trao anh lại cho bà mẹ. 16Mọi người đều sửng sốt, và họ tôn vinh Thiên Chúa rằng: “Một Ngôn Sứ cao cả đã đến giữa chúng ta", và: "Thiên Chúa đã viếng thăm Dân Ngài”. 17Tin này về Ngài đã lan truyền ra khắp cả miền Giuđê và các vùng lân cận.

**Câu hỏi của Gioan.**

18Các môn đệ của Gioan thuật lại cho thầy mình tất cả những điều đó, ông gọi hai trong số họ. 19Và sai các ông đến thưa Chúa Giêsu: “Thầy có phải là Đấng phải đến, hay chúng tôi còn phải đợi một Đấng khác?”. 20Đến với Chúa Giêsu, họ thưa Ngài rằng: “Ông Gioan Tẩy Giả sai chúng tôi đến với Thầy để hỏi: "Thầy là Đấng phải đến, hay chúng tôi còn phải chờ Đấng khác nữa?”". 21Lúc bấy giờ, Chúa Giêsu chữa lành rất nhiều người khỏi các chứng bệnh, khuyết tật, thần dữ, và nhiều người mù đã được nhìn thấy. 22Ngài trả lời và bảo họ rằng: “Các ông hãy đi và kể lại cho Gioan những điều đã thấy và đã nghe: người mù được thấy, người què được đi, người bệnh phong được sạch, người điếc được nghe, người chết được sống lại và người nghèo được loan báo Tin Mừng; 23phúc thay người nào không vấp ngã vì Tôi”.

**Chúa Giêsu nói về ông Gioan.**

24Khi những người được Gioan sai đến đã đi rồi, Chúa Giêsu bắt đầu nói với đám đông về ông Gioan: “Các ông đi xem gì trong sa mạc? Một cây sậy phất phơ trước gió ư? 25Các ông đi xem gì? Một con người ăn mặc sang trọng sao? Những người ăn mặc sang trọng và sống xa hoa thì ở trong các lâu đài vua chúa. 26Vậy thì các ông đi xem gì? Một ngôn sứ ư? Đúng thế, Tôi nói cho các ông biết, còn hơn một ngôn sứ nữa. 27Bởi vì đã có lời viết về ông:

“Đây Ta sai sứ giả của Ta đi trước Con,

để dọn đường cho Con.

28Tôi bảo các ông: trong số con cái người nữ, không ai cao trọng hơn Gioan; tuy nhiên kẻ nhỏ nhất trong Nước Thiên Chúa lại lớn hơn ông. 29Toàn dân đã nghe và những người thu thuế đều công nhận Thiên Chúa là Đấng Công Chính, nên họ chịu phép rửa của Gioan; 30còn những người Pharisêu và các luật sĩ thì đã chối từ kế hoạch mà Thiên Chúa dành cho họ, nên họ không chịu phép rửa của ông.

31Tôi phải sánh ví người của thế hệ này với ai, họ giống ai? 32Họ giống những đứa trẻ ngồi ở chợ, gọi nhau mà rằng:

“Chúng em thổi sáo,

mà các anh chẳng chịu nhảy múa.

Chúng em ca khúc nhạc u buồn,

mà các anh chẳng khóc lóc than van!”.

33Gioan Tẩy Giả đến; ông không ăn bánh, không uống rượu thì các ông nói: “Đấy là kẻ bị quỷ ám!”; 34Con Người đến cũng ăn cũng uống thì các ông nói: “Đây là tên mê ăn và nhậu nhẹt, bạn bè với quân thu thuế và kẻ tội lỗi!”. 35Thế nhưng, đức khôn ngoan được chứng minh bởi tất cả con cái của mình.

**Tha thứ cho người đàn bà tội lỗi.**

36Một người Pharisêu mời Chúa Giêsu dùng bữa với mình; Ngài tới nhà ông ta và ngồi vào bàn. 37Bấy giờ, một thiếu phụ vốn là kẻ tội lỗi trong thành, biết Chúa Giêsu dùng bữa tại nhà người Pharisêu, liền mang đến một bình bạch ngọc đựng dầu thơm; 38đứng đàng sau sát chân Ngài, chị khóc lóc nước mắt rơi ướt chân Ngài. Chị xõa tóc ra lau rồi hôn chân Ngài và xức dầu thơm. 39Người Pharisêu mời Ngài dùng bữa thấy thế liền thầm nghĩ: “Nếu ông này là một ngôn sứ thì hẳn phải biết người phụ nữ đang đụng đến mình là một kẻ tội lỗi”. 40Chúa Giêsu lên tiếng nói với ông: “Này ông Simon, tôi có điều muốn nói với ông". Ông thưa: “Xin Thầy cứ nói”. 41Chúa Giêsu bảo: “Một ông chủ có hai con nợ; người thứ nhất nợ ông ta năm trăm đênari, còn người kia nợ năm mươi đênari[[4]](#footnote-4)♣. 42Bởi hai người đều không có gì để trả, nên ông tha cho cả hai. Vậy ai trong hai người sẽ yêu mến chủ nợ của mình hơn?”. 43Simon trả lời: “Tôi nghĩ rằng đó là người đã được tha nợ nhiều hơn”. Ngài nói: “Ông xét đoán đúng”. 44Rồi quay qua người thiếu phụ, Ngài nói với Simon: “Ông thấy chị này chứ? Tôi vào nhà của ông, ông chẳng lấy nước cho Tôi rửa chân; còn chị ta đã rửa chân Tôi bằng nước mắt và lau khô bằng mái tóc mình. 45Ông đã không hôn chào Tôi; còn chị ta đã không ngừng hôn chân Tôi. 46Ông đã không xức dầu trên đầu tôi, còn chị này đã lấy dầu thơm xức chân tôi. 47Chính vì thế, Tôi nói với ông: tội lỗi của chị ta, dù nhiều chăng nữa, cũng đã được tha hết rồi, vì chị đã yêu mến nhiều; còn kẻ được tha ít thì cũng yêu mến ít hơn”. 48Rồi Ngài nói với người thiếu phụ: “Tội lỗi của con đã được tha”. 49Những khách mời bắt đầu tự hỏi trong lòng rằng: “Ông này là ai mà dám tha tội?”. 50Còn Chúa Giêsu, Ngài nói với thiếu phụ: “Đức Tin của con đã cứu con. Con hãy đi bình an!”.

**Chương  8**

**Phụ nữ Galilê đi theo Chúa Giêsu.**

1Sau đó, rảo qua các thành và làng mạc, Chúa Giêsu giảng dạy và loan báo Tin Mừng về Nước Thiên Chúa; Nhóm Mười Hai cùng đi với Ngài, 2có cả các phụ nữ đã từng được chữa lành các thứ bệnh tật cũng như được trừ khỏi các thần ô uế: bà Maria, cũng gọi là Mađalêna, người đã được giải thoát khỏi bảy quỷ, 3bà Gioanna, vợ ông Kougia, viên quản lý của vua Hêrôđê, bà Susanna, và nhiều bà khác nữa, các bà lấy tài sản của mình mà giúp đỡ các ngài.

**Dụ ngôn người gieo giống.**

4Khi đám đông dân chúng từ các thành tụ họp lại và đến với Ngài, thì Ngài đã giảng bằng các dụ ngôn: 5“Người gieo giống ra đi để gieo hạt, và khi ông gieo, có hạt rơi trên vệ đường. Người qua kẻ lại giẫm đạp lên, và chim trời ăn hết. 6Cũng có hạt rơi trên đá sỏi, nó mọc lên nhưng khô héo ngay vì thiếu độ ẩm. 7Hạt khác rơi vào giữa bụi gai, và gai cùng mọc lên làm cho nó chết ngạt. 8Lại có hạt rơi vào đất tốt, nó nẩy mầm, mọc lên tươi tốt và mang lại hoa trái gấp trăm”. Nói thế rồi, Ngài kêu lên rằng: “Ai có tai để nghe thì hãy nghe”.

**Mục đích của các dụ ngôn.**

9Các môn đệ hỏi Chúa Giêsu xem dụ ngôn ấy có ý nghĩa gì. 10Ngài nói với các ông: "Các con đã được ban cho hiểu biết về các mầu nhiệm Nước Thiên Chúa, còn những người khác thì dùng dụ ngôn, để họ nhìn mà không thấy, nghe mà không hiểu.

**Giải thích dụ ngôn người gieo giống.**

11Đây là ý nghĩa của dụ ngôn: hạt giống là Lời của Thiên Chúa. 12Hạt ở bên vệ đường là những người nghe, nhưng rồi Quỷ đến và lấy mất Lời trong tâm hồn họ, kẻo họ tin mà được cứu độ. 13Hạt ở trên đá sỏi là kẻ nghe và vui mừng đón nhận Lời; nhưng họ không đâm rễ sâu, họ tin đấy, nhưng khi thử thách đến thì họ bỏ cuộc. 14Hạt rơi vào gai góc um tùm, đấy là những kẻ có nghe, nhưng những lo lắng, bạc tiền và những khoái lạc của cuộc sống đã làm Lời chết ngạt không sinh quả được. 15Hạt rơi vào đất tốt, đấy là những người nghe với tâm hồn tốt lành và quảng đại, chấp nhận Lời ấy và nhờ kiên trì mà sinh được hoa trái.

**Dụ ngôn ngọn đèn thắp sáng.**

16Không ai thắp đèn lên rồi lấy hũ úp lại hay để dưới gầm giường; nhưng đặt nó lên giá đèn, để những ai ra vào đều nhìn thấy ánh sáng. 17Vì chẳng có gì giấu kín mà sẽ không có lúc bị phơi bày, chẳng có gì bí mật mà sẽ không được biết đến và bị phơi bày trước ánh sáng. 18Hãy để ý đến cách các con nghe: bởi vì, người có sẽ được cho thêm; còn người không có thì ngay cả cái đang có cũng bị lấy đi”.

**Chúa Giêsu và gia đình Ngài.**

19Mẹ và anh em[[5]](#footnote-5)♣ Chúa Giêsu đến tìm gặp Ngài, nhưng không thể đến gần Ngài được vì quá đông. 20Người ta báo cho Ngài biết: “Mẹ và anh em Thầy ở ngoài kia muốn gặp Thầy”. 21Ngài trả lời và nói với họ: “Mẹ và anh em Tôi là những người nghe Lời Thiên Chúa và đem ra thực hành”.

**Dẹp yên bão biển.**

22Một ngày kia, Chúa Giêsu lên một chiếc thuyền với các môn đệ và nói với họ: “Chúng ta hãy qua bờ hồ bên kia”. Và các ngài ra khơi. 23Trong khi họ đang chèo thì Ngài thiếp ngủ. Và một trận cuồng phong thổi xuống hồ, họ bị ngập nước và lâm nguy. 24Tiến lại gần, họ đánh thức Ngài mà rằng: "Lạy Thầy, lạy Thầy, chúng con chết mất!". Trỗi dậy, Ngài quát mắng gió và sóng nước, tất cả liền trở nên yên tĩnh. 25Bấy giờ Chúa Giêsu nói: “Đức Tin của các con đâu?”. Vô cùng kinh sợ và thán phục, họ hỏi nhau: “Ngài là ai mà cả gió và nước đều phải vâng phục?”.

**Chữa một người Ghêrasa bị quỷ ám.**

26Các ông cập bến vùng đất của người Ghêrasa đối diện với Galilê. 27Và khi Ngài lên bờ, thì một người kia từ trong thành chạy đến, anh ta bị quỷ ám và đã từ lâu không mặc quần áo, cũng không ở trong nhà nhưng ở nơi mồ mả. 28Thấy Chúa Giêsu, anh ta hét lên, sụp xuống chân Ngài và la lớn: “Này ông Giêsu, Con Đấng Tối Cao, chuyện của tôi liên can gì đến ông? Tôi nài van ông, xin đừng làm khổ tôi”. 29Đó là vì Ngài đã ra lệnh cho thần ô uế xuất khỏi người này, vì nó đã ám anh ta khá nhiều lần. Dù bị xiềng lại nhưng anh ta cứ bẻ phá xích xiềng và quỷ lại đưa anh ta vào sa mạc. 30Chúa Giêsu hỏi nó: “Tên ngươi là gì?”. Nó trả lời: “Đạo binh”[[6]](#footnote-6)♣, bởi vì rất nhiều quỷ đã nhập vào anh ta. 31Và chúng nài xin Ngài đừng truyền cho chúng phải lao xuống vực thẳm.

32Bấy giờ ở đó có một đàn heo khá đông đang thả ăn trên núi; chúng nài xin Ngài cho chúng nhập vào heo và Ngài đã cho phép. 33Lũ quỷ xuất khỏi người ấy, nhập vào heo và từ triền núi đàn heo lao thẳng xuống hồ và chết ngộp hết. 34Thấy việc như thế, những người chăn heo bỏ chạy; họ loan tin ấy trong thành cũng như thôn xóm. 35Sau đó, người ta chạy ra xem sự việc như thế nào, khi đến gần Chúa Giêsu, họ nhận ra kẻ đã được trừ khỏi lũ quỷ đang ngồi dưới chân Ngài, áo quần tử tế, và đã tỉnh táo. Họ hoảng sợ. 36Những người tận mắt chứng kiến đã kể lại cho họ việc người bị quỷ ám được giải thoát như thế nào. 37Vậy là toàn thể dân chúng vùng Ghêrasa đồng loạt xin Ngài rời khỏi miền đất của họ, bởi vì họ quá sợ. Ngài xuống thuyền và quay trở về. 38Còn người được giải thoát khỏi lũ quỷ thì xin Ngài cho anh ta được đi theo Ngài. Nhưng Ngài cho anh về và dặn rằng: 39“Con hãy về nhà và kể lại mọi điều Thiên Chúa đã làm cho con". Người ấy ra đi và loan truyền cho hết cả thành mọi điều Chúa Giêsu đã làm cho anh.

**Con gái ông Giairô và người đàn bà bị rong huyết.**

40Khi Chúa Giêsu trở về thì được một đám đông dân chúng đón chào, vì tất cả vẫn mong đợi Ngài. 41Và này có một người tên là Giairô đến; ông ta là trưởng hội đường. Sấp mình dưới chân Chúa Giêsu, ông khẩn nài Ngài đến nhà ông, 42bởi vì đứa con gái duy nhất của ông, chừng mười hai tuổi, đang hấp hối. Ngài đi với ông, đám đông dân chúng chen lấn làm Ngài ngộp thở. 43Thế rồi có một người đàn bà bị rong huyết đã mười hai năm, và đã tiêu tốn hết mọi của cải với các thầy thuốc, nhưng không một ai có thể chữa được; 44bà cố chen đến đàng sau Ngài và chạm đến tua áo choàng của Ngài. Ngay lúc đó, máu ngừng chảy. 45Chúa Giêsu hỏi: “Ai đã đụng đến Tôi?”. Và bởi vì tất cả đều chối nên ông Phêrô mới nói: “Thưa Thầy, đám đông xô lấn nên đụng vào Thầy”. 46Nhưng Chúa Giêsu nhắc lại: “Ai đã chạm đến Tôi, vì Tôi biết có quyền năng tự nơi Tôi phát ra”. 47Người đàn bà biết rằng đã bị lộ, run rẩy quỳ dưới chân Ngài; bà trình bày trước mọi người tại sao bà lại muốn đụng đến Ngài, và đã được lành bệnh như thế nào. 48Ngài nói với bà: “Này bà, Đức Tin của bà đã cứu bà. Hãy về bình an”.

49Ngài còn đang nói thì có người từ nhà ông trưởng hội đường đến báo tin cho ông: “Con gái ông mất rồi. Đừng phiền Thầy nữa”. 50Nghe vậy, Chúa Giêsu bảo ông: "Đừng sợ, hãy cứ tin và con gái ông sẽ được cứu”. 51Khi đến nhà, Ngài không cho ai đi theo mình, ngoại trừ Phêrô, Gioan và Giacôbê cùng với cha mẹ cháu bé. 52Tất cả đều khóc lóc thương tiếc cháu. Nhưng Ngài bảo: “Đừng khóc; em không chết đâu, em ngủ đấy”. 53Và họ cười nhạo Ngài vì biết rằng em đã chết. 54Khi ấy, Ngài cầm lấy tay em và lớn tiếng gọi: “Này con, hãy trỗi dậy!”. 55Đứa trẻ có hơi thở trở lại, và ngay tức khắc, em trỗi dậy. Chúa Giêsu bảo cho em ăn. 56Cha mẹ em kinh ngạc; còn Chúa Giêsu thì dặn họ không được nói với ai về việc đã xảy ra.

**Chương 9**

**Nhóm Mười Hai được sai đi.**

1Gọi Nhóm Mười Hai lại, Chúa Giêsu ban cho họ sức mạnh và quyền năng trên tất cả các quỷ và bệnh tật, 2Ngài sai họ đi rao giảng Nước Thiên Chúa và chữa lành các bệnh nhân; 3Ngài nói với họ: “Đừng mang theo gì khi đi đường, không gậy, không bị, không bánh, không tiền; cũng đừng có hai áo. 4Khi các con vào nhà nào thì hãy ở lại đó, và từ đó ra đi. 5Và nếu người ta không đón tiếp các con, thì khi rời khỏi thành đó, hãy phủi bụi chân để làm chứng tố cáo họ”. 6Các ông lên đường và rảo khắp các làng mạc, loan báo Tin Mừng và chữa lành bệnh tật ở khắp nơi.

**Suy nghĩ của vua Hêrôđê về Chúa Giêsu.**

7Quận vương Hêrôđê[[7]](#footnote-7)♣ nghe biết tất cả mọi điều xảy ra và ông rất bối rối, vì có kẻ nói: “Gioan đã trỗi dậy từ cõi chết”; 8số khác lại bảo: “Êlia đã hiện ra”. Số khác nữa cho rằng: “Đấy là một Ngôn Sứ thời xưa sống lại”. 9Còn Hêrôđê thì nói: “Gioan, ta đã cho chém đầu. Vậy người này là ai mà ta nghe những điều như vậy?”. Và ông tìm dịp để gặp Ngài.

**Nhóm Mười Hai trở về và bữa ăn cho năm ngàn người.**

10Khi trở về, các Tông Đồ thuật lại với Chúa Giêsu tất cả những gì các ông đã làm. Ngài đem các ông ra nơi riêng biệt ở thành Bétsaiđa. 11Đám đông dân chúng nhận ra điều đó và họ đi theo Ngài. Tiếp đón họ, Ngài nói cho họ về Nước Thiên Chúa, và Ngài chữa lành những ai cần được cứu chữa. 12Ngày đã xế chiều; Nhóm Mười Hai đến bên Ngài và thưa: “Xin Thầy giải tán đám đông, để họ vào trong các làng xóm và nông trại chung quanh mà tìm chỗ trọ và kiếm thức ăn; vì đây là sa mạc”. 13Nhưng Ngài bảo các ông: “Chính các con hãy cho họ ăn”. Họ thưa: “Chúng con chỉ có năm chiếc bánh và hai con cá. Trừ khi chính chúng con đi mua thức ăn cho cả đám đông này”. 14Có khoảng năm ngàn đàn ông tại đấy. Chúa Giêsu nói với các môn đệ: “Hãy cho họ ngồi xuống thành từng nhóm chừng năm mươi người”. 15Các ông đã làm như vậy và bảo mọi người ngồi xuống. 16Chúa Giêsu cầm lấy năm chiếc bánh và hai con cá, ngước mắt lên trời, dâng Lời Chúc Tụng, bẻ ra và trao cho các môn đệ, để các ông phân phát cho đám đông. 17Mọi người đều ăn và được no nê; người ta gom những mảnh vụn thừa được mười hai thúng.

**Phêrô tuyên xưng Chúa Giêsu.**

18Sự việc xảy ra là khi Chúa Giêsu cầu nguyện riêng một nơi, và có các môn đệ ở đấy, Ngài hỏi các ông: “Dân chúng bảo Thầy là ai?”. 19Các ông thưa: “Có kẻ bảo Thầy là Gioan Tẩy Giả; kẻ thì bảo là Êlia; kẻ khác nữa thì cho là một Ngôn Sứ thời xưa sống lại”. 20Chúa Giêsu hỏi: “Còn các con thì sao? Các con bảo Thầy là ai?”. Phêrô trả lời: “Thầy là Đấng Kitô của Thiên Chúa”. 21Nhưng Chúa Giêsu nghiêm cấm các ông không được nói điều đó với ai,

**Lần thứ nhất tiên báo về Khổ Nạn.**

22và Ngài nói: “Con Người sẽ phải chịu rất nhiều đau khổ, Ngài sẽ bị hàng niên trưởng, các thượng tế và những kinh sư loại trừ, Ngài sẽ bị giết, và ngày thứ ba, Ngài sẽ sống lại”.

**Điều kiện làm môn đệ Chúa.**

23Chúa Giêsu nói với tất cả: “Ai muốn theo Tôi thì hãy từ bỏ chính mình, vác lấy thập giá hằng ngày mà theo Tôi. 24Bởi vì kẻ nào muốn cứu lấy mạng sống mình thì sẽ đánh mất nó; còn ai dám mất mạng sống mình vì Tôi thì sẽ cứu được nó. 25Nào có lợi ích gì cho người ta khi được cả thế gian này, nhưng lại đánh mất hay tự huỷ hoại chính mình? 26Kẻ nào xấu hổ vì Tôi và những Lời của Tôi, thì Con Người cũng sẽ xấu hổ vì người đó, khi Ngài vào trong vinh quang của Ngài, của Cha cùng các Thánh Thiên Thần. 27Tôi bảo anh em: trong số người có mặt ở đây, sẽ có những người không nếm trải sự chết, trước khi nhìn thấy Nước Thiên Chúa”.

**Chúa Giêsu biến hình.**

28Khoảng tám ngày sau khi nói những lời trên, Chúa Giêsu đưa Phêrô, Gioan và Giacôbê đi với Ngài lên núi để cầu nguyện. 29Trong khi Ngài cầu nguyện, diện mạo của Ngài biến đổi, và y phục của Ngài bỗng trắng tinh sáng rực. 30Rồi có hai vị đàm đạo với Ngài, đấy là ông Môsê và ông Êlia, 31hiện ra trong vinh quang, các ngài nói với nhau về cuộc ra đi mà Ngài sắp hoàn tất ở Giêrusalem. 32Phêrô và hai bạn đồng hành của ông đều ngủ mê mệt; chợt tỉnh giấc, các ông chứng kiến vinh quang của Chúa Giêsu, và hai vị đứng bên cạnh Ngài. 33Lúc hai vị ấy chuẩn bị từ biệt Chúa Giêsu, Phêrô thưa Ngài rằng: “Lạy Thầy, chúng ta ở đây thì tốt lắm! Xin để chúng con dựng ba lều: một cho Thầy, một cho ông Môsê và một cho ông Êlia”. Ông không biết mình đang nói gì. 34Phêrô còn chưa nói xong thì có một đám mây bay đến che phủ các ông khiến họ hoảng sợ. 35Và từ trong đám mây, có tiếng vọng ra: “Đây là Con Ta, Đấng Ta đã chọn: các con hãy nghe lời Ngài”. 36Khi tiếng vang vọng ấy vừa dứt, thì chỉ còn lại một mình Chúa Giêsu. Các môn đệ thinh lặng trong những ngày ấy, họ không nói gì với ai về những điều đã chứng kiến.

**Chữa một cậu bé bị quỷ ám.**

37Ngày hôm sau, khi các ngài từ trên núi đi xuống, một đám rất đông đến với Chúa Giêsu. 38Và này có một người từ trong đám đông la lên: “Lạy Thầy, tôi van xin Thầy hãy đoái xem đứa con duy nhất của tôi; 39cháu bị quỷ ám, cứ bất chợt gào thét lên, vật vã và sùi bọt mép; phải khó khăn lắm quỷ mới chịu buông cháu ra, sau khi làm cháu kiệt sức; 40tôi đã xin các môn đệ Thầy trục xuất quỷ, nhưng họ không làm được”. 41Chúa Giêsu trả lời: “Ôi thế hệ thiếu Đức Tin và gian tà này, Tôi còn phải ở với các ông và chịu đựng bao lâu nữa đây? Hãy đưa con của ông tới đây”. 42Đang khi cậu bé tiến lại thì quỷ vật cậu ra đất và làm cậu bị co giật. Chúa Giêsu đe nạt thần ô uế, chữa lành cậu bé và trao lại cho người cha. 43Mọi người đều kinh ngạc trước quyền năng lớn lao của Thiên Chúa.

**Lần thứ hai tiên báo về Khổ Nạn.**

Và trong khi mọi người còn đang sững sờ về các việc Ngài làm, Chúa Giêsu nói với các môn đệ của Ngài rằng: 44“Các con hãy chú tâm mà nghe những lời này đây: Con Người sẽ bị nộp vào tay người đời”. 45Nhưng họ không hiểu những lời ấy, ý nghĩa những lời ấy còn bị che khuất đối với họ, nhưng họ quá sợ nên không dám hỏi lại Ngài.

**Người lớn nhất trong Nước Trời.**

46Thế rồi giữa các ông có một suy nghĩ xem ai là người lớn nhất trong nhóm. 47Chúa Giêsu thấu biết điều các ông suy nghĩ trong lòng họ nên Ngài kéo một em nhỏ tới bên cạnh Ngài 48và nói với các ông: “Ai đón tiếp một em bé như thế này vì Danh Thầy tức là đón tiếp chính Thầy. Và ai đón tiếp Thầy là đón tiếp Đấng đã sai Thầy; vì ai nhỏ nhất trong tất cả các con đây sẽ là người lớn nhất”.

**Một người khác cũng trừ quỷ.**

49Ông Gioan lên tiếng thưa với Chúa Giêsu: “Thưa Thầy, chúng con thấy có người kia nhân Danh Thầy mà trừ được các quỷ; chúng con đã ngăn cản, vì người ấy không theo Thầy cùng với chúng con”. 50Chúa Giêsu nói với ông: “Các con đừng ngăn cản, vì ai không chống đối các con là ủng hộ các con”.

**Còn tiếp nhiều kỳ**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**MỘT CHÚT VỀ “MẦU NHIỆM” SỰ DỮ (CN 16A QN)**

 Nếu đi tìm cái mắt xích nối kết – hay nói theo văn triết – tính xuyên suốt của 3 dụ ngôn về

Nếu đi tìm cái mắt xích nối kết – hay nói theo văn triết – tính xuyên suốt của 3 dụ ngôn về Nước Trời mà chúng ta vừa nghe, có thể nói được đó là : *sự kiên tâm chờ đợi*

- Đừng vội nhổ cỏ lùng, hãy đợi tới mùa gặt.

- Hạt cải thì nhỏ bé, nhưng cứ đợi thử một thời gian, nó sẽ thành cây to lớn, chim trời đến làm tổ được.

- Còn nắm men, thì, hãy đợi đấy – chẳng mấy chốc sẽ làm dậy cả thúng bột cho mà xem.

Sự kiên nhẫn chờ đợi là mắt xích nối kết 3 dụ ngôn.

Nhưng hôm nay tôi lại xin chặt mắt xích ra, để chỉ nói về một dụ ngôn mà thôi. Đó là dụ ngôn đầu tiên, dụ ngôn “lúa và cỏ lùng,” dụ ngôn mà chính Chúa Giêsu phải giải thích sau đó. Tôi muốn dừng lại dụ ngôn này và lại chỉ cắt một khúc thôi để suy nghĩ về *sự dữ,* với câu hỏi “*tại sao lại có sự dữ ?”*

Ông chủ chỉ gieo lúa tốt nhưng khi gặt thì có cả cỏ lùng.

Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ và con người trên trái đất : Chúa đã hài lòng và tuyên bố : *Mọi sự tốt đẹp, đẹp quá sức*. Ấy vậy mà ta thấy nhan nhản trên báo chí, trên tivi : lụt lội ở chỗ này, động đất ở chỗ kia, hạn hán chỗ nọ. Sự dữ loại này hình như do ông Trời (Ông Thiên). Còn sự dữ do ông Nhân (con người) thì cũng vô vàn :  bắt cóc con tin, khủng bố bao trùm, ôm bom tự sát, tai nạn xe cộ, chiến tranh tương tàn, mới đây thôi là máy bay hãng Mã Lai rơi do tên lửa con người bắn, chết gần 300 người… Ấy là không kể chết đói, dịch bệnh mà có thể là sự dữ do cả ông Thiên lẫn bà Nhân gây ra. Vi rút Corona gây ra Covid không chừa ai cả, nghèo cũng bị mà giàu cũng vương, Á Châu cũng nhiều mà Tây Âu cũng lắm. Tại sao có sự dữ như vậy ?

Đâu là “những trả lời của nhân loại ?”

Và đâu là “trả lời của Chúa Giêsu qua dụ ngôn Lúa và cỏ lùng này ?”

**1. Trả lời của nhân loại :**

a)- Những người theo thuyết Nhị Nguyên chủ trương : Vũ trụ được điều khiển bởi 2 vị thần : Thần Thiện và Thần Ác. Thần Thiện gia ân giáng phúc cho con người, còn Thần Ác thì cứ mặc sức đổ xuống tai họa. Trâu bò húc nhau ruồi muỗi phải chết. Hay trong Sơn Tinh – Thủy Tinh : 2 sức mạnh tranh chấp khiến nhân gian tư bề khốn khổ.

b)- Những người theo thuyết Nhất Nguyên lại chủ trương : chỉ có một Chúa Tể, là căn nguyên mọi sự. Sự tốt và sự xấu cũng đều do vị đó. Lỡ dựng nên rồi phải chấp nhận cả. Khi nhìn Hạnh phúc và Đau khổ, triết gia Platon đã chua xót nói: Hạnh phúc và Đau khổ là hai kẻ thù, Thần Linh không hoà giải nổi nên đã trói lại với nhau và bắt phải đánh bạn với nhau suốt đời.

Người bình dân thì thấy: Hoa hồng nào cũng có gai, ngọt bùi nào lại không vương cay đắng. Trong cuốn truyện “Người đàn bà mù,”  tác giả đã ví “hạnh phúc ở đời thường do nhiều mảnh nhỏ ghép lại… Và lúc nào cũng thiếu mất một vài mảnh.”

Hạnh phúc và Đau khổ ! Thiện và Ác cứ gắn bó với nhau. Lúa tốt và cỏ lùng cùng nhau mọc lên trong cánh đồng trần gian của con người.(\*)

c)- Một số người – trong đó có chúng ta – Nhất Nguyên, tin chỉ có một Căn Nguyên, tức một Chúa độc nhất. Mà Chúa thì thánh thiện tốt lành. Vậy tại sao có sự dữ, ta sẽ trả lời đại loại như sau: sự dữ, tai hoạ là hình phạt Chúa gửi cho những người tội lỗi, hoặc tội của họ hoặc của cha ông họ. Nếu tội của họ : hình phạt nhãn tiền; nếu tội của cha ông: cha mẹ ăn mặn, con khát nước. Cha ăn nho chua, con ghê răng quá. Còn cha mẹ hiền lành thì để đức cho con. Có người đã ví Sida như ngọn roi của Chúa gửi xuống để trừng phạt sự sa đoạ của con người. Còn Covid hôm nay thì chưa thấy ai phán xét, vì đang lo đối đầu với nó. Nói cách khác, sự dữ là hình phạt do Chúa – như Cựu ước : Sodoma và Gômôra bị lửa từ trời chứ không phải dưới đất bùng lên thiêu cháy. (\*\*)

Ta đã thử liệt kê 3 lời giải về sự dữ. Nhị Nguyên: 2 thần Thiện Ác đồng ngự trị. Nhất Nguyên theo kiểu Triết mà tiêu biểu là Platon: Lỡ dựng ra rồi, không làm gì được nữa ; ta chỉ thoát được khi thoát cái xác thể chất này. Và một loại Nhất Nguyên tôn giáo nào đó: xem sự dữ như là con roi của Chúa.

Tuy vậy còn lâu ta mới dám tự hào là đã giải quyết xong vấn đề sự dữ. Không nền triết học nào cũng như không một tôn giáo nào đã giải quyết cách vĩnh viễn cả. Nếu giải đáp được thì nó không phải là sự dữ nữa, nó là sự dữ vì nó vô phương giải quyết. Có một mầu nhiệm được gọi là “Mầu nhiệm Sự Dữ.” Tức là sự dữ không phải là vấn đề nằm ngoài ta để ta giải quyết, như chữa một máy xe, sửa một cái ghế, mà chính ta, chủ thể, cũng trở thành vấn đề luôn. Gabriel Marcel đã định nghĩa “mầu nhiệm” là như vậy: “vấn đề nằm trong vấn đề.”

**2. Trả lời của Chúa Giêsu.**

Nhưng  Chúa Giêsu trong dụ ngôn “Lúa và Cỏ Lùng” cho ta một chút ánh sáng.

- Ánh sáng 1: Sự dữ không phải bởi Chúa. Kẻ gieo cỏ lùng chính là ma quỉ. Do đó Chúa không dựng nên sự dữ, Chúa không tạo ra đau khổ, dù là tạo ra để trừng phạt kẻ có tội. Tất cả đều do ma quỉ – tội lỗi.

- Ánh sáng 2: Sự dữ là sự vắng bóng Chúa. Khi mọi người đang ngủ, kẻ thù đến gieo cỏ lùng. Nơi nào vắng bóng Chúa, sự dữ lan tràn. Đâu có tình yêu thương, ở đấy có Đức Chúa Trời. Đâu vắng bóng yêu thương (ĐCT) ở đấy hận thù chia rẽ ghét ghen.

- Ánh sáng 3: Sự dữ thanh luyện chúng ta. Cứ để cỏ lùng mọc cùng lúa tốt. Nếu Chúa là chuyên viên canh nông, khuyên người làm ruộng như thế : hãy để cỏ lùng mọc cùng lúa tốt, chắc sẽ bị phản đối đuổi cổ ngay. Nhà nông thấy cỏ là lo nhổ liền. Nhưng đây Chúa nói dụ ngôn, nên phải hiểu nghĩa muốn chuyển tải: Cứ để cỏ lùng mọc cùng lúa tốt, là lúa phải đâm rễ sâu, phải chôn chân, phải phấn đấu mới có thể mọc tốt được. Lúa nào ỉ lại đất tốt, phân nước đầy đủ : nhất nước nhì phân tam cần tứ giống, mà không vươn lên sẽ bị cỏ lùng che lấp. Đó là điều ta thấy: “Đau khổ thử thách kẻ lòng ngay.” “Lửa thử vàng, gian nan thử đức.” Trong cuốn Nhật Ký, Antoine de Vigny đã làm một bài thơ nói về một vị thần say mê một thiếu nữ. Nhưng thiếu nữ đã từ chối vì “không thể yêu một ‘người’ không biết gì về đau khổ chết chóc cả” (đã là thần, thì đâu có khổ đau chết chóc!) Đau khổ, sự dữ gắn bó với nhân loại như thế đó, như một thân phận (hiện hữu) của con người.

Sau nhiều năm phải sống trong trại tập trung, văn hào Nga Alexandre Solzhenitsyn đã nghiệm ra được những ý tưởng sau :

“Tôi đã học được một bài học lớn nhờ những năm bị giam trong tù.

“Tôi đã hiểu một người trở thành xấu như thế nào và một người trở nên tốt như thế nào.

“Tôi đã dần dần nhận ra rằng đường biên giới phân giai cấp hay các đảng phái chính trị không nằm đâu xa, mà nằm ngay trong lòng mỗi người.

“Ngay trong những trái tim ngập tràn sự ác vẫn còn sót lại một đầu cầu nhỏ nối với sự thiện. Và ngay trong trái tim tốt nhất của các trái tim vẫn còn tồn tại gốc rễ sự ác.”

Có lẽ ta hãy lấy lời khuyên của thánh Phaolô trong Rm 12,18-21 để kết luận:

“Hãy làm tất cả những gì anh có thể làm được để sống hoà thuận với hết mọi người. Kẻ thù ngươi đói, hãy cho họ ăn, có khát hãy cho họ uống. Đừng để sự ác thắng được mình, nhưng hãy lấy thiện mà thắng ác.” Đừng để cỏ lùng lấn chân lúa tốt. Ước gì được như vậy Amen.

**Anphong Nguyễn Công Minh, ofm**

 ------------------------------------------------

(\*) Sách Thánh cuối cùng của thời Cựu ước, sách Khôn Ngoan nói : Không phải Thiên Chúa tạo ra sự chết. Người không vui gì khi thấy chúng sinh mai một. Bởi vì người đã tạo dựng nên mọi sinh linh là để chúng tồn tại (x. Kn 1,13-14).

(\*\*) Về điểm này ta phải nói ngay điều Chúa Giêsu đã trả lời một chỗ khác (Ga 9, 2-3). Khi các tông đồ hỏi về người mù từ lúc mới sinh: Thưa Thầy, ai đã phạm tội khiến người này sinh ra đã mù ? Anh ta hay cha mẹ anh ta ? Chúa Giêsu đã trả lời lại : “Không phải anh ta cũng chẳng phải cha mẹ anh ta đã phạm tội, nhưng sở dĩ như thế là để thiên hạ nhìn thấy công trình của Thiên Chúa nơi anh.”

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**HÃY LÀM MỌI SỰ ĐỂ CÓ ĐƯỢC NƯỚC TRỜI**

Suy niệm Chúa nhật XVII thường niên – năm A

(Mt 13, 44-52)

Kính mời theo dõi video bài giảng tại đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=GI37Lwnt0kE&feature=youtu.be>

 Một điều vô tiền khoáng hậu được ký kết trong một giấc mộng tại Gabaon giữa một bên là Thiên Chúa, bên kia là Salomon, Thiên Chúa phán : "Đây Ta ban cho ngươi điều ngươi xin … đến nỗi trước ngươi không có ai giống ngươi, và sau ngươi không có ai bằng ngươi" (1V 3, 12).

Thiên Chúa muốn thông ban vinh quang đã có tự đời đời cho con người. Vinh quang này được sánh như một kho báu hay một viên ngọc quí mà con người khát khao kiếmtìm. Hạnh phúc ấy là chính Chúa. Chính con người cũng không biết mình được dựng nên để vui hưởng vinh quang với Thiên Chúa. Theo thánh Phaolô thì Thiên Chúa biết chúng ta từ thủa đời đời; khi được tạo thành, Ngài đã gọi tên ta. Theo nghĩa Thánh Kinh, Thiên Chúa biếtvà cưu mangchúng ta bằng cả tấm lòng, như người mẹ biết con mình khi cưu mang con trong dạ.

Kế hoạch của Thiên Chúa là Ngài muốn chúng ta trở nên giống hình ảnh của Chúa Giêsu, Con Ngài. Nói cách khác, Thiên Chúa muốn chúng ta là một thành viên trong gia đình Ba Ngôi Thiên Chúa. Đây là một đại ân huệ Thiên Chúa dành cho chúng ta! Ngài tạo dựngchúng ta giốnghình ảnh của Con Chúa, nên đồng hình đồng dạng với Chúa Giêsu, nhất là mang trên mình danh hiệu là kitô hữu" Đức Giêsu Kitô: làm sao giàu có như Người, mà vì anh em, Người đã nên nghèo khó, ngõ hầu anh em được nên giàu có nhờ sự nghèo khó của Người " (2 Cr 8,9).

Nếu chúng ta nghe và đáp lời Chúa, Thiên Chúa sẽ biện hộ cho chúng ta ; Ngài sẽ làm cho chúng ta trở nên thánh thiện, hoan lạc, hạnh phúc và chiếu tỏa rạng ngời vinh quang Chúa phù hợp với Thiên Chúa. Vì kế hoạch của Thiên Chúa là " Những kẻ Chúa đã biết trước, thì Người đã tiền định cho họ nên giống hình ảnh Con Người, để Ngài trở nên trưởng tử giữa đoàn anh em đông đúc. Những ai Người đã tiền định, thì Người cũng kêu gọi; những ai Người đã kêu gọi, thì Người cũng làm cho nên công chính; mà những ai Người đã làm cho nên công chính, thì Người cũng cho họ được vinh quang " (Rm 8, 29-30).

Trong khi đó, kế hoạch của con người, là đi tìm hạnh phúc. Việc tìm kiếm này đòi phải phân định. Như chiếc lưới kéo lên tất cả các loại cá, nên hạnh phúc cũng có tất cả các loại. Có những thứ hạnh phúc đích thực, có những thứ hạnh phúc rẻ tiền, hão huyền, trống rỗng và giả dối.

Vua Solomon đã xin Chúa ban cho một “tâm hồn khôn ngoan để đoán xét dân Chúa, và phân biệt lành dữ” (1V 3, 9).

Để có hạnh phúc thật, cần phải cầu xin Chúa như Salomon : cho được ơn làm chủ bản thân, biết phân biệt tốt xấu, chọn lựa điều  tốt, bỏ điều xấu. Vì tất cả những gì chúng ta hài lòng chưa hẳn đã là tốt.

Có ơn phân định, để nhận ra tiếng Chúa, làm theo kế hoạch của Chúa, như tác giả Thánh Vịnh đã hát : " Bởi thế nên con yêu quý chỉ thị Ngài hơn vàng, và hơn cả vàng ròng tinh khiết. Bởi thế nên con tự chọn tất cả huấn lệnh của Ngài; hết thảy đường lối gian tà con đều ghét bỏ " (118, 127-128 ). Cần phải có tâm hồn tỉnh thức, sẵn sàng không hời hợt, bốc đồng.

Tỉnh thức, thì dễ vâng phục và lắng nghe Chúa hơn, như thế mới có hạnh phúc. Hạnh phúc ở đây chính là điều Chúa Giêsu áp dụng cho Nước Trời, khi Người sánh ví như một kho báu hay một thương gia đi tìm ngọc quí.

Nước Trời, là chủ đềhạnh phúc chúng ta tìm kiếm, đôi khi có thể được tìm thấy một cách tình cờ, như người kia tìm được kho tàng khi cày ruộng. Nó cũng có thể là kết quả của cuộc tìm kiếm lâu dài, như người buôn nọ đi tìm ngọc quý (Mt 13, 45). Và khi đã tìm được kho tàng, hay viên ngọc quý rồi, điều trước tiên như Chúa Giêsu nói là bán hết những gì đang có, để mua bằng được kho tàng và viên ngọc.

Kho tàng hay viên ngọc quí ấy là chính Đức Kitô. Tiên vàn hãy tìm kiếm Chúa Kitô trước đã. Ôi thật là khó, vì chung quanh chúng ta có quá nhiều ràng buộc, ngăn cản chúng ta gắn bó với Đức Kitô. Chúa Giêsu đòi hỏi chúng ta dành cho Người tình yêu trên hết, chúng ta phải là kitô hữu 100%.

Chúa Giêsu tuyên bố: " Không ai có thể làm tôi hai chủ» (Mt 6,24). Chỉ có "kho tàng trên trời " mới là nơi chúng ta lựa chọn gửi gắm lòng mình : " Vì kho tàng ngươi ở đâu, thì lòng ngươi cũng ở đó " (Mt 6, 20s). Thánh Phaolô nói rõ : " Quê hương chúng ta là quê trởi, nước chúng ta là trời cao "(Ph 3,20).

Để có được Nước Trờichúng tacần phải dứt bỏ như Chúa Giêsu gọi mời : "Nếu ai muốn đi sau Ta, thì hãy chối bỏ chính mình, hãy vác lấy khổ giá của mình và hãy theo Ta " (Mt 16,24)… Và  chỗ khác Người nói : " Nếu ngươi muốn được trọn lành, thì hãy đi bán những gì ngươi có mà cho kẻ khó ", sau cùng Người thêm: "đoạn hãy đến theo " (Mt 19,21). Không những thế còn phải phấn đấu, " giống như người buôn nọ đi tìm ngọc quý. Tìm được một viên ngọc quý, anh về bán mọi của cải mà mua viên ngọc ấy ". Chúa Giêsu chỉ cho chúng ta rằng không thể có được Nước Trời, nếu chúng ta không từ bỏ tất cả những gì chúng ta đang có : vinh quang, giầu có, địa vị và tất cả những sự tìm kiếm khác.

Qua dụ ngôn chiếclưới thả dưới biển, bắt được mọi thứ cá, (Mt 13, 47) Chúa Giêsu cảnh báo. Đừng có lựa chọn và hành động nửa vời : cần phải tách mình ra khỏi tội lỗi là thứ ngăn cản chúng ta đến với Chúa và Nước Trời.

Chúng ta hãy nài xin Chúa ban ơn trợ giúp, để chúng ta cóthêmnghị lực vứt bỏ tội lỗi, và cam kết chọn Chúa là lẽ sống của chúng ta. Amen.

**Lm. An-tôn Nguyễn Văn Độ**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**ÁP DỤNG DỤ NGÔN GIEO GIỐNG (MC 4,13-20)**



Tác giả: Giuse Lê Minh Thông, O.P.

Email: josleminhthong@gmail.com

Ngày 16 tháng 06 năm 2020.

Nội dung

 Dẫn nhập

1. Cấu trúc 4,13 và tầm quan trọng dụ ngôn gieo giống.

2. So sánh dụ ngôn (4,3-8) và áp dụng (4,14-20)

3. Giải thích đoạn văn Mc 4,14-20

4. Các loại đất trong dụ ngôn là ai?

5. Dụ ngôn gieo giống và độc giả

Kết luận

 **Dẫn nhập**

 Sau khi tìm hiểu “Mc 4,1-9: Dụ ngôn gieo giống” và “Mc 4,10-12: Mầu Nhiệm Nước Thiên Chúa và những kẻở ngoài”, bài viết này phân tích “Mc 4,13-20: Áp dụng dụ ngôn gieo giống”.

 Từ đầu thế kỷ XX, các nhà chú giải thường phân biệt hai giai đoạn trong đoạn văn 4,1-20: (1) Lời rao giảng của Đức Giê-su bằng dụ ngôn (4,1-9) và (2) phần áp dụng dụ ngôn (4,14-20) là của những người đi rao giảng Tin Mừng sau khi Đức Giê-su về trời, vì đoạn văn 4,14-20 có những chi tiết gợi lại giáo huấn của Hội Thánh tiên khởi. Một số tác giả khác cho rằng Đức Giê-su chỉ nói dụ ngôn gieo giống (4,1-9) trong viễn cảnh cánh chung: khẳng định sự thành công cuối cùng của Vương Quốc Thiên Chúa cho dù gặp sự chống đối. Khởi đầu là như thế, nhưng những người rao giảng trong cộng đoàn Ki-tô hữu đã áp dụng dụ ngôn gieo giống vào cuộc sống với những bài học luân lý (4,14-20).

 Bản văn 4,3-8 (dụ ngôn) và 4,14-20 (áp dụng) có những chi tiết khác nhau cho thấy khoảng cách giữa hai thời kỳ: (1) thời Đức Giê-su và (2) thời cộng đoàn Mác-cô. Tuy nhiên, khẳng định lời nào trong Tin Mừng là của Đức Giê-su và lời nào của cộng đoàn là không thể thực hiện được, vì cả hai được hòa lẫn với nhau. Tin Mừng kể lại câu chuyện thời Đức Giê-su vào những năm 30, nhưng lại viết cho cộng đoàn vào những năm 70 nên trong trình thuật Tin Mừng có những gợi ý về hoàn cảnh, cách sống, cách suy nghĩ của cộng đoàn; cũng như những khó khăn thử thách từ bên trong hay bên ngoài mà cộng đoàn đang trải qua, chẳng hạn cộng đoàn đang bị bách hại vì niềm tin vào Đức Giê-su. Vậy không nên hiểu đơn giản là những gì có trong bản văn đều xuất phát từ môi miệng Đức Giê-su. Điều quan trọng là tác giả sách Tin Mừng với ơn linh hứng viết Tin Mừng nhằm chuyển tải thông điệp mặc khải cho cộng đoàn và cho độc giả qua mọi thời đại. Độc giả có thể nhận ra dấu ấn của cộng đoàn trong phần giải thích dụ ngôn (4,14-20). Người thuật chuyện dùng từ “logos” (Lời) để chỉ nội dung giảng dạy của Đức Giê-su. “Gieo lời” cũng là sứ vụ rao giảng của cộng đoàn. Phần giải thích dụ ngôn cho thấy bận tâm của cộng đoàn tiên khởi trong việc rao giảng và giải thích lời Đức Giê-su.

 Phần sau tìm hiểu đoạn văn áp dụng dụ ngôn gieo giống (Mc 4,13-20) qua 5 mục: (1) cấu trúc 4,13 và tầm quan trọng của dụ ngôn gieo giống; (2) so sánh dụ ngôn (4,3-8) và áp dụng dụ ngôn (4,14-20); (3) giải thích đoạn văn 4,14-20; (4) các loại đất trong dụ ngôn là ai?; (5) dụ ngôn gieo giống và độc giả.

**1. Cấu trúc 4,13 và tầm quan trọng dụ ngôn gieo giống.**

 Đoạn văn 4,13-20 mở đầu bằng hai câu hỏi của Đức Giê-su ở 4,13 cho thấy tầm quan trọng của dụ ngôn gieo giống. Câu 4,13 có cấu trúc đồng tâm A, B, C, C’, B’, A’ theo ba đề tài A//A’: không hiểu biết – hiểu biết; B//B’: dụ ngôn số ít và số nhiều; C//C’: trường hợp cụ thể “dụ ngôn này” soi sáng cho “tất cả”. Kiểu cấu trúc đặc biệt ngắn ngọn này được trình bày song song tiếng Việt và tiếng Hy-lạp như sau:



Mc 4,13 gồm hai câu hỏi. Bản văn N-A27e gộp 2 câu thành một câu hỏi và để dấu phẩy cuối câu thứ nhất: “Anh em không hiểu biết dụ ngôn này, thì làm sao anh em hiểu...?” Bản văn BYZ dùng hai lần dấu hỏi (?). Theo kiểu hành văn Mác-cô, nên hiểu đâu là hai câu hỏi đặt cạnh nhau. Hai câu hỏi này cùng với lời kêu gọi ở đầu dụ ngôn “Các ngươi hãy nghe” (4,3) mời gọi độc giả cần chú ý lắng nghe để hiểu.

Đức Giê-su nói đến “dụ ngôn” (số ít) ở 4,13a trong khi các môn đệ hỏi Đức Giê-su về “các dụ ngôn” (số nhiều) ở 4,10. Câu 4,13 có cấu trúc đồng tâm, dụ ngôn số ít (B) song song với dụ ngôn số nhiều (B’) cho thấy dụ ngôn gieo giống là chìa khoá để hiểu tất cả các dụ ngôn khác. Nếu không hiểu dụ ngôn này thì sẽ không hiểu được tất cả các dụ ngôn khác. Vậy cần tìm hiểu kỹ ý nghĩa dụ ngôn này. Trong câu 4,13, lần đầu tiên Đức Giê-su trách các môn đệ không hiểu. Đề tài các môn đệ “không hiểu” sẽ được nhấn mạnh trong những đoạn văn tiếp theo sách Tin Mừng. Xem bài viết: “Anh em ngu muội như thế sao?” (Mc 7,18) Hành trình các môn đệ nói gì với độc giả?

**2. So sánh dụ ngôn (4,3-8) và áp dụng (4,14-20)**

 Trong phần dụ ngôn (4,3-8), mỗi trường hợp có hai yếu tố: (a) nơi hạt giống rơi xuống và (c) kết quả. Trong phần áp dụng dụ ngôn (4,14-20), mỗi trường hợp gồm ba yếu tố: (a) nhắc lại loại đất nơi hạt giống được gieo xuống đã nói đến trong dụ ngôn; (b) mô tả cách thức nghe và thái độ đón nhận lời; (c) kết quả.

 



Ba lời giải thích đầu tiên (4,15-19) kèm theo những yếu tố khác nhau làm cho hạt giống không phát triển được. Qua đó cho thấy lý do tại sao lời Thiên Chúa không hiệu quả. Những lý do cản trở này mang màu sắc luân lý.

Phần dụ ngôn (4,4-8) nhấn mạnh chiều kích “không gian”, có hạt rơi xuống vệ đường, có hạt rơi trên sỏi đá, có hạt rơi vào bụi gai, có hạt rơi vào đất tốt. Trong khi phần áp dụng nhấn mạnh yếu tố “thời gian”: Trước là rơi xuống vệ đường, sau đó bị lấy mất... và chú trọng đến hoàn cảnh người đón nhận.

Phần áp dụng đồng hoá hạt giống với người nghe Lời qua kiểu nói: “những kẻ thuộc loại được gieo vào...”. Về trường hợp đất tốt, trong dụ ngôn là “hạt giống sinh hoa trái” (4,8), còn trong phần áp dụng là “họ sinh hoa trái” (4,20).

**3. Giải thích đoạn văn Mc 4,14-20**

4,14: “Người gieo giống gieo Lời.” Câu này không cho biết người gieo giống là ai, nhưng nói rõ hạt giống trong dụ ngôn là Lời. Danh từ “Lời” (logos) là thuật ngữ Hội Thánh tiên khởi nói về loan báo tin mừng (Cv 4,4; 6,4; 8,4; 10,44; 11,19; 17,11; 19,20; Gl 6,6; Col 4,3; 2Tm 4,2; 1P 2,8; 3,1). Từ “Lời” (logos) ở Mc 4,14 không có bổ túc từ, nên không xác định là lời của ai. Bản văn không xác định để độc giả hiểu nhiều cấp độ: Lời Thiên Chúa, lời Đức Giê-su, lời rao giảng của cộng đoàn Mác-cô.

4,15: “Những kẻ thuộc loại ở bên vệ đường, nơi Lời đã gieo xuống, là những kẻ vừa nghe thì ngay lập tức Xa-tan đến và lấy đi Lời đã được gieo nơi họ.”

 - 4,15a: “Những kẻ thuộc loại: ở bên vệ đường, nơi Lời đã gieo xuống”. Phần áp dụng dụ ngôn nói về “đất đón nhận lời” và không phân biệt “hạt giống” (Lời) và “đất đón nhận Lời”. Trong dụ ngôn (4,3-8), “con người” đồng hoá với “loại đất” nơi hạt giống được gieo và “Lời” đồng hoá với “hạt giống”, còn trong phần áp dụng (4,14-20) “con người” lại được đồng hoá với “hạt giống” qua kiểu nói: “những kẻ thuộc loại ở bên vệ đường” (4,15), nghĩa là những kẻ thuộc loại hạt giống rơi bên vệ đường (x. 4,16.18). Phần dụ ngôn (4,4-8) phân biệt 3 điều: (a) “người gieo giống”; (b) hành động “gieo giống”; (c) “nơi hạt giống rơi xuống”. Dụ ngôn phân biệt “hạt giống” và “đất đón nhận hạt giống”, trong khi  phần áp dụng (4,14-20) chỉ chú trọng vào người đón nhận hạt giống.

- 4,15b: “Xa-tan”. Nhân vật này xuất hiện trong phần áp dụng, còn trong dụ ngôn là “chim chóc” (4,4). Hình ảnh loài chim nói về Xa-tan tìm thấy trong sách Jubilé (Jub 11,11) và Apocalypse d’Abraham (Ap Abr 13,3-8). (Xem các bản văn này trong A. Dupont-Sommer; M. Philonenko, (dir.), La Bible, écrits intertestamentaires, (Bibliothèque de la Pléiade), Paris, Gallimard, 1987). Xa-tan là kẻ chống lại Thiên Chúa, cản trở Lời phát triển nơi người nghe. “Lời” và “người nghe” chưa có tương quan, chưa gắn kết được với nhau thì đã bị Xa-tan lấy mất.

“Lập tức Xa-tan đến và lấy đi Lời đã gieo nơi họ”. Câu này gợi đến nhân vật Phê-rô. Sau khi ông tuyên xưng Đức Giê-su là “Đấng Ki-tô” (8,29) lại ứng xử như Xa-tan: ngăn cản chương trình của Thiên Chúa. Đức Giê-su nói với ông ở 8,33: “Hãy đi sau Thầy! Xa-tan!” Hạt giống tốt đã gieo vào Phê-rô qua lời tuyên xưng, nhưng Xa-tan đã làm cho ông thuộc về nó.

4,16-17: “16 Những kẻ thuộc loại được gieo trên sỏi đá, là những kẻ khi nghe Lời lập tức vui vẻ đón nhận Lời, 17 họ không có rễ nơi mình lại còn nông nổi nhất thời; sau đó, xảy đến sự khốn khó hay bách hại vì Lời, lập tức họ bị vấp ngã.”

- 4,16: “Những kẻ thuộc loại được gieo trên sỏi đá, là…” Trường hợp thứ hai này có những yếu tố mới so với trường hợp thứ nhất (4,15). Người ta không chỉ nghe mà còn đón nhận và đón nhận cách vui vẻ. Nhưng lại không có rễ sâu để đứng vững trước sóng gió.

 - 4,17: “xảy đến sự khốn khó hay bách hại vì Lời, lập tức họ bị vấp ngã”. Điều làm họ vấp ngã đến từ bên ngoài. Đó là những khó khăn và bách hại. Khi niềm tin đòi hỏi phải trả giá, nghĩa là “đón nhận lời” đồng nghĩa với thiệt thòi, mất mát, khổ đau. Đặc biệt nguyên nhân vấp ngã là “vì Lời” và cũng chính “Lời” đem lại niềm vui và sức sống. Có khả năng đón nhận cả hai khía cạnh này của “Lời” mới là người thực sự nghe Lời. Câu giải thích này gợi đến hoàn cảnh cộng đoàn bị bách hại.

4,18-19: “18 Những người khác là những kẻ được gieo vào bụi gai. Đây là những kẻ đã nghe Lời, 19 nhưng những lo lắng sự đời, bả vinh hoa phú quý và những đam mê về những điều khác đến bóp nghẹt Lời và không sinh hoa trái.”

4,18: “Đã nghe Lời (akousantes)” là động tính từ, thì quá khứ aoriste của động từ “akouô” (nghe). Hai lần trước (4,15.16) động từ này được dùng ở lối tiếp thuộc aoriste: “akousôsin” có nghĩa mong muốn nghe chứ chưa nghe. Vậy, loại người ở 4,18 đã thực sự nghe được Lời (động từ ở thì quá khứ aoriste).

4,19a: “những đam mê về những điều khác đến bóp nghẹt Lời”. Hình ảnh “bụi gai” (4,18) diễn tả yếu tố bóp nghẹt lời. Trường hợp thứ ba này nói về những điều bên trong con người gây trở ngại cho Lời. Những bận tâm sự đời làm cho Lời không có không gian và không đủ thời gian để phát triển, nên bị bóp nghẹt, bị ngộp, bị chết yểu, suy dinh dưỡng.

4,19b: “Không sinh hoa trái”. Dịch sát: “và trở thành (ginetai) không có trái (akarpos)”. Tiếp đầu ngữ “a-” có nghĩa phủ định: “không”.

4,20: “Còn những người thuộc loại được gieo trên đất tốt, đó là những người nghe Lời và đón nhận và họ sinh hoa trái, kẻ được ba mươi, kẻ được sáu mươi, kẻ được một trăm.”

- 4,20b: “Những người nghe Lời và đón nhận”. Trong phần áp dụng dụ ngôn, ở đây xuất hiện lần đầu tiên động từ “akouô” (nghe) ở thì hiện tại, lối trình bày: “akouousin”. Trước đây, động từ này chia ở thì quá khứ aoriste, ở lối tiếp thuộc hay ở lối động tính từ. Động từ “đón nhận” (paradekhomai) cũng chia ở thì hiện tại: “paradekhontai”. Như thế, người thuộc loại này đã thực sự “nghe” và “đón nhận” Lời. Hai động từ thì hiện tại trên diễn tả ý tưởng kéo dài trong quá trình nghe và đón nhận: Nghe và đón nhận mọi nơi, mọi lúc và không bao giờ kết thúc. Nghĩa là nghe và đón nhận Lời suốt đời, trong mọi hoàn cảnh.

- 4,20c: “họ sinh hoa trái”. Nghe và đón nhận Lời ở 4,20b là điều mới mẻ so với cách nghe và đón nhận trong những trường hợp trước: nghe mà không sinh hoa trái. Nghe và đón nhận trong trường hợp thứ tư (4,20) không phải hời hợt bên ngoài. Lời đã thấm sâu vào tâm trí, trở thành máu thịt, trở thành nguồn sức sống cho người nghe. Nhờ sức mạnh của Lời, người đón nhận vượt qua mọi thử thách bên ngoài (bách hại), cám dỗ bên trong (lo lắng sự đời).

Tóm lại so sánh dụ ngôn (4,4-8) và áp dụng dụ ngôn (4,14-20) cho thấy một số điểm khác nhau. Dụ ngôn gieo giống (4,1-9) giúp hiểu phần áp dụng dụ ngôn (4,13-20), chứ không phải phần áp dụng giúp hiểu dụ ngôn gieo giống (4,1-9). Dụ ngôn gieo giống (4,1-9) tự nó phong phú hơn nhiều. Phần áp dụng chỉ là một trong những cách hiểu. Như đã trình bày trong phân tích, dụ ngôn 4,1-9 giải thích tại sao công việc rao giảng của Đức Giê-su lại bị chống đối và có những người không tin. Còn phần áp dụng (4,14-20) lại cho biết những lý do luân lý khiến Lời không sinh hoa trái. “Hạt giống rơi vào đất tốt” trong dụ ngôn (4,8a) được hiểu là “những kẻ được gieo vào đất tốt” trong phần áp dụng dụ ngôn (4,20a).

 **4. Các loại đất trong dụ ngôn là ai?**

 Nếu đọc hết Tin Mừng Mác-cô có thể nhận ra những loại đất được nói đến trong dụ ngôn:

**Lề đường:**

- Các kinh sư.

- Những người Pha-ri-sêu.

- Những người thuộc phe Hê-rô-đê.

- Giới lãnh đạo Do-thái ở Giê-ru-sa-lem.

**Đất sỏi đá:**

- Các môn đệ (4,40; 7,18; 8,17.21; 14,50).

- Phê-rô (8,29-33; 14,66-42).

- Gia-cô-bê và Gio-an (10,35-40).

**Trong bụi gai:**

- Hê-rô-đê (6,20).

- Người thanh niên giàu có (10,17-22).

**Đất tốt:**

- Các môn đệ sau biến cố Phục Sinh.

- Cộng đoàn người tin qua mọi thời đại.

 Về phía độc giả, dụ ngôn không chỉ mô tả thái độ các nhân vật trong câu chuyện mà câu chuyện muốn nhắn gửi độc giả hai điều: (1) Đối diện với Lời, độc giả thuộc loại đất nào? (2) Khi rao giảng Lời, đừng nản chí khi thấy Lời không được nghe và đón nhận. Hãy xác tín vào kết quả cuối cùng của Lời.

**5. Dụ ngôn gieo giống và độc giả**

 Dụ ngôn gieo giống như Đức Giê-su rao giảng (4,3-9), khởi đầu được áp dụng cho sứ vụ rao giảng của Người. Sau đó dụ ngôn được áp dụng vào đời sống cộng đoàn Mác-cô (4,14-20), và áp dụng vào sứ vụ rao giảng Lời của Hội Thánh. Tự nó, dụ ngôn có nhiều cách áp dụng khác nhau tuỳ theo hoàn cảnh. Trước hết, dụ ngôn không nói đến trách nhiệm của người gieo lời, cũng không quy trách nhiệm cho chất lượng hạt giống. Vậy độc giả có thể áp dụng dụ ngôn thế nào?

1. Lời gieo trên vệ đường: Độc giả có thể nghe, đọc và hiểu biết “Lời” trong Tin Mừng  nhưng Lời không có tương quan với cuộc đời độc giả, nghĩa là hạt giống còn nằm trên mặt đất khô cằn, không có nối kết giữa Lời và độc giả để hạt giống phát triển. Cách thức nghe, đọc và học hỏi giáo huấn của Đức Giê-su như trên sẽ không sinh hoa kết quả, nghĩa là Lời không mang lại sự sống cho người đọc.

2. Lời gieo trên đất sỏi đá: Đón nhận lời thì “mọc ngay” (4,5) hay “lập tức vui vẻ đón nhận” (4,16), nhưng “không có rễ nơi mình” (4,6.17). Khi mặt trời mọc lên, nghĩa là lúc phải đương đầu với khó khăn thử thách thì không chịu nổi, nên Lời đã gieo bị chết khô. Giáo huấn của Đức Giê-su tuy hấp dẫn, thích nghe nhưng chẳng mấy chốc không còn gì nữa vì động lực đến với Lời chỉ hời hợt bên ngoài.

3. Lời gieo vào bụi gai: Gai mọc lên làm cho cây chết nghẹt. Những ưu tư, bận tâm cuộc sống làm cho Lời không phát triển đủ để sinh hoa trái. Những gì đã đọc, đã học, đã biết về “Lời” không áp dụng được vào hoàn cảnh cụ thể. Những hiểu biết về giáo huấn của Đức Giê-su vẫn chỉ là những kiến thức trong sách vở, có kiến thức mà không biết để làm gì, không giúp gì cho cuộc sống, nghĩa là Lời không sinh hoa trái trong cuộc đời.

4. Lời gieo vào đất tốt: Dụ ngôn không nói đất tốt thế nào, nhưng dựa vào “sinh hoa trái” để biết là đất tốt. Việc lắng nghe và đón nhận Lời đem lại sức sống và làm cho độc giả có khả năng đứng vững trước mọi thử thách. Trong mọi hoàn cảnh, Lời mang lại bình an và niềm vui đích thực cho người biết lắng nghe. Hoa trái của người biết nghe và đón nhận thực sự sẽ lan toả trong môi trường sống.

**Kết luận**

Những ý tưởng mới trong phần áp dụng dụ ngôn (4,14-20) so với dụ ngôn gieo giống (4,1-9) cho thấy sự phong phú của cách giảng dạy bằng dụ ngôn. Dụ ngôn tự nó là hình ảnh có khả năng mở ra nhiều áp dụng khác nhau tuỳ theo hoàn cảnh. Đối với độc giả, vấn đề không phải là thu thập nhiều kiến thức về giáo huấn của Đức Giê-su nhưng là cách đón nhận Lời. Khả năng đón nhận và kết quả có khác nhau. Dụ ngôn nói đến ba cấp độ sinh hoa trái: ba mươi, sáu mươi hay một trăm. Kết quả không đồng đều vì khả năng mỗi người khác nhau. Điều bản văn nhấn mạnh là “sinh hoa trái” hay “không sinh hoa trái” chứ không phải sinh bao nhiêu hoa trái. Nhờ dành cho Lời một vị trí xứng đáng trong lòng mình, độc giả sẽ cảm nghiệm được sự ngọt ngào, thú vị và sức mạnh hoa trái của Lời trong cuộc đời./.

 Nguồn:

<http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/2020/06/mc-413-20-ap-dung-du-ngon-gieo-giong.html>

**Lm. Jos Lê Minh Thông, OP**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

 **TẢN MẠN VỀ THƯ CHUNG 1980 CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM**

Lm GIUSE NGUYỄN CÔNG ĐOAN - Dòng Tên



Lm Giuse Nguyễn Công Đoan gặp ĐGH Phanxicô trong dịp kỷ niệm 50 năm sống trong dòng Tên năm 2016 (ảnh của báo CG&DT)

Kỷ niệm 40 năm Thư Chung 1980, những nghiên cứu về “thần học bối cảnh” phía sau bức thư đã được tiến sĩ Peter Hải bên Úc trình bày rất tường tận. Các nghiên cứu khác thì nhiều người có khả năng hơn để tham gia.

Tòa soạn báo Công giáo và Dân tộc nhờ tôi viết vài cảm nghĩ “tản mạn” về Thư Chung 1980. Ở nơi quê hương của Chúa, vào cái tuổi mà bạn bè cũ đã về hưu, tôi vẫn chưa đạt mức “bảy nghiệp”, nên vẫn bận rộn. Viết gì sâu xa thì không dám, nhưng viết tản mạn  thì một ông lão đã chạm mức trần cao của Thánh vịnh: “Tính tuổi thọ trong ngoài bảy chục, mạnh giỏi chăng là được tám mươi” chịu lắm, chỉ sợ người thời nay không có thời giờ đọc chuyện thời xưa thôi!

**ĂN CƠM MỚI NÓI CHUYỆN CŨ**

Tôi nói ăn cơm mới, vì đã được biết và đã ăn vài bữa cơm của Đức TGM Leopoldo Girelli, hiện là Sứ Thần Tòa Thánh bên cạnh Nhà nước Israel, kiêm Khâm sứ Tòa Thánh tại Giêrusalem và Palestin, do tính phức tạp của vùng đất này. Trước khi nhận nhiệm sở tại đây, ngài là “Đại diện không thường trú” của Tòa Thánh Vatican tại Việt Nam từ năm 2011-2017.

Hai năm trước, có một đoàn hành hương từ Sapa tới Giêrusalem, xin thăm ngài. Tôi được gọi giúp dịch thư từ bằng tiếng Việt giữa hai bên, rồi trong buổi gặp gỡ thân mật diễn ra ngay tại nhà chúng tôi – vì lúc ấy Tòa Khâm sứ đang sửa chữa, không đủ chỗ tiếp tám chục người. Đáp lời chào mừng của đoàn, ngài mở đầu: “Khi tôi rời Việt Nam, tôi chỉ xỏ đôi giày mang theo, còn trái tim tôi để lại ở đó”. Ngài nói rất chân thành và chứng tỏ ngay sau đó: đoàn chỉ xin thăm, đến khi thăm rồi thì xin ngài chủ sự thánh lễ.

Ngài hỏi tôi: “Sáng nay tôi dâng lễ rồi thì sao?”. Tôi trình với ngài: “Đây là ngoại lệ, không có lần thứ hai cho người hành hương và cho ngài đâu!”. Ngài vui vẻ đi mặc áo lễ. Tôi đồng tế bên cạnh. Cảnh “mẹ gà con vịt”. Ngài mở đầu bằng tiếng Việt: “Nhân danh Cha…, Bình an của Chúa ở cùng anh chị em…”. Sau đó thì tôi đọc tiếp bằng tiếng Việt. Ngài giảng bằng tiếng Ý, tôi dịch. Đến kinh Tiền Tụng và Kinh Nguyện Thánh Thể cũng vậy… Trái tim ngài vẫn còn ở Việt Nam.

Ăn cơm mới nhớ chuyện cũ, tôi nhớ chứ không có gì để nói, vì lúc đó tôi đi ra miền Trung gõ cửa từng Đức Giám mục để xin ý kiến về tương lai của Giáo Hoàng Học viện Thánh Piô X, Đà Lạt do Dòng Tên phụ trách, khi về thì nghe kể lại.

Nghe tâm tình của Đức Khâm sứ ở đây, tôi bỗng cúi mặt bùi ngùi, nhớ lại Vị Khâm sứ cuối cùng tại Việt Nam, Đức cha Henri Lemaitre, rời đi năm 1975, ôm theo một trái tim đầy khắc khoải và chiếc áo dòng bị kéo đứt nút làm kỷ niệm.

Bốn mươi lăm năm qua đi giữa Đức Khâm sứ cuối cùng và vị Đại diện không thường trú đầu tiên, đánh dấu hai giai đoạn lịch sử thật trái ngược. Giữa những biến chuyển toàn cầu, đường lối Tin Mừng của Hội đồng Giám mục Việt Nam được phát biểu trong Thư Chung năm 1980 và được toàn thể Hội Thánh kiên trì thực thi, đã chuyển nối giữa hai câu chuyện trong tương quan giữa Hội Thánh và chính quyền, giữa Tòa Thánh Vatican với Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**TỪ THƯ CHUNG 1951 ĐẾN THƯ CHUNG 1980**

**Chuyện tản mạn về Thư Chung**

1980 đưa tôi ngược về năm 1951, lúc tôi lên mười. Tôi còn là cậu giúp lễ ở một xứ đạo xa xôi, chuẩn bị vào Tiểu Chủng viện năm 1952, chưa biết gì ngoài chuyện sợ bom đạn, vì chiến tranh đang lên tới đỉnh cao.

Năm 1954, tôi theo chủng viện di cư vào Nam rồi tiếp tục học hành. Ngày 29.4.1975, giữa tuổi “băm…”, tôi mới bắt đầu làm việc. Sau năm 1954, do hoàn cảnh, các giám mục ở miền Bắc gần như hoàn toàn cắt đứt với bên ngoài, nên vẫn sống với Thư Chung 1951.

**TỪ ĐỨC THÁNH CHA PIÔ XI ĐẾN THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN XXIII VÀ THÁNH GIÁO HOÀNG PHAOLÔ VI**

Tư tưởng của loài người tiến triển không ngừng. Thời đại của những khám phá khoa học về mọi lãnh vực từ thế kỷ XVI thúc đẩy sự phát triển tư tưởng ngày càng nhanh. Trong khi đó thì Hội Thánh trước thời công đồng Vatican II, có thể nói là tự bằng lòng với một khung giáo lý vững vàng, bất di bất dịch, một nền thần học chủ yếu là giải thích các tín điều, một nền triết học chủ yếu kế thừa của Hy lạp. Triết học này được coi là “nữ tì phục vụ thần học”. Những người giảng dạy thần học, triết học chủ yếu là người phương Tây, một số người tự coi là trung tâm của thế giới, coi các dân khác là man-di mọi rợ. Sau thánh Tô-ma A-qui-nô thì thần học và triết học được giảng dạy trong Hội Thánh trở cái thành khung tư tưởng, dường như không có chỗ cho sáng tạo nữa. Kinh Thánh là Lời Chúa, nguồn ánh sáng và sức sống của tìn hữu và cả Hội Thánh, đôi khi cũng bị giáng cấp làm một “nữ tì phục vụ thần học”. Cuộc cải cách của Luther và nhiều người khác, làm cho Sách Thánh trở thành một kho báu phải bảo vệ nhờ hàng rào của tiếng La-tinh, thứ ngôn ngữ đã ra khỏi đời sống hàng ngày của người Âu châu.

Nhắc lại những yếu tố này để hiểu sự thay đổi tư tưởng, thái độ của Hội Thánh là kỳ công của Chúa Thánh Thần như thế nào, để giải phóng Lời Chúa và mở mạch nước ban sự sống của Thiên Chúa cho loài người. Chuyện này đã xảy ra ngay từ thời ban đầu, như sách Công Vụ Tông Đồ kể cho chúng ta. Chúa Thánh Thần vẫn là Đấng dẫn dắt Hội Thánh từ bên trong, con người thì luôn có khuynh hướng gây cản trở bằng cách nhốt Thánh Thần lại, hoặc bỏ Thánh Thần để theo “thần lạ”. Nhìn lại những thách đố từ bên trong này để thấy rõ hơn Công Đồng Va-ti-ca-nô II quả là một cuộc hiển linh mới của Chúa Thánh Thần, để đưa Hội Thánh vào thiên niên kỷ mới.

Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, Hội Thánh bắt đầu chuyển mình với Đức Lê-ô XIII, rồi Thánh Giáo Hoàng Pi-ô X. Nhưng thái độ lập hàng rào tự vệ trỗi dậy mạnh mẽ với các trào lưu duy lý và thực nghiệm ứng dụng vào suy tư thần học và giải thích Sách Thánh. Đức Pi-ô XI sống ở thời kỳ mà chủ nghĩa cộng sản không còn là một học thuyết nhưng đã thành chế độ chính trị ở Liên xô, và các Đảng Cộng Sản bừng bừng khí thế tại các nước Tây Âu. Thông điệp chống cộng năm 1936 nằm trong bối cảnh lịch sử đó và Thư Chung 1951 cũng trong bối cảnh đó, trầm trọng thêm vì cuộc chiến tranh vốn có tính dành độc lập chủ quyền do Đảng Cộng Sản Việt nam (tên gọi thay đổi từng thời kỳ) lãnh đạo mà người công giáo cũng tham gia.

**THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN XXIII, VỊ “GIÁO HOÀNG CHUYỂN TIẾP”**

Sau thời lãnh đạo đầy gian truân nhưng sáng chói của vị Giáo Hoàng thông minh tài giỏi Pi-ô XII, các Hồng Y họp nhau và thấy cần một vị Giáo Hoàng chuyển tiếp, trong khi chờ để tìm được một vị có thể sáng chói, giải pháp một “Ông Già Chuyển Tiếp” được chọn và Hồng Y Roncalli ở tuổi “sắp chạm trần nhà” được bầu lên. Thiên Chúa vẫn giàu óc khôi hài hơn con người, như chúng ta vẫn thấy trong lịch sử mà Sách Thánh kể lại. Thiên Chúa hay dùng những người mà người ta coi thường để làm những việc to lớn.  Các ngươi muốn chuyển tiếp hả, Ta sẽ chuyển tiếp theo cách của Ta chứ không phải theo cách của các ngươi.

Đức Gioan XXIII kể lại rằng Ngài chưa bao giờ nghĩ tới triệu tập một Công Đồng chung, nhưng cứ nghe một tiếng nói bên trong thôi thúc và Ngài quyết định theo tiếng nói bên trong ấy, mọi người chung quanh kinh hồn bạt vía khi nghe ngài công bố, vì nghĩ tới công việc chuẩn bị và thời hạn Ngài đã đưa ra. (Năm ấy tôi lên tuổi hai mươi, bắt đầu học tại Giáo Hoàng Học Viện Thánh Pi-ô X, Đalat).

Lần này quả là Hội Thánh toàn cầu, mọi màu da tiếng nói, hai ngàn giám mục từ 141 nước có mặt. Các Hội Thánh Ki-tô giáo không hợp nhất với Rô-ma cũng được mời tham dự trong tư cách quan sát viên.

Các công đồng, từ Giê-ru-sa-lem đến Va-ti-ca-nô I, đều lo đối phó vời những vấn đề nhất định. Công Đồng Va-ti-ca-nô II đã dứt khoát chọn hướng đi mới: trở về nguồn để canh tân. Đối nội thì trình bày giáo lý cách tích cực và đối ngoại thì cởi mở, đối thoại, hợp tác. Hai hiến chế về Hội thánh mở ra cái nhìn mới về bản chất và sứ mạng của Hội Thánh, truyền sức sống và năng động mới cho Hội Thánh toàn cầu. Các sắc lệnh và tuyên ngôn khác đặt Hội Thánh của Chúa ở giữa lòng thế giới như một công đoàn huynh đệ khiêm tốn, để phục vụ và mở rộng tình huynh đệ mà Chúa Giê-su đem tới cho cả loài người.

**THÁNH GIÁO HOÀNG PHAOLÔ VI, Vị GIÁO HOÀNG CHẮP CÁNH BAY TỚI CHÂN TRỜI GÓC BIỂN**

Khóa họp thứ nhất kết thúc, trong khi chuẩn bị khóa II thì “Giáo Hoàng chuyển tiếp” đã hoàn thành sứ mạng đưa Hội Thánh rời bệ phóng để bay tới chân trời mới bằng năng lượng của Thánh Thần. Chúa cho ngài được nghỉ ngơi. Đức Phaolô VI tuyên bố tiếp tục Công Đồng như đã dự trù và đã bắt đầu. Công Đồng hoàn tất việc thảo luận các vấn đề theo kế hoạch và bế mạc.

Từ khi thánh Phêrô di chuyển tới Antiôkhia rồi tới Rôma và bị đóng đinh ở đó, như Chúa Giêsu đã báo trước cho ông biết ông phải chết cách nào (x. Ga 21,19), Đức Phaolô VI là người kế vị thánh Phêrô đầu tiên hành hương trở về Thánh Địa. Và trên núi Ôliu là nơi Chúa Giêsu đã cầu nguyện trong đêm cuối cùng, rồi sau khi Phục Sinh đã lên trời trước mặt các môn đệ, Đức Phaolô VI đã ôm hôn Thượng phụ Giáo chủ Chính Thống giáo Hy Lạp Athenagoras, như một cử chỉ hòa giải sau khi hai bên (Latinh và Hy Lạp) đã “tuyệt thông” với nhau từ năm 1054. Đức Phaolô VI cũng là vị giáo hoàng đầu tiên bay tới trụ sở Liên Hiệp Quốc tại New York để phát biểu trước Đại Hội Đồng, và là vị giáo hoàng đầu tiên bay tới chân trời phía Đông để gặp gỡ Hội Thánh vùng châu Á Thái Bình Dương. Về phương diện ngoại giao, ngài cũng mở về phía các nước Đông Âu.

**TỪ GIÁM MỤC GIÁM QUẢN TÔNG TÒA ĐẾN GIÁM MỤC CHÁNH TÒA TẠI VIỆT NAM**

Tin Mừng đã đến Việt Nam lần đầu từ năm 1533, nhưng chỉ như một tia sáng lóe lên, không để lại dấu vết gì. Năm 1615, các cha Dòng Tên mới bắt đầu gầy dựng được các cộng đoàn tín hữu đông đúc lâu bền. Nhưng phải chờ nửa thế kỷ sau mới có Giám mục Giám quản Tông tòa, Đức cha Pierre Lambert de la Motte tới. Hội Thánh lớn lên giữa những cơn bách hại kế tiếp nhau. Phải ba trăm năm sau mới có người Việt Nam đầu tiên làm Giám mục Giám quản Tông tòa. Rồi năm 1960, Đức Gioan XXIII đã thiết lập Hàng Giáo Phẩm, đưa Hội Thánh tại Việt Nam từ chế độ “Giám mục Giám quản Tông tòa” sang chế độ “Giám mục Chánh tòa”, nghĩa là nhìn nhận Hội Thánh tại Việt Nam đã trưởng thành ngang tầm với các Hội Thánh kỳ cựu.

**BỐI CẢNH GẦN CỦA THƯ CHUNG 1980**

Bởi vì được nhờ viết “tản mạn” nên lão tám chục đã tản sang bối cảnh xa, từ năm lên mười của đời mình, khi Thư Chung 1951 ra đời. Bây giờ lại tản về bối cảnh gần, từ khi đất nước tạm chia đôi năm 1954. Hai bên bờ sông Bến Hải là hai thể chế chính trị, hai nếp sống khác nhau. Hội Thánh hai bên cũng không thể đi chung một nhịp. Các giám mục ở phía Nam đã tham dự Công Đồng, từ bước chuẩn bị đến ngày bế mạc, và áp dụng ngay. Hội Thánh ở miền Bắc thì cắt đứt với bên ngoài, sang thập niên 70 mới bắt đầu có chút liên lạc. Tôi nhớ không lầm thì năm 1974, các linh mục, tu sĩ người Việt đang học ở Rô-ma chúng tôi đã được tiếp đón Đức Tổng Giuse Trịnh văn Căn, Tổng Giám Mục Phó Hà-nội tại đó.

**TÌM LẠI NHỊP BƯỚC CHUNG GIỮA HỘI THÁNH Ở HAI MIỀN**

Cuối năm 1976, toàn cõi Việt Nam trở thành một Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, sự giao thông từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc ngày càng dễ dàng, thì Hội Thánh ở miền Bắc cũng nhận được đầy đủ các văn kiện của Công Đồng với bản dịch tiếng Việt, và hai bên bắt đầu tìm lại nhịp bước chung. Miền Bắc cần thời gian để chuyển từ thông điệp chống cộng 1936 và Thư Chung 1951 sang đường lối của Công đồng Vatican II.

Trước ngày 30.4.1975, ĐTC Phaolô VI, đã ủy quyền cho các Giám mục Việt Nam, nếu không liên lạc được với Tòa Thánh thì có thể phong chức giám mục, rồi khi nào có thể thì báo lại. Nhưng Việt Nam là Việt Nam. Năm 1977, Đức TGM Phaolô Nguyễn Văn Bình vẫn có thể đi Rôma dự cuộc họp Thượng Hội đồng Giám mục về việc giảng dạy giáo lý, và đã gây tiếng vang lớn với bài phát biểu nêu vấn đề: Làm thế nào dạy giáo lý cho thế hệ trẻ lớn lên trong nền giáo dục của một nước theo chủ nghĩa Mác-xít ? Hội đồng Giám mục miền Nam Việt Nam đã họp được hai lần năm 1976 và 1978, tìm cách ứng dụng đường lối cởi mở, đối thoại, hợp tác và phục vụ của Công Đồng và của Hai vị Giáo Hoàng Gioan XXIII và Phaolô VI.

Năm 1980 đã đi vào lịch sử Hội Thánh tại Việt Nam như cột mốc của một khúc quanh quan trọng.

Lần đầu tiên Hội đồng Giám mục toàn quốc Việt Nam họp. Cuộc họp diễn ra tại Thủ đô Hà Nội suốt một tuần lễ, và bế mạc ngày 1 tháng 5. Lúc đó cả nước có 40 vị giám mục thì 33 vị đã về họp. Dư luận chờ xem các giám mục sẽ nói gì, vạch ra đường hướng nào cho Hội Thánh bước đi trong một nước Xã Hội Chủ Nghĩa.

Các giám mục phía Nam đã hai lần họp bàn về hướng đi của Hội Thánh dưới chế độ mới, nên thấy rõ ràng Công đồng Vatican II đã đưa Hội Thánh sang trang, mở đầu một trang sử mới mà không cần nhắc chuyện cũ của thời đã qua.

Trước khi họp nhau lần đầu, các giám mục hai miền đã có nhiều dịp trao đổi với nhau, hiểu biết nhau, hiệp nhất với nhau trong tinh thần của Công Đồng, nên khi họp nhau lại thì dễ dàng đưa ra đường lối chung. Chẳng ai có thể vặn đồng hồ lịch sử lại. Mỗi thế hệ phải viết trang sử của mình nhờ đào sâu và sống thực với căn tính của mình. Lịch sử dân tộc và đất nước đã sang trang, Hội Thánh phải cùng đi trong trang sử mới.

Hội Thánh tại Việt Nam lúc ấy, giám mục, giáo sĩ giáo dân toàn là Con Rồng Cháu Tiên. Vậy thì cần xác định rõ căn tính của Hội Thánh và cách thức đồng hành với dân tộc.

Phúc Âm làm cho Kitô hữu là Kitô hữu và Hội Thánh là Hội Thánh của Chúa Kitô. Hội Thánh kết hợp mọi tín hữu của Chúa Kitô trên toàn thế giới, có chung một Thiên Chúa là Cha, một Đức Giêsu Kitô là Chúa, một Thánh Thần liên kết mọi người bằng một đức tin, một phép Rửa, để nên một Thân Thể của Đức Kitô. Một Hội Thánh duy nhất dưới quyền Đấng kế vị thánh Phêrô và các giám mục, tương tự như các thế hệ ban đầu với thánh Phêrô và các tông đồ: “Hội Thánh Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền” như chúng ta vẫn tuyên xưng.

Trong Hội Thánh duy nhất này, mỗi người vẫn giữ nguyên màu da tiếng nói, văn hóa của mình; vẫn sống giữa lòng dân tộc, chung vận mệnh với dân tộc của mình, cùng bảo vệ và thăng tiến giống nòi, xây dựng và bảo vệ quê hương, tổ quốc của mình; yêu đồng bào, yêu quê hương, yêu đất nước của mình, nhưng không kỳ thị loại trừ các dân tộc khác, vì tất cả mọi người và mọi dân tộc đều là con cái Thiên Chúa và được Đức Kitô cứu chuộc.

Bức thư đã đề ra những giáo huấn rõ ràng dứt khoát, nói lên bản chất và sứ mạng của Hội Thánh, trách nhiệm của mọi người tín hữu của Chúa Kitô, đối với Hội Thánh cũng như đối với đồng bào, dân tộc, quê hương, đất nước. Cả một trăm đứa con của Mẹ Âu Cơ phải được tôn trọng như nhau, được đón nhận Phúc Âm và sống theo bản sắc của mình, trong một Hội Thánh trên giải đất hình chữ “ S “ven bờ Thái Bình Dương này.

**SỐNG PHÚC ÂM GIỮA LÒNG DÂN TỘC VÌ HẠNH PHÚC CỦA ĐỒNG BÀO**

Cũng như Chúa Kitô là Con Thiên Chúa đã vì loài người chúng ta mà xuống thế làm người, thì Hội Thánh của Chúa Kitô cũng vì loài người. Không phải loài người chung chung, trên mây hay trong mơ, mà cụ thể:

Chúng ta phải đồng hành với dân tộc mình, cùng chia sẻ một cộng đồng sinh mạng với dân tộc mình, vì quê hương này là nơi chúng ta được Thiên Chúa mời gọi để sống làm con của Người, đất nước này là lòng mẹ cưu mang chúng ta trong quá trình thực hiện ơn gọi làm con Thiên Chúa, dân tộc này là cộng đồng mà Chúa trao cho chúng ta để phục vụ với tính cách vừa là công dân vừa là thành phần Dân Chúa (s.9).

Hai ngàn năm trước ở Giêrusalem, Thánh Thần đã nổi gió mạnh (Cv 2,2) đưa các môn đệ lên đường loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo. Ở ngưỡng cửa của thời đại toàn cầu hóa, gió mạnh này lại nổi lên trong Công Đồng Vatican II để đưa Hội Thánh đi vào kỷ nguyên mới. Năm 1980 tại thủ đô Hà Nội, gió mạnh của Chúa Thánh Thần lại cuốn các giám mục và toàn thể Hội Thánh tại Việt Nam vào hướng đi mới giữa lòng dân tộc.

Sự chân thành của Hội Thánh tại Việt Nam được kiểm chứng bằng hành động. Những biến chuyển trên thế giới và sự kiên trì của Hội Thánh tại Việt Nam trong đường lối của Chúa Thánh Thần đã đưa lại kết quả như chúng ta đang sống hôm nay.

 **THAY LỜI KẾT**

Từ mười hai năm nay, được sống và phục vụ Hội Thánh tại Thành Thánh Giêrusalem, nơi Chúa đã chết, sống lại, sai các môn đệ đi tới tận cùng thế giới rồi lên trời, tôi có dịp gặp gỡ những người từ bốn phương trời, mười phương đất đến hành hương, nghiên cứu, học hỏi. Biết nguồn gốc của tôi, họ thường hỏi hai câu: Việt Nam còn là nước cộng sản không? Tình trạng Hội Thánh ở Việt Nam thế nào? Trả lời câu thứ nhất: Nước tôi vẫn là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo. Trả lời câu thứ hai: Tôi chỉ về phía tòa Khâm sứ: Đức Tổng Giám mục Leopoldo Girelli, trước khi nhận nhiệm vụ Khâm sứ Tòa Thánh tại Giêrusalem và Palestin, đã là người đầu tiên làm Đại diện không thường trú của Tòa Thánh tại Việt Nam. Chúng tôi hy vọng trong tương lai gần sẽ có Sứ thần Tòa Thánh đấy! Chúng tôi mới có thêm một giáo phận và đang chờ có thêm vài giáo phận nữa.

Ai cũng trố mắt ngạc nhiên “chưa thấy thế bao giờ”. Tôi giải thích: “Ở đâu có mà thấy ? Chỉ có ở Việt Nam tôi mới có thôi!”.

Vâng, Việt Nam vẫn là Việt Nam, có những nét rất riêng!

Chúng tôi là Con Rồng Cháu Tiên, biến hóa khôn lường, không rập khuôn của ai hết.

Nhưng chúng tôi tin rằng  được như thế là vì Chúa Giêsu vinh quang ở với chúng tôi, và Chúa Thánh Thần dẫn dắt chúng tôi như lời Chúa Giêsu đã hứa;  mà chúng tôi cũng để Chúa Thánh Thần dẫn dắt, như cha ông chúng tôi vẫn sống từ khi đón nhận Tin Mừng, suốt bốn trăm năm qua.

Ngợi khen Chúa Giêsu Kitô muôn đời. Amen. Ha-lê-lui-a! ν

**Lm. Ng Công Đoan, SJ**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**THƯ CHUNG NĂM 1980 của HĐGM Việt Nam**

**LTS.** Nhân kỷ niệm 40 năm Thư Chung 1980 của HĐGM Việt Nam, xin chúng ta cùng đọc lại văn bản quan trọng này:

**Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi toàn thể linh mục, tu sĩ và giáo dân cả nước:**

Nguồn: <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/thu-chung-1980-cua-hoi-dong-giam-muc-viet-nam-17699>

**THÔNG TIN VỀ ĐẠI HỘI GIÁM MỤC TOÀN QUỐC**

**1. Trong tâm tình biết ơn**

Anh chị em thân mến,

Anh chị em hãy cùng chúng tôi dâng lời tạ ơn Thiên Chúa về Hội nghị các giám mục toàn quốc, tổ chức tại Hà Nội, thủ đô Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chúng ta, từ 24-4 đến 1-5-1980.

Kể từ lúc thành lập Hàng Giáo phẩm Việt Nam vào năm 1960, và nhất là từ ngày nước nhà được thống nhất, chúng ta đều ước mong có cuộc họp này. Toà Thánh và riêng Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II mỗi khi có dịp cũng luôn bày tỏ một tâm tình như vậy, diễn tả ý muốn của chính Công đồng Vatican II.

Vì thế chúng ta thành thật biết ơn Chính Phủ đã giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Đại hội này. Chúng tôi cũng cám ơn anh chị em đã cầu nguyện nhiều cho Đại hội này được thành công tốt đẹp.

**2. Một tuần lễ làm việc**

Chúng tôi vui mừng được gặp nhau, và trong suốt một tuần lễ làm việc, chúng tôi được dịp hiểu biết tình hình giáo phận trong cả nước. Nhờ đó chúng tôi thấy rằng, mặc dù sống xa nhau, tâm hồn chúng tôi vẫn là một, và cùng chia sẻ những nỗi âu lo, niềm phấn khởi và nguyện vọng của toàn thể Dân Chúa trên đất nước thân yêu này.

Trong tinh thần hợp nhất ấy, chúng tôi đã cầu nguyện và suy nghĩ nhiều về nhiệm vụ của Giáo Hội chúng ta trong giai đoạn lịch sử này. Chúng tôi đã duyệt lại nội quy và đặt lại cơ cấu của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Chúng tôi cũng đã chuẩn bị việc tham dự Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới khoá V về “các chức năng của gia đình Kitô giáo trong thế giới hôm nay”, và việc các giám mục Việt Nam đi viếng mộ hai thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô tại Toà Thánh Roma năm nay theo quy định của Giáo luật.

Trước khi bế mạc Đại hội, chúng tôi đã vào lăng kính viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, và đã đến yết kiến Thủ tướng Chính phủ.

**3. Ý nghĩa việc đi Roma**

Việc đi viếng mộ các Tông đồ và việc tham dự Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới tại Roma nói lên hai đặc tính của Hội Thánh Chúa Kitô là phổ quát và hợp nhất, đồng thời thể hiện tinh thần tập thể và đồng trách nhiệm của các giám mục đối với Hội Thánh toàn cầu. Xin anh chị em cầu nguyện nhiều để chúng tôi hoàn thành tốt đẹp sứ mạng này.

**4. Tổ chức Hội đồng Giám mục Việt Nam**

Chúng tôi cũng phải cùng nhau gánh vác mọi trách nhiệm của chức vụ giám mục trong tinh thần tập thể và đồng trách nhiệm. Bởi thế, việc thành lập Hội đồng Giám mục Việt Nam là để phục vụ anh chị em đắc lực hơn, vì như ý Công đồng Vatican II, Hội đồng Giám mục là nơi quy tụ các vị lãnh đạo Giáo Hội trong một quốc gia hay một lãnh thổ để hợp nhất với nhau thi hành mục vụ theo thể cách và phương thức thích hợp với hoàn cảnh (GM 30,1).

**ĐƯỜNG HƯỚNG MỤC VỤ**

**A. MỘT HỘI THÁNH VÌ LOÀI NGƯỜI**

**5. Ánh sáng từ một thông điệp**

Anh chị em thân mến,

Bước vào giai đoạn mới này của dân tộc, chúng tôi muốn nhìn vào gương Đức Phaolô VI khi người mới làm giáo hoàng. Trong thông điệp đầu tiên của người nhan đề “Giáo Hội Chúa Kitô”, người đã suy nghĩ nhiều về sứ mạng của Hội Thánh trong thế giới hôm nay. Mối bận tâm chính của người xoay quanh 3 tư tưởng lớn. Tư tưởng thứ nhất là đã đến lúc Giáo Hội phải có một nhận định sâu xa về chính mình, phải suy gẫm về mầu nhiệm của mình. Tư tưởng thứ hai là “đem bộ mặt thực của Giáo Hội ngày nay đối chiếu với hình ảnh lý tưởng của Giáo Hội như Đức Kitô đã thấy, đã muốn và đã yêu như bạn thánh thiện và tinh tuyền của mình” (Ep 5,27), từ đó “sinh ra một ước muốn quảng đại và bức thiết là phải canh tân”. Còn tư tưởng thứ ba như là kết luận của hai tư tưởng trên, nói về những quan hệ phải có giữa Giáo Hội và thế giới (GHCK 9-14).

Đức Thánh Cha nhận định thêm rằng, ba đề tài trên cũng là mối bận tâm của mọi thành phần Dân Chúa. Vậy chúng tôi giới thiệu những đề tài ấy với anh chị em để chúng ta tâm niệm hằng ngày.

**6. Hội Thánh là Dân Thiên Chúa**

Công đồng dựa vào lịch sử cứu chuộc để tìm hiểu và trình bày bản chất của Hội Thánh. Trong chương trình cứu chuộc loài người, Thiên Chúa đã lấy giao ước quy tụ một dòng dõi làm dân riêng của Người. Và qua lịch sử dân ấy, Người đã mạc khải chính mình Người và ý định cứu chuộc của Người cho toàn thể nhân loại. Nhưng dân ấy chỉ là hình bóng và là công cuộc chuẩn bị cho dân mới của Thiên Chúa, sẽ được quy tụ bằng giao ước mới mà Chúa Giêsu Kitô đã thiết lập bằng Máu Thánh Người.

Dân giao ước mới này chính là Hội Thánh Chúa Kitô, quy tụ mọi người từ khắp mọi nơi mọi nước trên trần gian, vượt thời gian và biên giới các dân tộc. Chúa Thánh Thần nối kết họ nên một khi giải phóng họ khỏi tội lỗi và ban cho họ được làm con cái Thiên Chúa. Họ có giới răn mới là bác ái yêu thương (Ga 13,34) và ngay từ buổi đầu, họ đã là một cộng đoàn có tổ chức với những phận vụ khác nhau do chính Chúa Giêsu Kitô đã thiết lập hầu mưu ích cho toàn Nhiệm Thể (GH 18). Mục đích của dân mới là “phát triển Nước Chúa cho tới khi hoàn tất” (GH 9,3).

**7. Hội Thánh vì loài người**

Dân cũ có sứ mạng đón nhận ơn cứu chuộc cho cả nhân loại. Dân mới có sứ mạng đem ơn cứu chuộc đến từng dân tộc và từng người qua mọi thời đại, như lời Công đồng Vatican II: “Dân mới được Chúa Kitô thiết lập để thông dự vào sự sống, bác ái và chân lý, được Người sử dụng như khí cụ cứu rỗi cho mọi người, và được Người sai đi khắp thế giới như ánh sáng trần gian và như muối đất” (Mt 5,13-16; GH 9,2).

Người sử dụng họ làm khí cụ cứu rỗi, bởi vì “Thiên Chúa không muốn thánh hoá và cứu rỗi loài người cách riêng rẽ và thiếu liên kết, nhưng muốn quy tụ họ thành một dân để họ nhận biết chính Người trong chân lý và phụng sự Người trong thánh thiện” (GH 9,1). Do đó, mục tiêu cuối cùng trong mọi sinh hoạt của Hội Thánh là đưa loài người và tất cả thực tại của thế giới loài người đến thông dự vào sự sống, bác ái và chân lý của Thiên Chúa. Theo ý nghĩa này, Công đồng gọi Hội Thánh là “Bí tích, nghĩa là dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hợp nhất toàn thể nhân loại” (GH 1).

Bởi vậy, sứ mạng của Hội Thánh không những là đem Phúc Âm thấm nhuần và hoàn thiện những thực tại trần thế (TĐ 5). Không có sinh hoạt nào của con người lại xa lạ đối với sứ mạng của Hội Thánh, và ngược lại không có sinh hoạt nào của Hội Thánh không liên quan tới tất cả cuộc sống con người. Lời rao giảng Tin Mừng và các cử hành bí tích đem ân sủng của Thiên Chúa vào đời sống con người, còn sinh hoạt trần thế của tín hữu đem thực tại của con người đến với Thiên Chúa. Do đó đối với người tín hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với tha nhân, và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe doạ (MV 43).

Tóm lại, sứ mạng của Hội Thánh là tiếp nối sứ mạng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã đến không phải để được người ta hầu hạ, nhưng để phục vụ tất cả loài người. Đúng như Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã giải thích trong thông điệp “Đấng Cứu Chuộc Con Người” rằng: “Con người là con đường của Hội Thánh”. Nghĩa là tất cả mọi con đường của Hội Thánh đều dẫn tới con người (ĐCCCN 14). Đây cũng là điểm gặp gỡ giữa Hội Thánh và xã hội trần thế, vì “dù tin hay không tin, con người đều phải góp phần xây dựng thế giới cho hợp lý, vì họ cùng chung sống trong thế giới này” (MV 21,6).

**B. HỘI THÁNH TRONG LÒNG DÂN TỘC**

**8. Hội Thánh của Chúa Giêsu Kitô**

Để sống trung thành với bản chất và sứ mạng của Hội Thánh như vừa nói ở trên, chúng tôi đề ra đường hướng mục vụ sau đây: chúng ta phải là Hội Thánh của Chúa Giêsu Kitô trong lòng dân tộc Việt Nam.

Trước hết, chúng ta phải là Hội Thánh của Chúa Giêsu Kitô nghĩa là:

- Gắn bó với Chúa Kitô và hợp nhất với Hội Thánh toàn cầu.

- Gắn bó với Đức Giáo hoàng, vị đại diện Chúa Kitô, người được Chúa giao trách nhiệm “chăn dắt đoàn chiên của Người” (Ga 21,15-18), và “làm cho anh em vững mạnh” (Lc 22,32).

- Gắn bó với nhau trong tình huynh đệ theo kiểu mẫu Hội Thánh thời sơ khai: “Chỉ có một tấm lòng, một linh hồn, không một người nào nói là mình có của riêng nhưng đối với họ, mọi sự là của chung” (Cv 4,32; 2,42).

- Trung thành với tinh thần của Công đồng Vatican II là tinh thần cởi mở, đối thoại và hoà mình với cộng đồng xã hội mình đang sống.

Để đạt mục đích ấy, trước hết chúng ta phải không ngừng hoán cải lương tâm và thay đổi cách sống của mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đoàn Dân Chúa trong Hội Thánh ở Việt Nam sao cho phù hợp với Phúc Âm hơn. Công việc này chúng ta thực hiện nhờ lắng nghe Lời Chúa, lãnh nhận các bí tích, chuyên cần cầu nguyện và thành tâm kiểm điểm đời sống (LBTM 15).

**9. Gắn bó với dân tộc và đất nước**

Là Hội Thánh trong lòng dân tộc Việt Nam, chúng ta quyết tâm gắn bó với vận mạng quê hương, noi theo truyền thống dân tộc hoà mình vào cuộc sống hiện tại của đất nước. Công đồng dạy rằng “Hội Thánh phải đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ một số phận trần gian với thế giới” (MV 40,2). Vậy chúng ta phải đồng hành với dân tộc mình, cùng chia sẻ một cộng đồng sinh mạng với dân tộc mình, vì quê hương này là nơi chúng ta được Thiên Chúa mời gọi để sống làm con của Người, đất nước này là lòng mẹ cưu mang chúng ta trong quá trình thực hiện ơn gọi làm con Thiên Chúa, dân tộc này là cộng đồng mà Chúa trao cho chúng ta để phục vụ với tính cách vừa là công dân vừa là thành phần Dân Chúa.

Sự gắn bó hoà mình này đưa tới những nhiệm vụ cụ thể mà chúng ta có thể tóm lại trong hai điểm chính:

- Tích cực góp phần cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng tổ quốc.

- Xây dựng trong Hội Thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc.

**10. Cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng tổ quốc**

Về nhiệm vụ thứ nhất là tích cực góp phần cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng tổ quốc, chúng tôi muốn khẳng định rằng: yêu tổ quốc, yêu đồng bào, đối với người Công giáo không những là một tình cảm tự nhiên phải có mà còn là một đòi hỏi của Phúc Âm, như Công đồng nhắc nhở: “Các người Kitô giáo từ mọi dân tộc tụ họp trong Hội Thánh, không phân cách với những người khác về chế độ, cũng như về tổ chức xã hội trần gian, nên họ phải sống cho Thiên Chúa và cho Chúa Kitô trong nếp sống lành mạnh của dân tộc mình; là công dân tốt, họ phải thật sự và tích cực vun trồng lòng yêu nước” (TG 15).

Lòng yêu nước của chúng ta phải thiết thực, nghĩa là chúng ta phải ý thức những vấn đề hiện tại của quê hương, phải hiểu biết đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà Nước, và tích cực cùng đồng bào toàn quốc góp phần bảo vệ và xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, tự do và hạnh phúc.

Trong công cuộc phục vụ quê hương, Phúc Âm cho chúng ta ánh sáng và sức mạnh để khắc phục các khó khăn và các xu hướng cá nhân ích kỷ, nêu cao tinh thần phục vụ của bác ái phổ quát, hướng tới cảnh “Trời Mới Đất Mới” (Kh 21,1), trong đó tất cả đều hoà hợp hạnh phúc. Và khi phải phấn đấu xoá bỏ những điều tiêu cực, chúng ta có ơn của Chúa Kitô Phục Sinh để mặc lấy con người mới công chính và thánh thiện.

**11. Xây dựng trong Hội Thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc**

Về nhiệm vụ thứ hai là xây dựng trong Hội Thánh một lối sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp hơn với truyền thống dân tộc. Chúng tôi muốn thực hiện điều Công đồng Vatican II đã tuyên bố: “Những gì tốt đẹp trong tâm hồn và tư tưởng của loài người hoặc trong lễ nghi và văn hoá riêng của các dân tộc, hoạt động của Hội Thánh không nhằm tiêu diệt, nhưng làm cho lành mạnh, nâng cao và kiện toàn, hầu làm vinh danh Thiên Chúa và mưu cầu hạnh phúc cho con người” (GH 17,1). Muốn thế, một đàng chúng ta phải đào sâu Thánh Kinh và Thần học để nắm vững những điều cốt yếu của đức tin, đàng khác, phải đào sâu nếp sống của từng dân tộc trong nước, để khám phá ra những giá trị riêng của mỗi dân tộc. Rồi từ đó, chúng ta vận dụng những cái hay trong một kho tàng văn hoá và xây dựng một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp hơn với truyền thống của mỗi dân tộc đang cùng chung sống trên quê hương và trong cộng đồng Hội Thánh này.

**NGỎ LỜI VỚI CÁC THÀNH PHẦN DÂN CHÚA**

**12. Ngỏ lời với giáo dân**

Với anh chị em giáo dân, chúng tôi muốn nói lên lòng cảm phục tâm hồn đạo đức của anh chị em trong việc đọc kinh cầu nguyện, hiệp dâng thánh lễ và lãnh nhận các bí tích. Chúng tôi cảm ơn anh chị em xưa nay vẫn một lòng kính yêu, vâng phục, giúp đỡ chúng tôi và các người làm việc tông đồ.

Chúng tôi xin dựa vào Công đồng để nói với anh chị em rằng: Ơn gọi của anh chị em là nên thánh giữa đời bằng cách sống Phúc Âm của Chúa Kitô trong các phận sự trần thế (GH 31; MV 43). Nhờ anh chị em, Giáo Hội hiện diện ngay trong xã hội và góp phần xây dựng đời sống vật chất và tinh thần của dân tộc. Nghĩa vụ cao cả của anh chị em là sống làm người tín hữu trung thành của Hội Thánh Chúa Kitô và làm người công dân tốt của tổ quốc. Để giúp anh chị em chu toàn nghĩa vụ đó, chúng tôi đặc biệt nhắc nhở anh chị em vài điểm sau đây:

Anh chị em hãy tin vào ơn Chúa Thánh Thần đã được đổ xuống trong lòng để nuôi dưỡng đời sống cầu nguyện của anh chị em: cầu nguyện riêng, cầu nguyện chung trong gia đình và trong xứ đạo, và nhất là anh chị em hãy đào sâu đức tin bằng việc học và dạy giáo lý ngay trong gia đình của mình. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, trong Tông huấn về việc dạy giáo lý, đã lưu ý chúng ta rằng: “Việc dạy giáo lý trong gia đình đi trước, kèm theo và phong phú hoá mọi hình thức dạy giáo lý khác” (DGL). Gia đình của anh chị em phải trở nên như một trường học về đức tin, một nơi để cầu nguyện, một môi trường sống bác ái yêu thương và rèn luyện tinh thần tông đồ để làm chứng nhân cho Chúa (Cv 22, 42; 1, 8 GH 11; TĐ 11; LBTM 71).

Nhưng trước tiên gia đình của anh chị em phải được xây dựng theo phép đạo. Chúng tôi tha thiết kêu gọi anh chị em thanh niên quan tâm vun trồng tình yêu trong sạch, và khi lập gia đình, liệu cho hôn nhân của mình chan chứa phúc lành của Thiên Chúa.

Các nỗ lực để xây dựng gia đình Công giáo theo tinh thần Phúc Âm phải đồng thời làm phát triển nơi anh chị em và con cái những đức tính của người công dân tốt, nhất là ý thức về chân lý và công bình, và tinh thần sẵn sàng phục vụ lợi ích của Tổ Quốc. Nhờ hiện diện và sinh hoạt tích cực giữa đời như vậy, anh chị em sẽ làm sáng danh Chúa và góp phần hữu hiệu vào việc xây dựng đất nước.

**13. Ngỏ lời với các tu sĩ**

Đối với các tu sĩ nam nữ, chúng tôi đánh giá cao sự hiện diện và đóng góp của anh chị em trong đời sống của Dân Chúa. Giáo Hội qua mọi thời luôn quý trọng ơn gọi tu sĩ như một dấu hiệu chứng tỏ sự trưởng thành và sức sống phong phú của Hội Thánh tại các địa phương. Do đó chúng tôi muốn nói với anh chị em: hãy xác tín về ý nghĩa và giá trị cao quý của ơn gọi mình. Dầu sinh hoạt bên ngoài có thay đổi, sứ mạng đặc biệt của anh chị em vẫn luôn là “hiện thân của một Hội Thánh muốn hiến mình cho đường lối triệt để của các Mối Phúc Thật”, và anh chị em “dùng chính cuộc sống của mình làm dấu chỉ cho tinh thần sẵn sàng phục vụ Thiên Chúa, Giáo Hội và anh em đồng loại” (LBTM 60; GH 44).

Chính anh chị em sẽ tự thấy được rằng đường hướng mà chúng tôi vạch ra cho cả Hội Thánh ở Việt Nam: sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc với tinh thần sẵn sàng phục vụ, phù hợp cách riêng với ơn gọi của anh chị em. Do đó, anh chị em hãy nêu gương cho giáo dân bằng việc tích cực đi vào con đường ấy.

Chúng tôi đặc biệt kêu mời anh chị em hãy quan tâm tuân giữ Luật dòng, rồi cùng nhau tìm ra, qua suy nghĩ chung và đối thoại, một thế quân bình lành mạnh cho đời sống tận hiến của mình: làm sao dung hoà giữa lao động và cầu nguyện, giữa việc hoà mình vào các sinh hoạt xã hội - không chỉ vì kế sinh nhai, nhưng nhất là để làm chứng nhân cho Chúa - và sự trung thành với đời sống cộng đoàn, dung hoà giữa các tổ chức riêng của mỗi hội dòng và sự hội nhập vào đời sống của Giáo hội địa phương trong sự hiệp thông với cộng đồng Dân Chúa và Hàng Giáo phẩm.

**14. Ngỏ lời với các linh mục**

Sau hết, đối với các linh mục, triều cũng như dòng, là những cộng sự viên gần gũi nhất của Hàng Giám mục, chúng tôi cám ơn anh em vẫn tận tuỵ phục vụ cộng đồng Dân Chúa. Anh em hãy lấy làm hãnh diện vì anh em đang được lòng tin tưởng, mến yêu của đoàn chiên. Chính Chúa Thánh Thần đã cùng với anh em trực tiếp hình thành nên đoàn chiên hiện nay. Anh em hãy tiếp tục làm công việc cao quý ấy trong sự hiệp thông mật thiết với Hàng Giám mục chúng tôi.

Thư Chung này vạch ra đường hướng rõ rệt: chúng ta hãy làm cho mọi tín hữu biết sống Phúc Âm trong tinh thần yêu mến và trung thành với Hội Thánh, trước hết bằng chính đời sống của chúng ta. Công đồng Vatican II lưu ý: “Trong những đức tính cần thiết hơn cả cho chức vụ linh mục, phải kể đến tâm trạng này là bao giờ cũng sẵn sàng tìm ý muốn của Đấng đã sai mình chứ không phải tìm ý riêng” (LM 15). Anh em hãy áp dụng những lời này tiên vàn cho việc rao giảng Lời Chúa và cử hành Phụng vụ Thánh, là những phương tiện mà Chúa Giêsu Kitô muốn dùng, xuyên qua thừa tác vụ linh mục của anh em, để xây dựng Nhiệm Thể Người một cách đặc biệt. Trong những gì liên quan tới đường hướng mục vụ và đời sống phụng vụ của Giáo Hội, anh em hãy thống nhất hành động với nhau và với Hàng Giám mục vì lợi ích của Dân Chúa, bởi vì anh em là những “nhà giáo dục đức tin” (LM 6; DGL 64).

Anh em cũng hãy làm cho Chúa Giêsu Kitô hiện diện thật sự giữa đoàn chiên, khi anh em phục vụ các tín hữu cách tận tâm và khiêm tốn (LM 15). Nhất là được nhìn nhận như là người đại diện chính thức của Hội Thánh tại địa phương, anh em hãy trở nên hình ảnh của Chúa Cứu Thế, vị Mục Tử hiền lành và khiêm nhường, để cống hiến ơn cứu độ cho mọi người. Xin anh em hãy cùng với chúng tôi đưa Hội Thánh ở Việt Nam đi vào con đường đã lựa chọn: là sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào.

**KẾT LUẬN**

**15. Quá khứ, hiện tại và tương lai**

Anh chị em thân mến, hơn ai hết, các giám mục chúng tôi ý thức về giới hạn trong khả năng và tài đức của mình trước nghĩa vụ đối với Thiên Chúa và Tổ Quốc. Anh chị em hãy cầu nguyện nhiều cho chúng tôi.

Nhìn về quá khứ, chúng tôi cảm mến sâu sắc bàn tay nhân lành của Thiên Chúa đã êm ái và mạnh mẽ hướng dẫn Hội Thánh Người trên đất nước Việt Nam chúng ta. Chúng tôi biết ơn công lao của vô vàn tín hữu, đã làm sáng tỏ đức tin và lòng yêu nước của mình. Đừng nhìn quá khứ với mặc cảm và phán đoán tiêu cực. Lịch sử luôn pha lẫn ánh sáng và bóng tối, cũng như đời sống những người con của Chúa vẫn có cả ân sủng và tội lỗi. Nhưng dựa vào tình thương của Chúa Cha, dựa vào Lời ban sự sống của Chúa Giêsu Kitô và sức mạnh của Chúa Thánh Thần, chúng ta hãy mạnh dạn nhìn vào hiện tại và tin tưởng ở tương lai.

Chúng ta có giáo lý của Công đồng Vatican II như luồng gió mát của Chúa Thánh Thần thổi trong Hội Thánh; chúng ta tự hào là công dân nước Việt Nam anh hùng độc lập thống nhất; và trong đà phát triển chung của cả nước, chúng ta được tình đồng bào thông cảm và giúp đỡ trong khối đại kết dân tộc, nên chúng ta hãy hân hoan chu toàn sứ mạng vinh quang của mình.

Rồi đây với ơn Chúa giúp và hoàn cảnh cho phép, chúng tôi hy vọng sẽ có thể dần dần đề ra những công việc cụ thể để hết thảy chúng ta cùng làm, mỗi người tuỳ cương vị khả năng của mình, hầu góp phần xây dựng Tổ Quốc và Giáo hội Việt Nam.

Nguyện xin Thiên Chúa, nhờ lời chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria, Thánh cả Giuse và các Thánh Bổn mạng của Hội Thánh Việt Nam, ban muôn phúc lành cho anh chị em.

**Hà Nội, ngày 1 tháng 5 năm 1980**

**HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**ĐỨC TIN VÀO GIÁO HỘI**

**Fr. Kennet Baker, S.J.**

Tín biểu Nicea là biểu hiện đức tin chính thức của chúng ta là Công giáo La Mã. Ba phần chính liên quan đến Chúa Ba Ngôi, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Trong phần cuối cùng, chúng ta tuyên xưng niềm tin vào Giáo hội, Bí tích Rửa tội, sự sống lại và sự sống vĩnh cửu. Chúng ta hãy suy ngẫm về đức tin của chúng ta trong Giáo Hội.

Nếu bạn nghĩ về Giáo Hội trong một phút, thì thật đáng kinh ngạc khi chúng ta nói rằng chúng tôi tin vào "Giáo hội". Kitô hữu ngoài Công giáo không nhìn vào Giáo hội như chúng ta. Đối với nhiều người trong số họ, Giáo hội là một "tai nạn" lịch sử không nằm trong ý định của Chúa Kitô, chỉ là một điều gì đó xảy ra sau cái chết của Chúa Giêsu. Họ không xem Giáo hội như một thân thể có cấu trúc, một thể chế thứ bậc hay một xã hội hoàn hảo được thành lập bởi Chúa Kitô trên Thánh Phêrô, “đá tảng”, và sẽ tồn tại cho đến khi Chúa Giêsu Đến Lần Thứ Hai trong vinh quang.

Tuy nhiên, đối với người Công giáo, Giáo hội là tất cả những điều đó và hơn thế nữa. Giáo hội cũng là Dân hành hương của Thiên Chúa trên đường đến vinh quang của Chúa Cha; Giáo Hội là Thân thể mầu nhiệm của Chúa Kitô, một thân thể bởi vì Giáo Hội có cấu trúc, hữu hình và lịch sử, và mầu nhiệm bởi vì Giáo Hội được linh hoạt bởi Thần Khí của Chúa Giêsu Kitô; đó là Tân Nương của Chúa Kitô mà Ngài yêu thương và Ngài đã hiến mình cho Giáo Hội; đó là một đền thờ gồm nhiều thành phần; đó là một cộng đoàn linh thánh, được duy trì bởi cùng một đức tin và một Bí tích Rửa tội, hoạt động nhờ bảy bí tích do Đấng sáng lập của Giáo Hội trao cho.

Bất kể hình ảnh hoặc những hình ảnh nào được sử dụng để mô tả Giáo hội, không hình ảnh nào trong số đó là hoàn toàn đầy đủ vì Giáo hội là một "mầu nhiệm". Điều này có nghĩa là toàn bộ thực tại của Giáo hội cuối cùng thoát khỏi giới hạn của các khái niệm và hình ảnh của con người.

Nguyên tắc làm cho Giáo hội có thể hiện hữu lúc đầu tiên là từ trên cao, vì Giáo hội là từ Thiên Chúa và vượt quá khả năng của tâm trí con người hiểu được nó. Trong các tác phẩm tranh khảm của Kitô giáo thời kỳ đầu, Giáo hội thường được đại diện bởi con tàu Nôê, giống như Nôê và gia đình ông đã được cứu khỏi trận lụt, Giáo hội là "con tàu" cứu rỗi duy nhất cho chúng ta. Do đó, chúng ta thấy Thánh Cyprianô vào thế kỷ thứ ba nói rằng "ngoài Giáo hội không có sự cứu độ", một ý tưởng đã được lặp lại trong các tài liệu của Giáo hội kể từ thời đó (Vatican II, Hiến chế về Giáo hội, 14). Công thức bị Cha Leonard Feeney hiểu một cách hạn hẹp vào cuối những năm 1940, nhưng khi làm rõ lập trường của Giáo hội về vấn đề Tòa Án Dị Giáo, vào năm 1949, trong một bức thư được Đức Giáo hoàng Piô XII chấp thuận, đã giải thích rằng những người ở trong tình trạng bất khả kháng không biết gì về sự cần thiết thuộc về Giáo hội Công giáo sẽ được cứu độ nếu họ có ít nhất một ước muốn mặc nhiên muốn vào Giáo hội và nếu cõi lòng của họ am hiểu đức ái hoàn hảo (Xem DS 3866-73).

Khi chúng ta nói rằng "chúng ta tin vào Giáo hội", chúng ta đang biến Giáo hội thành một đối tượng của đức tin siêu nhiên và thiêng liêng. Khi chúng ta tin vào một điều gì đó bằng đức tin thiêng liêng, điều này có nghĩa là chúng ta chấp nhận điều đó là sự thật trên chính Lời của Chúa, là Đấng đã mặc khải điều đó cho chúng ta.

Do đó, sự hiện hữu của Giáo hội, bao gồm cả cấu trúc thiết yếu và đặc điểm nổi bật của Giáo Hội, đã được Đức Giêsu Kitô mặc khải cho chúng ta. Theo đó, chúng ta tuyên xưng niềm tin của chúng ta vào một Giáo hội của Chúa Giêsu Kitô khi chúng ta đọc Tín biểu Nicea.

Vì Giáo hội được thành lập bởi Chúa Giêsu, nhưng trên nền tảng con người của Thánh Phêrô và các Tông đồ khác, nó có cả chiều kích thiêng liêng và con người. Bởi vì Giáo hội cũng là con người, Giáo Hội có một số vụ bê bối khiếm khuyết đôi khi khiến mọi người tránh xa Giáo Hội. Nhưng chúng ta không bao giờ được quên rằng, với tất cả lỗi lầm của các mục tử và người dân của mình, Giáo Hội ấy vẫn là Tân Nương duy nhất của Chúa Kitô. Trên hết, Giáo Hội ấy là mẹ chúng ta kể từ khi Giáo Hội sinh ra chúng ta trong cuộc sống ân sủng siêu nhiên khiến chúng ta thành nghĩa tử của Chúa và là người thừa kế của nước trời. Chúng ta không chỉ tin vào Giáo Hội; chúng ta cũng yêu Giáo Hội như một người mẹ, một người sẽ không bao giờ quên chúng ta.

[[1]](file:///C%3A%5C%5CUsers%5C%5CAdministrator%5C%5CDownloads%5C%5CGi%C3%A1o%20H%E1%BB%99i.docx%22%20%5Cl%20%22_ftn1)“Vậy tôi, một người tù trong Chúa, tôi khuyên anh em hãy đi đứng sao cho xứng với thiên triệu, do đó (Thiên Chúa) đã kêu gọi anh em, hết lòng khiêm nhượng và hiền từ với đức đại lượng, chịu đựng lẫn nhau trong lòng mến; hăm hở duy trì sự hiệp nhất của Thần khí, trong giây liên kết hòa thuận:”. (Êphêsô 4: 1-3)

Lạy Chúa, xin giúp Giáo Hội chúng con bước đi một cách xứng đáng với ơn gọi mà Chúa đã ban cho chúng con. Xin giúp chúng con trong tất cả các mối liên hệ của chúng con với nhau để có tâm hồn khiêm nhường và hiền lành. Xin hãy ban cho chúng con biết kiên nhẫn với nhau, gánh vác nhau trong tình yêu. Xin hãy ban cho Giáo Hội là Thân Mình Chúa Kitô được hiệp nhất. Xin cho chúng con có thể bước đi cùng Chúa trong khiêm nhường, để Chúa giúp chúng con thấy những sai trái của chúng con.

“Các người mưu sự dữ hại tôi, Thiên Chúa lại mưu biến dữ hóa lành, để làm ra như đã thấy hôm nay: là cứu sống cả một dân lớn. Vậy bây giờ, đừng sợ, chính tôi sẽ cung dưỡng các người với các trẻ thơ". Và ông đã an ủi và ngỏ lời tâm phúc với họ”. (Sáng thế ký 50: 20).

Lạy Chúa, những gì tà ác kẻ thù muốn gây ra cho Thân Mình Chúa là Giáo Hội của chúng con, chúng con tin rằng Chúa có thể biến thành điều tốt lành.  Xin nhắc bảo lòng chúng con điều này. Khi chúng con bị tấn công và nghiền nát từ mọi phía, xin hãy nhắc nhở chúng con về sự trung tín của Chúa để chúng con biết dùng mọi thứ vì vinh danh của Chúa. Xin cho chúng con biết không sợ hãi nhưng tin tưởng vào sự lo liệu của Chúa cho Gia Đình Giáo Hội chúng con. Xin cho chúng con không chỉ là những người đọc Lời của Chúa mà còn là những người tin theo và thực hành Lời Chúa. Xin tăng thêm đức tin cho chúng con, lạy Chúa.

 **Tác giả**

Father Kenneth Baker, S.J., đảm nhận việc biên tập Tạp chí Homiletic & Pastoral vào tháng 4 năm 1971 và giữ vị trí này trong gần bốn mươi năm. Năm 1983, cha đã xuất bản một bài chú giải gồm ba tập về đức tin được gọi là Những nền tảng cơ bản của Công giáo Tập 1, Tín điều và Điều răn; Tập 2, Thiên Chúa, Ba Ngôi, Sáng tạo, Chúa Kitô, Mẹ Maria; và Tập 3, Ân Sủng, Giáo hội, Bí tích, Cánh Chung.

<https://www.catholiceducation.org/en/culture/catholic-contributions/faith-in-the-church.html>

**Phêrô Phạm Văn Trung chuyển ngữ.**

[[1]](file:///C%3A%5CUsers%5CAdministrator%5CDownloads%5CGi%C3%A1o%20H%E1%BB%99i.docx#_ftnref1) ND: thêm vào.

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**ANH LÊ HỮU MỤC: TÂM MOA LÀ MÂY - GS LÊ HỮU MỤC (1925-2017)**

 Anh Mục lớn hơn tôi quá một con giáp. Khoảng cách đó, với số tuổi của chúng tôi ngày nay, không quan trọng lắm, nhưng ngày xưa lúc tôi mới bắt đầu học Tú Tài I (1957-58) thì là vấn đề lớn. Tôi nhìn anh còn hơn cả bậc thầy mình.



Anh lúc đó đã có giảng khoa ở Đại Học Huế, đã có sách về Nhất Linh, về Tự Lực Văn Đoàn rất có giá trị mà chính tôi đã nghiền ngẫm để đi thi. Khi tôi mới bước vào ngưỡng cửa của trường Đại Học Văn Khoa thì anh Mục đã có những công trình làm ngẩn ngơ người đọc là bản dịch rất nhuần nhuyễn hai quyển truyện ký viết bằng chữ Hán của người xưa là  Lĩnh Nam Chích Quái và Việt Điện U Linh Tập. Hai tập truyện xưa này anh dịch đã rất tài tình, chính xác và rõ ràng lại thêm tài hoa trong cách hành văn. Phần quan trọng bậc nhất là phần dẫn nhập ở đầu sách, giới thiệu toàn bộ nội dung để người đọc nắm bắt được những gì tác giả muốn chuyển giao cho người đọc. Tôi rất khâm phục hai công trình sáng giá này của anh.

Khi tôi mới chập chững bước vào việc tìm hiểu chữ Nôm thì anh Mục đã có bản phiên âm quyển Huấn Địch Thập Điều xuất bản do Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa của cư sĩ Mai Thọ Truyền. Quyển sách nầy cũng vậy, anh Mục chú thích tận tường và đây là một tác phẩm dầu được phiên âm lần đầu tiên, nhưng cho tới ngày nay tôi cũng chưa thấy một chữ nào đáng bàn cãi, khác với những bản phiên âm tuồng hát bội cũng của Phủ Quốc Vụ Khanh mà lỗi phiêm âm sai phải nói là cả lố hay nặng nề hơn: như sao trên trời!

Trong việc học hành nghiên cứu, anh Mục lúc nào cũng đi trước tôi một đoạn đường dài, chắc chắn bằng kiến thức và bằng tác phẩm chớ không phải đoạn đường dài của thời gian… tôi gọi anh bằng anh vì anh muốn vậy, và tôi giữ cách gọi nầy hơn bốn chục năm nay. Tiếng anh như là tiếng tôn vinh một bậc đàn anh của mình, với sự quí trọng chớ không phải là tiếng gọi bằng anh của sự xưng hô giao tiếp bình thường trong xã hội.

Cảm tình đó tôi có được là do những tác phẩm của anh: nghiêm túc, sâu rộng, đĩnh đạc... Trong giao tiếp với tính cách bạn bè, hay với tư cách của người nghiên cứu đi sau, nhiều người phàn nàn anh Mục về sự khép kín trong việc trao đổi tài liệu, trách anh thường làm việc một mình, được hỏi về chi tiết nào đó trong lãnh vực nghiên cứu của anh anh ít khi trả lời… tôi tuyệt nhiên không có sự phàn nàn đó. Tôi cho rằng mỗi người đã chọn thái độ sống và phương thức làm việc của mình rồi, người nghiên cứu mà khép kín trong sự giao tiếp trao đổi là vì những lý do riêng của kinh nghiệm tự thân. Ta không thể lấy cách sống của mình mà bắt người khác sống như ta được.

Cơ cấu giáo dục Đại Học của VNCH thời 1954-1972 đã ngăn chặn bước tiến thủ của anh Mục về phương diện cấp bằng cũng như ngạch trật. Từ lúc có bằng Cử Nhân, giữa thập niên 50, đến khi anh có thể thi Tiến Sĩ phải mất hơn hai mươi năm. Con đường quá dài và vô lý của kẻ sanh không nhằm thời. Những người có trách nhiệm ở Đại Học thời đó không mở chương trình Tiến Sĩ vì lý do nầy lý do khác. Khi mở thì cũng mở nửa chừng, Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp chớ không phải là Tiến Sĩ Quốc Gia. Nghĩa là rồi sẽ phải thi thêm lần nữa!

Và tôi được thi cùng luợt với anh nhờ sữ xả cản đó: khóa đầu tiên của Trường Đại Học Văn Khoa Sàigòn, 1973, dành cho những người đang giảng dạy ở Đại Học Văn Khoa mà chưa có bằng Tiến Sĩ (vì không được đi ngoại quốc, lúc đó người có bằng Tiến Sĩ là những vị may mắn được đi ngoại quốc du học và trở về với bằng Tiến Sĩ, Đệ Tam Cấp hay Tiến Sĩ Quốc Gia, học ít nhứt là bằng Cao học. )

Kỳ thi cuối khóa Năm Thứ Nhất Tiến Sĩ, ban Văn Chuơng Việt Nam, xác nhận rằng các thí sinh đủ điều kiện để trình Luận án Tiến Sĩ, Anh Mục đỗ đầu, Nguyễn Văn Sâm hạng nhì. Kế đó theo thứ tự là Phạm Việt Tuyền (gần đây ở Pháp), Nguyễn Thiên Thụ (hiện đang ở Canada) Phạm Văn Đang (đã mất trên đường biển) …và sau đó còn hai người nữa mà tôi quên tên vì qua lâu ngày và là những vị mà tôi ít cùng sinh hoạt… Hạng nhì sau anh Mục, nhưng tôi biết chắc chắn rằng mình chỉ đáng là học trò của anh về nhiều mặt. Có khi các lứa học trò đầu tiên của anh còn giỏi hơn mình.

Khi bàn chuyện với các vị Giáo sư phụ trách kỳ thi nầy, vốn cũng là đồng nghiệp nhiều năm dạy chung một trường, tôi được xác nhận điều đó: Mục nghiên cứu lâu rồi nên có cái nhìn liên ngành, trong vấn đề phải trình bày Mục cũng đào sâu. Sự thông thạo Hán văn, Pháp văn giúp Mục hơn nhiều, hơn xa những người cùng khóa. Sau nầy anh Mục thường tự hào nhắc lại ở nhiều nơi rằng mình đỗ đầu kỳ thi Tiến Sĩ Văn Khoa, khóa độc nhất của Việt Nam Cộng Hòa, tôi cho rằng sự tự hào đó là chính đáng. Vì thời thế, chớ đáng lý ra anh đã đi xa hơn nhiều về mặt khoa bảng, sự khoa bảng được yểm trợ giá trị bằng những công trình đa dạng, đa năng mà anh đã cống hiến cho người chung quanh suốt cả đời mình.

Anh Mục dạy chánh thức ở trường Đại Học Sư Phạm Sàigòn, phụ trách thêm một phần nhỏ ở trường Đại học Văn Khoa Sàigòn, trường chánh của tôi. Chúng tôi thân nhau vì gặp thường xuyên và cùng có biệt nhãn về sự nghiệp của văn gia Huỳnh Tịnh Của. Thỉnh thoảng hai đứa đem sách của Huỳnh Tịnh Của ra thảo luận bàn bạc, nhiều đoạn đắc ý anh Mục thường cười lớn như trẻ con trong khi tiếng cười bình thường của anh đã là như lệnh vỡ. Giống nhau điểm đó, còn các điểm khác về mặt nghiên cứu anh Mục khác xa với tôi. Khi tôi bỏ tâm huyết và thời gian để viết về các nhà văn Tranh Đấu Chống Pháp của giai đoạn 1945-1954, anh Mục nói tôi làm chuyện vô ích vì các nhà văn đó còn quá mới và giá trị của họ chưa được thời gian thẩm định. Tôi cười tiếp nhận mà không biện bạch, chỉ nghĩ rằng mình là người thẩm định và xác nhận giá trị của những  nhà văn nầy trước hơn ai hết, thế thôi. Điều đó có gì sai trái đâu, mọi chuyện đều phải có lúc ban đầu. Cũng như kỳ thi Tiến Sĩ đầu tiên ở nước ta là kỳ thi Thái Học Sinh mà người đậu kỳ đó là Nguyễn Trãi. Nếu hỏi những giám khảo chấm kỳ thi Thái Học Sinh đầu tiên lấy tư cách gì để chấm kỳ thi nầy thì tôi chịu. Chỉ nói rằng mọi chuyện đều cần có cái ban đầu.

Khi tôi cho in lần đầu tiên quyển Văn Học Nam Hà, (1970) cũng chính anh Mục nói tôi viết được, nhưng mà phải viết kỹ lưỡng hơn nữa, quyển sách có chiều dầy nhưng như là còn sơ lược. Tôi hỏi sơ lược chỗ nào, anh chỉ cho từng chỗ, tôi sẽ bổ sung khi có thể. Anh Mục chỉ cười. ‘Toa phải tự tìm hiểu, moa đâu phải thầy của toa đâu..’ Rồi anh nghiêm chỉnh hơn. ‘Toa có thể đi xa trên đường nghiên cứu, nhưng phải cẩn thận, viết mau, viết sai thì chết, không thể sửa được.’

Tôi biết ơn sự cảnh báo phải cẩn thận của anh. Và tôi ghi tâm mấy chữ nghiên cứu phải cẩn thận, viết mau, viết sai thì chết. Tôi phục cái đức tính đó của anh, chỉ cho đàn em biết được điều cơ bản của việc nghiên cứu. Tôi cũng biết anh đi theo phương châm đó trong những nghiên cứu về văn học của anh.

Chúng ta không thể dửng dưng liệng đại đùa vào thị trường sách vở những quyển sách đầy sai lầm do sự tất trách. Chôn vùi tên tuổi mình là chuyện nhỏ, nhưng đầu độc người khác bằng những kiến thức sai lạc và những lý luận khiên cưỡng là chuyện không thể tha thứ được. Sách vở còn đó, 30, 50, hay cả trăm năm sau. Nhưng, với tôi, sự cẩn trọng phải có giới hạn, không thể cẩn thận quá đáng để rồi không biết đến bao giờ mới dám cho in tác phẩm của mình. Đến khi về già nếu có muốn in thì tiền bạc cũng như tinh lực không còn bao nhiêu để lo tròn việc in ấn.

Sau  đại nạn 75, nhiều giáo chức Đại học  như hai chúng tôi đều mất trường, mất lớp. Tôi thường ngâm nga cho anh nghe câu thơ tán thán rất là ưng ý nảy sinh khi đạp xe cọc cạch đi ngang trường cũ: Trường này nào phải trường ta/ Liệu mà sửa soạn về nhà đi buôn. Tôi không biết đi buôn, nhưng đã chìm sâu vào sự trống vắng tuyệt cùng, xa cách nghìn trùng với sách vở bảng phấn. Trong khi đó, mỗi khi gặp người chuyên môn về chữ Nôm nổi tiếng từ Miền Bắc vào như GS Nguyễn Tài Cẩn, hoặc sau nầy gặp ở Paris như nhà nghiên cứu Tạ Trọng Hiệp, tôi phần lớn nghe chính từ cửa miệng họ lời thán phục và kính nể bác/cụ Lê Hữu Mục. Có người còn nói với giọng tri ân rằng những chữ nầy chữ kia tôi đọc được là nhờ bác/cụ Mục. Tạo được cái uy tín đó, có được sự tri ân đó sở học và sự suy luận của anh Mục chắc chắn là đã có sức thuyết phục thật nhiều.

Nhiều lần nói chuyện với anh, tôi rút ra mấy quan điểm tôi cho là cần thiết cho người lăn lóc trong môi trường chữ Nôm, do anh Mục khám phá được như là kinh nghiệm thực tiễn:

1. Chữ Nôm có tính cách lịch đại: Chữ Nôm được viết ra mỗi thời mỗi khác. Khi đọc bản Nôm phải chú ý đến thời đại xuất hiện của nó. Mỗi thời đại có qui luật cấu tạo riêng. Cho những chữ Nôm vào cái khuôn thời đại của nó thì ta dễ đọc hơn dầu là chữ đó ta chưa từng gặp và nó cũng chẳng có mặt trong bất cứ từ điển nào.  Lời anh nhấn mạnh: Cụ Hoàng Xuân H. không để ý đến qui luật thời đại mà chỉ để ý đến miền xuất hiện.  Miền, chẳng hạn Nghệ An, Hà Tĩnh là một yếu tố không gian, nhưng yếu tố thời gian còn quan trọng hơn, không thể bỏ qua.

2. Không nên lạm dụng ý cho rằng chữ nọ chữ kia khắc sai: Khi khảo sát một tác phẩm, phải cẩn thận, tốt nhất là giới hạn lại cái câu: Chữ này viết sai, phải là thế này. Chắc  bản khắc đã lầm, chắc người sao chép đã lộn. Anh Mục nhấn mạnh nhiều lần với tôi: Không gì dễ dàng bằng nói người xưa sai. Họ không cãi được mà người đời nay không bao nhiêu người có thề biện hộ giùm cho họ. Đó mới là điều nguy hiểm vì phần nhiều ta chưa xét đến hết mọi mặt, kết luận chữ đó sai chính thật là ta sai.  Cụ Đào Duy A. mắc lỗi này dầu rằng sở học của cụ thiệt là uyên bác, chúng ta rất khó sánh được!

3. Nên chú ý đến cổ ngữ, cổ âm…: Xét thơ xưa, thơ Nguyễn Trãi, thơ Hồng Đức, thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, thơ Vương Tường… phải chú ý đến giọng đọc xưa, lối nói xưa, từ xưa. Cố gắng quên mình là người bây giờ với cách nói, cách suy nghĩ bây giờ của thế kỷ 20, 21, mà đặt mình vào thời cách đây năm sáu thế kỷ, nhứt là để ý đến những nhóm chữ Hán mà người xưa cố gắng dịch ra tiếng Việt. Không hiểu từ mà họ dịch thì ta không thể nào hiểu được chữ Nôm đó, anh muốn nói đến bản Phật Thuyết Phụ Mẫu Báo Ân Kinh, Tân biên Truyền Kỳ Mạn Lục…

4. …Còn nhiều điều nữa tôi lõm bõm nhớ quên trong những lần nói chuyện với nhau qua điện thoại hay trong lúc lái xe nhưng tôi có thể tóm tắt là: Đi vào lãnh vực chữ Nôm thì đừng bao giờ tự hào cho rằng chữ nọ chữ kia mình đọc là đúng, lúc nào có ai gợi ý cách đọc khác thì phải suy đi nghĩ lại nhiều lần… Và nhứt là phải yêu tha thiết cái văn hóa được thể hiện bằng chữ Nôm, quí cái thứ chữ đã bị gạt bên lề thời gian…

Tôi học được nhiều kinh nghiệm phiên âm của anh Mục. Tôi biết anh làm việc cần cù mỗi ngày. Tôi thông cảm với thái độ của anh khi những lần mình gọi điện thoại cho anh, phải khổ sở nghe anh say mê nói về công việc mình đang làm, nói như là anh đang thuyết giảng mấy giờ liền trước một cử tọa đông đảo. Tôi biết nếu anh cho in hết những công trình anh đã làm về Nôm, về văn học thì có thể tới hơn năm mươi đầu sách. Đó là kết quả của một đời người cặm cụi, đơn độc, say mê và không biết ngưng nghỉ để giải quyết những bài toán khó (1) về nguồn gốc chữ Nôm, (2) về cách đọc một số chữ ai ai cũng bí, (3) về trường hợp thơ Nguyễn Trãi sao có xen lẫn một hàng sáu chữ ở mỗi bài…

Tôi phục sức làm việc của anh, tôi thương anh nhiều lắm khi anh nói: “Moi đã chết rồi đấy toa, lần đó là chết thiệt rồi đó. Người ta định đem xuống nhà xác rồi. Không biết làm sao mà moa sống lại.”

Một câu trả lời lóe lên trong đầu tôi: Cho anh sống lại để anh giải quyết những món nợ tự mang về chữ Nôm, về văn học, để anh nêu tấm gương người làm việc không ngưng nghỉ dầu tuổi đời đã quá tám mươi…

Riêng tôi, tôi cám ơn anh đã nhiều lần khuyên nên dùng thời giờ viết truyện ngắn với bản sắc và văn phong mà tôi đã vạch ra cho mình, và cách viết đem triết học vào trong văn chương của tôi, cũng cám ơn anh đã coi tôi như người bạn vong niên có nhiều vấn đề trao đổi, nhất là về những tác phẩm của Huỳnh Tịnh Của mà anh biết rằng tôi rất ưa thích.

Bài viết nầy nguyên là bài viết cách nay 10 năm dành riêng cho quyển tuyển tập về GS Lê Hữu Mục do nhiều người hâm mộ anh viết khi anh còn sống còn rất hăng hái và minh mẫn (đã in ở California), nay được tin anh mới ra đi thiệt sự, tôi chợt thốt lên trong trí mấy tiếng: Ô hô! Ai tai (Than ôi! Buồn thay!)

Những năm cuối đời anh Mục thường nói đi nói lại khi tôi gọi thăm nơi anh an dưỡng tuổi già: Bây giờ moi quên hết mọi chuyện rồi toa, mỗi ngày moi đánh piano cho anh em ở đây thưởng thức. Vui lắm và thấy tinh thần thoải mái lắm. Hỏi anh về công trình nghiên cứu Quốc Âm Thi Tập của Nguyễn Trãi mà anh bỏ ra  3 thập niên cần cù nghiền ngẫm anh trả lời như thiền giã: ‘Đừng hỏi mây bận tâm nhớ quên những gì. Mây sẽ không trả lời được. Moi bây giờ thấy lòng mình là mây!’

Vâng, con người  đạt đến độ buông thả rốt ráo thì lòng mình LÀ MÂY chớ không phải NHƯ MÂY. Lòng trống không tuyệt đối, không vướng bận bịu về chuyện trần thế nữa. Sống ngày nào là như nhiên, là vô tâm đến tuyệt cùng ngày đó. Chỉ sống được trạng thái nầy khi thấy rằng mình đã trả xong nợ với đời, với xã hội, tự kết luận rằng mình đã đến lúc ra đi. Ra đi ngay bây giờ hay một hai năm nữa là vấn đề của thể xác, không phải là vấn đề của chính con người tại thế là cái ta đương hiện hữu nầy nữa.

Ôi! Bao người đạt được cái tâm LÀ MÂY đó!

Tôi thấy mình thua xa anh diệu vợi, anh Lê Hữu Mục ạ!

Nguyễn Văn Sâm
(Phần chánh: Port Arthur, TX, Aug. 01, 2007,
Thêm đoạn cuối: Victorville, LA, Nov. 07, 2017)

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**THIÊN KIẾN VÀ KỲ THỊ (PREJUDICE & DISCRIMINATION)**

Nguyễn Tiến Cảnh

**I**

Con người sinh ra đã mang tính ích kỷ, coi cái “Tôi” của mình hơn người khác. Một đứa trẻ chừng 1 tuổi đã biết đòi đồ chơi, không được là la khóc om sòm. Trả lại nó cái gì nó  thích như cái núm vú là nó hết khóc. Lớn lên 2, 3 tuổi là nó cũng đã biết thích người này, ghét sợ người kia. Phải chăng con người tự bản tính đã có định kiến, kỳ thị người này người kia, coi mình hơn người?

Thiên Chúa tạo dựng ra loài người, từ khởi đầu con người rất tốt lành không biết ác và đau khổ là gì. Nhưng từ lúc ông Adong và bà Eva cưỡng lời Chúa, nghe lời con rắn ăn trái Chúa cấm nên biết lành biết dữ và cuộc sống phải đau khổ…Khổng Tử cho rằng con người “Nhân chi sơ tính bản thiện”. Jean Jacques Rousseau cũng cho rằng “Con người sinh ra là tốt nhưng xã hội đã làm cho nó trở thành xấu. L’homme est né bon, mais la société le deprave…..” Xem vậy Đông Tây, Đạo Đời…hẳn đã có những ý niệm giống nhau về con người. Vì thế mới có Đạo Làm Người với 10 điều răn Thiên Chúa của Kito Giáo, diệt Tham Sân Si của Phật Giáo, tranh luận bàn cãi của các triết gia, những nhà luân lý, đạo đức học để tìm ra căn nguyên của đau khổ hầu giúp con người sống đời sung sướng hạnh phúc. Nhà nước, chính phủ cũng làm ra hiến pháp, luật lệ buộc con người phải tuân thủ, hình phạt cho những kẻ không tuân giữ để xã hội được an bình, cuộc sống con người yên vui hạnh phúc...

Người Việt Nam chúng ta cũng có tật tự cao tự đại đối với những sắc dân thiểu số. Mắng chửi chê trách ai là dốt nát thiếu văn minh thì gọi là quân “mường mán”, đen đủi xấu xí thì gọi là “đen như mọi”. Câu ca dao được lưu truyền trong dân gian: “Tiếc thay cây quế giữa rừng, để cho thằng Mán thằng Mường nó leo” vừa nói lên tính lịch sử vừa ghi dấu vẻ khinh miệt của dân nước mình, coi thường nước Chiêm Thành vì hoàn cảnh đặc biệt vua Trần nhân Tông đã gả công Chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân.

Người Hán / Tàu thời phong kiến và cả ngay hiện tại cũng coi các sắc dân khác đều là mọi rợ, còn họ là thiên tử, tức con trời. Họ coi thường chúng ta, coi chúng ta là một giống dân thấp kém; họ có quyền ở trên chúng ta.

Sống trên đất Hoa Kỳ gọi là Hiệp Chủng Quốc này, không nhiều thì ít, vì chúng ta thuộc  dân da vàng lại thiểu số nên chắc chắn không tránh khỏi nạn thiên kiến và kỳ thị cho dù đã được Hiến Pháp và luật lệ của Hoa Kỳ bảo vệ. Qua vụ anh chàng da đen George Floyd và tình trạng rối loạn ở Hoa Kỳ và cả thế giới hiện nay, chúng ta thấy phải chăng cũng chỉ vì óc thiên kiến, nạn kỳ thị mà cuộc sống chung giữa loài người với nhau khó có thể có an vui hạnh phúc hòa đồng.

 **II**

**Thế nào là Thiên kiến / Định kiến (Prejudice) ?**

Để hiểu nghĩa của từ kỳ thị (Discrimination), nên biết qua ý nghĩa của từ Thiên kiến hay Định kiến (Prejudice). Thiên kiến hay Định kiến là một thái độ hay ý nghĩ vô lý, thường là tiêu cực, về một người hay một nhóm người, một đoàn thể mà không do họ tạo ra và họ cũng không thể tự kiểm soát được. Chẳng hạn một người có thiên kiến xấu về một người chỉ vì anh này không cùng chủng tộc (race) với mình hoặc theo một tôn giáo khác.

Từ Prejudice do tiếng Latin mà ra là praejudicium, có nghĩa là phán quyết đã định từ trước

Thiên kiến / định kiến khác với kỳ thị ở chỗ một đàng là tiêu cực, một đằng là tích cực. Kỳ thị biểu lộ qua hành động dựa vào thiên kiến. Ông A có thiên kiến với ông B nhưng không bao giờ tỏ lộ qua hành động; trái lại nếu ông A kỳ thị ông B thì ông A luôn luôn hành xử chống đối qua hành động, làm phiền ông B bằng đủ thứ chuyện.

Vậy thì Thiên Kiến của một người đối với người khác hay một nhóm người khác là một thái độ hoàn toàn có tính tiêu cực và không có nền tảng lại luôn luôn dựa trên định kiến có sẵn, chẳng hạn cứ dân da đen là nghĩ đến tội phạm và vô nghề nghiệp, cứ “xì” là di dân bất hợp pháp và ăn cắp ăn trộm, cứ Việt Nam là dân làm nails….

Từ những cảm nghĩ, tư tưởng này biến thành hành động và trở thành kỳ thị. Người ta có thể kỳ thị vì chủng tộc, tuổi tác, giới tính, khuynh hướng giới tính, giai tầng xã hội, tôn giáo hay quốc gia….

**Thiên kiến / Định kiến Pháp luật (Prejudice under the Law)**

Có thiên kiến nơi công chúng thì cũng có thiên kiến trong tòa án. Thiên kiến pháp luật cũng giống như thiên kiến bình thường nhưng là một phán quyết có định kiến trước và sai lầm hoặc ý kiến nghiêng về một phe trong vụ án. Quan tòa và bồi thẩm đoàn thường làm việc theo hướng lợi cho một phía hoặc là bên bị cáo hoặc là bên nguyên đơn. Thiên kiến pháp luật thường xẩy ra vì tin tức sai lầm hoặc chủ trương gây thiệt hại được thông truyền cho quan tòa và bồi thẩm đoàn có chủ đích gây ý tưởng không đúng với sự thật.

Phía bị thua vì thiên kiến pháp luật có thể nêu lý do quyền công bằng luật pháp chống án  lên tòa trên, ở nơi này họ có thể biện luận để đảo ngược phán quyết của tòa dưới cũng như yêu cầu một phiên tòa xử khác.

**Thiên kiến / Định kiến và Kỳ thị**

(Prejudice và Discrimination)

Như đã nói trên, thiên kiến/định kiến và kỳ thị khác nhau. Thiên kiến là một cảm nghĩ, một ý tưởng có tính tiêu cực, còn kỳ thị là một hành động hay thái độ được biểu lộ ra ngoài một cách tích cực do tư tưởng có sẵn trong đầu. Thiên kiến và kỳ thị có thể ở nhiều dạng thức xấu như nói xấu người mình có định kiến không ưa vì là người nước khác, già cả, mặt mũi xấu xí, hay khuynh hướng giới tính kỳ cục ngược đời….

**Thuyết kỳ thị chủng tộc (Racism/Racialism)**

Kỳ thị chủng tộc là quan niệm cho rằng con người sinh ra đã có những đặc tính khác nhau về thể xác bề ngoài và được chia làm hai, một phía cao trọng (superiority) một phía thấp kém (inferiority). Từ đó nảy sinh ra định kiến / thiên kiến để rồi đi đến kỳ thị nhau chỉ vì chủng tộc (race) và nhân chủng (ethnicity) khác nhau.

Hiện nay ta thấy có nhiều thứ kỳ thị chủng tộc khác nhau dựa trên quan niệm xã hội về sự khác biệt sinh học giữa con người. Quan niệm này có thể ở dạng xã hội nghĩa là hành động theo tin tưởng của xã hội, hoặc ở dạng chính trị, trong đó có những giống người được xếp hạng cao hơn hoặc thấp kém hơn tùy theo những nét đặc thù di truyền, tài năng hay phẩm cách.

Dưới những danh xưng trong hệ thống chính trị (như Apartheid ở Cộng Hòa Nam Phi) là loại chấp nhận thiên kiến hoặc không ưa kỳ thị, thì ý hệ chủng tộc (racist ideology) có thể gồm nhiều dạng thức xã hội phối hợp với nhau như chủ nghĩa sinh quán (nativism), bài ngoại (xenophobia), tách biệt riêng (segregation), theo phẩm trật, riêng từng ngành như triết học, toán, computer… (hierarchial) và chủ thuyết ưu việt (supremacism).

**Chủ thuyết Kỳ Thị Chủng Tộc và Sự Kỳ Thị Chủng Tộc**

(Racism và Racial Discrimination)

Trong khi quan niệm về chủng tộc (race) và nhân chủng (ethnicity) được coi như riêng biệt trong khoa học xã hội đương thời thì hai loại danh xưng này lại có một lịch sử lâu dài tương đương và giống nhau về cách sử dụng trong dân chúng và khoa học xã hội cổ. Quan niệm nhân chủng (ethnicity) thường được dùng gần với nghĩa của chủng tộc (race) tức là cách phân chia nhóm người dựa trên phẩm chất chính hay bẩm sinh di truyền. Do đó chủ thuyết kỳ thị chủng tộc (racism) và sự kỳ thị chủng tộc (racial discrimination) thường được dùng để diễn tả một sự kỳ thị về phương diện nhân chủng hoặc căn bản văn hóa không cần để ý đến sự khác biệt về chủng tộc (race). Theo Hội Đồng Liên Hiệp Quốc về nạn kỳ thị chủng tộc (racial discrimination) thì không có sự khác biệt giữa hai danh xưng “chủng tộc (race)” và “nhân chủng (ethnic)” nghĩa là racial discrimination và ethnic discrimination có nghĩa như nhau. LHQ kết luận chủ thuyết ưu việt (superiority) dựa trên sự khác biệt chủng tộc (race) là sai khoa học, đáng luận tội theo luân lý, là bất công xã hội và nguy hiểm. Đại hội cũng đã tuyên bố kỳ thị chủng tộc (racial discrimination) là bất hợp pháp ở tất cả mọi nơi về cả lý thuyết lẫn thực hành.\*[[1]](file:///C%3A%5CUsers%5CAdministrator%5CDownloads%5CTHI%C3%8AN%20KI%E1%BA%BEN%20V%C3%80%20K%E1%BB%B2%20TH%E1%BB%8A.doc#_ftn1)

Chủ thuyết kỳ thị chủng tộc (racism) là một quan niệm tương đối mới, xuất hiện vào thời  đế quốc ở Âu Châu, từ đó phát sinh chủ nghĩa tư bản và đặc biệt là thương vụ nô lệ xuyên Đại Tây Dương mà nguồn lực mạnh nhất lúc bấy giờ là Hiệp Chủng Quốc ở thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 và Nam Phi dưới chế độ apartheid. Chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc này đã thấy xuất hiện trong văn hóa Âu Châu và đã có nhiều người nghiên cứu cũng như thảo luận về chủ thuyết này. Chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc đã đi đến cảnh giệt chủng với lò sát sinh của Đức Quốc Xã, giệt chủng Armenia và giống người Serbs cũng như những kế hoạch thuộc địa ở Mỹ Châu, Phi Châu và Á Châu. Nga Sô Viết cũng đã từng trục xuất dân thiếu số bản địa. Những người này đã và đang là mục tiêu của thái độ kỳ thị chủng tộc ở Nga.

 **III**

**Luật cấm kỳ thị**

Luật chống kỳ thị chủng tộc và tất cả mọi hình thức kỳ thị đã được hội nghị lập pháp đa quốc gia ở Bolivia làm ra Luật 045 và TT Evo Morales ngày 10-10-2010 đã ban hành thành Luật 737/2010.

Luật cấm kỳ thị và biểu lộ kỳ thị bởi những cơ quan công hay tư hoặc bởi cá nhân đã được đưa ra do một hội đồng chính phủ chống lại chủ thuyết kỳ thị chủng tộc và tất cả những hình thức kỳ thị khác, đồng thời ngăn cấm loan truyền kỳ thị qua truyền thông báo chí. Điều khoản này cũng áp dụng cho giới truyền thông đã gây rất nhiều tranh cãi và bị các nghiệp đoàn xuất bản sách cùng thợ thuyền trong giới truyền thông chống đối.

Luật chống kỳ thị (Anti-discrimination law) hay luật không được kỳ thị (non discrimination law) là luật để phòng ngừa không cho kỳ thị một nhòm người đặc biệt nào đó. Những nhóm này thường là nhóm hay giai tầng được luật pháp bảo vệ. Luật chống kỳ thị lại tùy theo loại kỳ thị bị cấm và nhóm người cần được bảo vệ bởi luật pháp. Nói chung những luật này được làm ra là để phòng ngừa kỳ thị về việc làm, nhà cửa, giáo dục, và nhiều phạm vi khác trong đời sống xã hội cũng như công cộng. Luật chống kỳ thị gồm có luật bảo vệ những nhóm người dựa trên dục tính, giới tính, tuổi tác, chủng tộc, nhân chủng, quốc gia, khuyết tật, tôn giáo hay niềm tin, khuynh hướng dục tính, lập trường chính trị cá nhân...

Luật chống kỳ thị bắt nguồn từ nguyên tắc bình đẳng, nghĩa là con người không thể bị đối xử khác biệt vì những đặc tính nói trên. Nếu chỉ trích hay chê cười là vi phạm quyền tự do hiệp hội. Luật chống kỳ thị đươc đưa ra là để bảo vệ cá nhân khỏi bị kỳ thị (do nhiều cá nhân khác) cũng như kỳ thị cơ cấu tổ chức (nảy sinh ra từ những chính sách và đường lối gây bất lợi cho những nhóm khác). Tòa án có thể coi cả hai trường hợp này là có ý kỳ thị và làm mất ảnh hưởng của nhau khi xác định được hành động nào hay chính sách nào là kỳ thị.

**Luật Quốc Tế Cấm Kỳ Thị**

Tự Do và Bình Đẳng là hai vấn đề chính của luật chống kỳ thị và là căn bản của nhân quyền được công nhận bởi Tuyên Ngôn Quốc Tế  Nhân Quyền (UDHR). Tuy Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền không bắt buộc, nhưng mọi quốc gia đều đã ký chấp nhận tuân thủ những quyền này qua những điều khoản về quốc tế nhân quyền. Những điều khoản đặc biệt về luật cấm kỳ thị gồm có Công Ước Quốc Tế về Quyền Dân Sự và Chính Trị, Công Ước Quốc Tế về Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa, Công Ước về việc Hủy Bỏ tất cả mọi hình Thức Kỳ Thị Nữ Giới và Công Ước Quốc Tế về việc Hủy Bỏ Tất Cả mọi Hình Thức Kỳ Thị Chủng Tộc.

**Lịch Sử Luật Chống Kỳ Thị**

**\*Úc Đại Lợi: Những Luật chống Kỳ Thị tại Úc**

Luật Kỳ Thị Chủng Tộc 1975 là luật chống kỳ thị chính và đầu tiên được thông qua ở Úc Đại Lợi nhằm mục đích chống kỳ thị dựa vào chủng tộc, nhân chủng hay nguồn gốc quốc gia. Quyền quyết định này của Úc đã nhanh chóng chuyển thành -sau khi có luật cấm kỳ thi dục tính- những đạo luật như luật cơ hội đồng đều 1977 và luật chống kỳ thị năm 1977. Quốc Hội Úc đã nới rộng những bảo vệ này thành luật Kỳ Thị dục tính 1984 (Sex Discrimination Act -SDA) áp dụng cho tất cả mọi công dân Úc và bảo vệ dục tính (sex) cùng những liên hệ về dục tính và  mang thai. Thêm nữa,  Luật Kỳ Thị Dục Tính SDA cũng được nới rộng áp dụng cho đặc tính của giới tính (gender identity) và tình trạng lưỡng tính (intersex) coi như những nhóm cần phải bảo vệ. Kỳ thị vì tình trạng khuyết tật cũng bị cấm bởi Luật Kỳ Thị Khuyết Tật (Dsability Discrimination Act 1992.

**\*Bỉ**

Luật chống kỳ thị đầu tiên ở Bỉ ngày 25-2-2003 đã bị Tòa Án Lập Hiến hủy bỏ. Tòa tuyên bố luật này vi phạm luật kỳ thị bởi vì không nói đến việc kỳ thị ý kiến / lập trường hay lời nói/phát biểu chính trị, do đó vi phạm điều 10-11 của Hiến Pháp Bỉ, là nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước Pháp Luật.

Một luật mới được đưa ra áp dụng ngày 9 tháng 6 năm 2007. Luật này cấm không được kỳ thị dù trực tiếp hay gián tiếp dựa trên tuổi tác, khuynh hướng dục tính, tình trạng hôn nhân, giầu nghèo, tôn giáo hay niềm tin, lập trường chính trị hay nghiệp đoàn, ngôn ngữ, tình trạng sức khỏe hiện tại hay tương lai, khuyết tật, đặc tính thể xác hay di truyền hoặc nguồn gốc xã hội.

\***Liên Hiệp Âu Châu (LHAC)**

Liên Hiệp Âu Châu đã thông qua nhiều chỉ dẫn chính về Chống Ký Thị như Bình Đẳng Chủng Tộc (Racial Equality) và quyền có việc làm đồng đều (Employment Equality)  và quyền được chữa trị như nhau (Equal Treatment).  Đây là những chỉ dẫn căn bản chính cho tất cả các quốc gia thành viên của LHAC. Tuy nhiên mỗi quốc gia thành viên có trách nhiệm làm ra những đạo luật riêng cho mình để hoàn thành những mục tiêu trên.

Tất cả các quốc gia thành viên của LHAC cũng là thành viên của Hội Nghị về Nhân Quyền, nên điều 14 của Hội Nghị cũng phải được áp dụng như cấm không được kỳ thị về dục tính, chủng tộc, màu da, ngôn ngữ, tôn giáo, lập trường chính trị hay ý kiến khác, quốc gia hay nguồn gốc xã hội, tổ chức của quốc gia thiểu số,  hình thù thể xác, tình trạng sinh đẻ hay những hình thức khác…

**\*Anh Quốc**

Luật cấm không được kỳ thị về nhà ở, sử dụng tiện nghi công cộng và việc làm đã được đưa ra lần đầu tiên tại Anh Quốc năm 1960 liên hệ đến chủng tộc (race) và nhân chủng (ethnicity) với luật Liên Hệ Chủng Tộc 1965 (Race Relations Act 1965) và Luật Liên Hệ Chủng Tộc 1968 (Race Relations Act 1968).

Vào năm 1970, luật chống kỳ thị được phổ biến rất rộng rãi. Luật Trả Lương Đồng Đều (Equal Pay Act 1970) cho phép phái nữ chống đối chủ nhân nếu họ bị chủ trả lương thấp hơn lương của đồng nghiệp nam khi hai người cùng làm một việc như nhau và có giá trị như nhau.  Luật Kỳ Thị dục tính 1975 (Sex Discrimination Act  1975)  cấm kỳ thị dục tính cả trực tiếp lẫn gián tiếp, và luật Liên Đới Chủng Tộc 1976 (Race Relations Act 1976)  cũng có nội dụng của luật cấm kỳ thị vì chủng tộc và nhân chủng.

Năm 1990, việc bảo vệ chống kỳ thị vì khuyết tật đã được cho vào luật Kỳ thi khuyết tật 1995 (Disability Discrimination Act 1995).

Năm 2000, nôi dung những luật chống kỳ thi việc làm được nới rộng để áp dụng vào xu hướng dục tính (sexual orientation) với đoạn Bình Đẳng Việc Làm (Employment Equality (sexual Orientation) Regulation 2003), tuổi tác (the Employment Equality (Age) Regulation 2006), và tôn giáo/niềm tin (Employment Equality (Religion or Belief) Regulations 2003).

Năm 2010, luật cấm kỳ thi hiện hành được kết hợp thành một luật duy nhất của  Quốc Hội là Luật Bình Đẳng (Equality Act 2010). Luật Bình Đẳng gốm những điều khoản cấm kỳ thị trực tiếp, gián tiếp, cảm nghĩ và phối hợp  dựa vào dục tính, chủng tộc, nhân chủng, tôn giáo và niềm tin, tuổi tác, khuyết tật, xu hướng dục tính và đổi giống /giới tính (gender reassignment). Luật về việc làm cũng bảo vệ những công nhân khỏi bị đối sử tệ hơn khi làm bán thời gian so với nhân công làm toàn thời gian hay có giao kèo cố định.

**\*Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ**

Luật về người Mỹ Khuyết Tật năm 1990 (Americans with Disabilities Act of 1990=ADA).

Tỷ lệ việc làm cho nhửng người khuyết tật nam và nữ dưới 40 tuổi đã giảm từ khi luật người Mỹ có Khuyết Tật (Americans with Disability Act /ADA) được ban hành. Kết quả này đặc biệt là vì những người bị khuyết tật tâm thần và những người có học vấn kém. Tuy nhiên rõ ràng là việc giảm tỷ lệ việc làm một phần vì số người có học vấn đi làm tăng. Việc giảm này có thể là chủ nhân muốn tăng phí tổn để tiếp tục giữ đúng các điều khoản của luật ADA; thay vì chịu tăng phí tổn, các chủ nhân mướn ít đi nhân công có khuyết tật. Điều ngược đời là trong khi người dân quan niệm là luật ADA giúp cơ hội cho công nhân khuyết tật than phiền hoặc kiện chủ nhân, nhưng thực tế lại cho thấy chỉ dưới 10% luật ADA  thuân tiện cho phía nguyên cáo.

**Trước năm 1960**

Cả David Neumark và Wendy Stok đều thấy rõ ràng là luật kỳ thị chủng tộc và đòi trả lương đồng đều đã giúp cho nữ giới cả đen lẫn trắng lương được tăng nhưng ngược lại số nhân công nữ giới cả đen và trắng được thâu nhận lại giảm sút.

**Luật trừ**

Ở đâu có luật cấm kỳ thị thì ở đó có luật trừ, đặc biệt trong quân đội và các tổ chức tôn giáo

**+ Quân đội**

Tại nhiều quốc gia có luật cấm kỳ thị, đàn bà được miễn trừ khỏi phải giữ những chức vụ trong quân đội, như phục vụ ngoài biên thùy hay trên những tầu ngầm. Có nhiều lý do, thủy quân Hoàng Gia nêu lý do đàn bà không được phục vụ trên tàu ngầm là vì sức khỏe và an toàn của thai nhi hơn là lý do hiệu quả của trận chiến.

**+ Tổ chức Tôn Giáo**

Một vài tổ chức tôn giáo cũng được miễn trừ. Chẳng hạn ở Anh, Giáo Hội Anh -cùng với những tôn giáo khác- đã có lịch sử không cho phép đàn bà được nắm giữ những chức vị cao như chức giám mục, mặc dù kỳ thị dục tính là lỗi luật. Nhưng việc cấm đoán này đã được xác nhận bởi Thượng Hội Đồng Giáo Hội năm 2012 qua việc bỏ phiếu.

Chọn thầy giáo và học trò ở trường để học những môn học tổng quát, nếu là cùng một tôn giáo thì được phép mặc dù theo luật về kỳ thị tôn giáo thì cấm.

**IV**

**Công Lý, Công Bằng và Kỳ Thị**

Mọi người sinh ra đều bình đẳng trước mặt Thượng Đế bất kể màu da và địa dư nơi cư trú. Họ phải được đối sử công bằng trước pháp luật. Có định kiến, kỳ thị, đối sử bất công một người vì bất cứ lý do gì đều đi ngược lại luật tự nhiên và lỗi luân lý đạo đức làm người, sẽ đắc tội với đấng tạo hóa là Thiên Chúa và luật pháp Hoa Kỳ và thế giới.

Do đó vấn đề “Mạng Sống người Da Đen là Quan Trọng- Black Lives Matter” được đặt ra quả là chính đáng và hợp lý. Phong trào ‘BLM’ đã nằm yên một thời gian nay lại vùng dậy vì cái chết của một anh chàng da đen tên George Floyd bị một cảnh sát da trắng bắt vì tội dùng tiền giả rồi chết vì bị đè đầu gối lên cổ. Người cảnh sát gây tai nạn và 3 cảnh sát cùng nhóm sau đó đã bị bắt để chờ ngày ra tòa xét sử. Nhưng phong trào BLM tiếp tục nổ bùng tại các thành phố lớn trên cả nước. Tiếp theo là bạo động, đập phá tài sản quốc gia và tư nhân, hôi của, cản trở cảnh sát thi hành công vụ. Rồi đòi giải tán, giảm ngân sách cảnh sát. Nhiều phe nhóm đã lợi dụng nước đục thả câu nhảy vào ăn có, gây xáo trộn làm mất an ninh trên toàn quốc, và đi đến tình trạng đập phá kéo đổ những tượng anh hùng dân tộc ở những công viên và nơi công cộng, chiếm đất và cơ sở thành phố làm khu tự trị. Cũng không tha tôn giáo, chúng đốt các nhà thờ, đẩy đổ tượng thánh, bôi bẩn sỉ nhục những nơi nghiêm trang trong thánh đường mà không một ai dám phản đối ngăn cản. Chính quyền địa phương thì làm ngơ, không biết vì sợ hay cố ý? Hiện tượng BLM cũng đã lan qua Âu Châu, tạo cảnh bạo động như ở Paris, Pháp và các nước khác mấy ngày gần đây. Bạo động khắp thế giới hình như rập khuôn cùng một kiểu. Để làm gì? Người ta nói để tạo áp lực trên TT Donald Trump để ông mất chức? Cộng sản quậy phá? Câu chuyên BLM của Hoa Kỳ có ăn nhằm gì tới các nước ở bên trời Âu nhỉ?

 Người ta đã phong thánh cho G. Floyd -người có tiền án tội phạm, ăn trộm ăn cướp và toan tính giết người- coi anh như anh hùng dân tộc; đám tang của anh ‘hoành tráng’ hơn cả đám tang của nhiều vị anh hùng dân tộc đã hy sinh cho quê hương; có cựu TT. Obama và cựu phó TT Joe Biden, chủ tịch quốc hội Pelosi và các thượng nghị sĩ, dân biểu đảng Dân Chủ quì gối kính chào. Một cử chỉ chưa từng thấy trong lịch sử Hoa Kỳ và thế giới!

 Cứ cho rằng những bạo động phá phách, gây rối loạn tại các thành phố, làm thiệt hại nhân mạng và tái sản công và tư do phong trào BLM tạo ra đã đền đáp thiệt thòi, trả lại công bằng cho anh chàng G. Floyd. Nhưng còn những người da đen khác và cả da trắng cũng bị giết một cách oan khiên vì đã làm việc thiện, thi hành công vụ bảo vệ sinh mạng và tài sản của người dân thì sao? Cựu đại úy cảnh sát da đen David Dorn đã về hưu, giữa đêm khuya ngày 2-6-2020 lúc 2:30AM đứng ra bảo vệ một tiệm cầm đồ (Lee’s Pawn & Jewelery) của người dân bị bọn bất hảo đột nhập ăn cướp bắn chết lại làm bị thương 4 sĩ quan cảnh sát khác. Không một ai, kể cả chính quyền địa phương lên tiếng bảo vệ mạng sống của cựu đại úy D. Dorn và cái chết oan nghiệt của ông. Không thấy B. Obama, Joe Biden, Pelosi, Schumer và nhiều vị thượng nghị sĩ, dân biểu của đảng dân chủ có một lời phân ưu, ngả mũ chào kính cử chỉ anh hùng của những cảnh sát cả đen lẫn trắng đã hy sinh vì công vụ để bảo vệ mạng sống người dân và tài sản quốc gia như họ đã làm cho G. Floyd là một tên tội phạm, bất hảo trong xã hội.

 Tố cáo là thiên kiến, kỳ thị khi một người da trắng xâm phạm đến một người da đen, nhưng một người da đen xâm phạm đến một người da đen hay một người da trắng thì lại không nêu lý do thiên kiến, kỳ thị thì quả là bất công. Đâu là công bằng? Luật Lệ cả về đạo lẫn đời đã chẵng đưa ra là mọi người đều bình đẳng, không ai hơn ai bất kể địa vị, màu da, khuynh hướng và địa dư nơi cư trú hay sao. Đòi hỏi Công Lý mà không có Công Bằng là ngụy biện, ma đầu và là ác quỉ. Devil !

 Hoa Kỳ là một Hiệp Chủng Quốc, người dân gồm đủ mọi sắc tộc, trong đó dân da trắng là chính và đa số, dân da đen gốc Phi Châu là thiểu số, ngoài ra còn nhiều sắc dân khác như Tầu, Nhật, Đại Hàn, Việt Nam…thuộc loại da vàng và là thiểu số. Mỗi khi nói về kỳ thị người ta thường nghĩ đến kỳ thị dân đa đen. Nhưng thực tế không phải chỉ có vậy, dân da vàng cũng đã và đang bị kỳ thị nhưng một cách kín đáo, không ồn ào như giữa trắng và đen. Họ vẫn bị hành hung, đối sử bất công về nhân quyền, dân quyền, kinh tế, chính trị và giáo dục…Người da vàng thành công đã trở thành mối họa cho người da trắng và sự kỳ thị của họ trên dân da vàng sẽ trở thành mãnh liệt hơn vì họ nghĩ rằng dân da vàng này đã lấy mất đi cơ hội đạt được giấc mơ Mỹ của người Mỹ đích thực. Họ thấy nước Mỹ như đã tràn ngập những phố Tàu, khu Nhật, khu Đại Hàn, những Little Saigon hay phố Manilla. Từ năm 2016 sinh viên gốc da vàng bị giới hạn nhập học các trường đại học ở California như UCLA, Berkly, Standford, San Francisco v.v…theo cách chọn lựa riêng không dựa theo kết quả SAT như trước kia. Vậy là họ đã loại được một số sinh viên gốc Á Châu. Họ nhận nhiều sinh viên da trắng da đen thì dương nhiên dân da vàng sẽ bị loại dù cho điểm SAT cao.  Ai bảo xã hội Mỹ công bằng? Nước Mỹ là đất của cơ hội? Từ ganh ghét đi đến kỳ thị quả là không xa. Dù sao, cố gắng đấu tranh để vượt khỏi mọi bất công vẫn là điều kiện để thoát cảnh kỳ thị. Không cố gắng vượt mọi trở ngại khó khăn, gian nguy, khổ ải thì khó có thể đạt được công bằng và tự do. Quan niệm chăm chỉ, chịu khó, nhẫn nhục, an phận và vâng lời theo chủ trương Nho Giáo không còn thức thời trong một xã hội văn minh cơ giới, khoa học, điện toán điện tử hiện đại đầy cạnh tranh này. Con không khóc làm sao biết con đói mà cho bú.

 Tranh đấu bằng cách tự tiến thân trong mọi môi trường, tích cực nói lên những đòi hỏi chính đáng của mình để tránh bị kỳ thị quả là hành động hợp tình và đúng lý.

**NTC**

Fleming Island, Florida

July 1, 2020

Nota Bene: Thiên Kiến và  Kỳ Thị là đề tài rất rộng và khá phức tạp bao gồm nhiều phạm vi khoa học, lịch sử, triết học, tôn giáo, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội… Bài viết lại chỉ là tóm gọn một số điểm chính nên có thể có nhiều thiếu sót, xin quí anh chị và độc giả cho ý kiến sửa chữa. Đa tạ. NTC

[[1]](file:///C%3A%5C%5CUsers%5C%5CAdministrator%5C%5CDownloads%5C%5CTHI%C3%8AN%20KI%E1%BA%BEN%20V%C3%80%20K%E1%BB%B2%20TH%E1%BB%8A.doc%22%20%5Cl%20%22_ftnref1) “International Convention on the Elimination of All Forms of Racial Discrimination”, Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights. Retrieved December 23, 2011.

**Bác sĩ Ng Tiến Cảnh, MD.**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**Những lãnh vực chuyên biệt cần suy xét cẩn thận**

**Hồng Y L.J. Suenens**

**THÁNH THẦN,**

**HƠI THỞ SỐNG ĐỘNG**

**CỦA GIÁO HỘI**

Quyển hai

Các Tài Liệu ở Malines

Nguyễn Đăng Trúc chuyển dịch ra Việt ngữ

**Chương III**

**Những lãnh vực chuyên biệt**

**cần suy xét cẩn thận**

Những gì trình bày ở phần trên về những nền tảng thần học của Canh tân mặc nhiên minh chứng rằng trào lưu nầy thiết yếu không mang lại một cái gì mới cho Giáo hội. Ý nghĩa của Canh tân nằm nơi sự lay động ý thức và thái độ sẵn sàng tiếp nhận các ơn ích Thiên Chúa ban cho Giáo hội Ngài; và trong khuôn khổ ý nghĩa đó Canh tân ảnh hưởng đến tâm thức của người kitô hữu ngày hôm nay. Trước đây những đoàn sủng như – ơn nói tiên tri, ơn chữa lành, ơn nói tiếng lạ, ơn minh giải - không còn được xem như thiết yếu cho nếp sinh hoạt của Giáo hội, thì nay càng ngày càng được nhiều người nhìn nhận như là những biểu lộ bình thường (và không chỉ là những đặc trừ) của Chúa Thánh Thần ở cấp các giáo hội địa phương.

**1. Bối cảnh thần học – văn hóa**

Cũng phải nhìn nhận rằng nhiều phong trào canh tân thánh linh phát sinh từ những truyền thống Kitô giáo không phải công giáo đã thúc đẩy người công giáo phục hoạt ý thức về cuộc sống Giáo hội. Do đó khi nghiên cứu sự kiện nầy, không những cần lưu ý đến mặt thuần túy thần học, mà còn phải đi sâu vào chiều kích văn hóa của vấn đề :

* Về phương cách mà các đoàn sủng đã phát hiện trong những phong trào canh tân không phải công giáo;
* về bối cảnh văn hóa-xã hội của cảm nghiệm tôn giáo của họ;
* và về ngôn ngữ mà cảm nghiệm tôn giáo ấy diễn tả, một lối diễn tả thường khác với khuôn khổ văn hóa cá biệt của người công giáo nói chung.

 Không phải vì sự khác biệt nầy mà ta có thể cho rằng lối nói và cung cách văn hóa ấy không có gì chân thực hoặc thiếu nội dung thần học.

Trong nhãn quan của tài liệu nầy, chúng tôi dùng thành ngữ ‘nền văn hóa thần học - giáo hội’ (culture théologico – ecclésiale) để áp dụng cho những mẫu hoặc lối kinh nghiệm Kitô giáo liên hệ.

Một cách chung, đây là một toàn bộ linh động gồm tâm tình tôn giáo, những cách tuyên xưng đức tin, cuộc sống bí tích, lối sùng đạo của dân chúng, các hình thức về thừa tác vụ và cơ cấu giáo hội. Vì nó xuất phát từ kinh nghiệm sống động của một cộng đoàn luôn biến chuyển, tùy địa phương và tùy thời đại, nên một nền văn hóa thần học – giáo hội không thể nào đứng yên một chỗ; trái lại nó có những nét cá biệt làm cho nó khác với các nền văn hóa khác, mặc dầu có chung một số điểm ít nhiều tương hợp.

Những nền văn hóa thần học – giáo hội như thế không có tính cách tuyệt đối. Chúng chỉ phản ảnh một cách bất toàn sự trọn đầy nơi Phúc Aâm, và phải lấy Phúc Aâm làm điểm qui chiếu. Vì thế Công Đồng Vaticanô II đã công bố về thẩm quyền tín lý liên quan đến đề tài nầy như sau: “ Quyền Giáo huấn nầy không ở trên Lời Chúa, nhưng phục vụ Lời ấy” (Dei Verbum, 10).

Những nền văn hóa đa biệt có thể làm phong phú cho nhau. Thật thế, văn hóa thần học - giáo hội của phái ngũ-tuần cổ điển hoặc phái tin lành tân-ngũ-tuần có thể làm ta chú ý đến một số khía cạnh về kinh nghiệm giáo hội mà ta không thấy có nơi khung cảnh văn hóa của giáo hội công giáo, ít nhất là trong sinh hoạt hằng ngày của các giáo hội địa phương, mặc dầu các khía cạnh nầy gắn bó với chứng tá của Kinh Thánh, của Giáo hội thời kế tiếp các thánh Tông Đồ và ngay cả chứng tá của một số tín đồ dại diện cho truyền thống công giáo. Tuy thế, dẫu trên nguyên tắc các yếu tố nầy thuộc về truyền thống công giáo, thì vì nét văn hóa cá biệt trong việc diễn đạt mà chúng phải cần đến một nỗ lực thích đáng để hội nhập và áp dụng nhuần nhuyễn vào cuộc sống công giáo. Nói cách khác, nền văn hóa thần học - giáo hội của công giáo phải mở rộng tiếp nhận phần đóng góp của các truyền thống khác, cũng như các truyền thống khác hẳn sẽ được phong phú hơn khi tiếp cận với nền văn hóa của chúng ta.

1. **Những vấn đề từ ngữ**

Những thành ngữ chung mà các nhóm

 công giáo và tin lành đều dùng

Việc dùng các chữ hay thành ngữ y hệt trong hai bối cảnh thần học - giáo hội khác nhau có nguy cơ gây nên lẫn lộn. Như phía phái ngũ-tuầøn cổ điển (‘ các Thiên hội ’) và phái tin lành tân-ngũ-tuần hiện nay, các thành ngữ như ‘trở lại’, ‘phép rửa trong Thánh Thần’, ‘đón nhận Thánh Thần’, ‘tràn đầy Thánh Thần’ có những ý nghĩa cá biệt.[[8]](#footnote-8) Trong khuôn khổ của công giáo, ý nghĩa các chữ nầy có thể khác.

Chẳng hạn, những người trong phái ngũ tuần cổ điển và một số trong phái tin lành tân-ngũ-tuần chủ trương có hai giai đoạn về thánh hóa: cảm nghiệm về sự trở lại và cảm nghiệm về phép rửa trong Thánh Thần. Chúng ta không đi vào việc phê bình về học thuyết nầy, nhưng cần phải nhìn nhận rằng học thuyết công giáo về thánh hóa được trình bày bằng những thành ngữ rất khác biệt. Theo thần học công giáo, ơn của Thánh Thần hiện diện ngay bước đầu cuộc sống Kitô giáo một cách trọn đầy, chứ không phải ở vào một giai đoạn sau nầy.[[9]](#footnote-9) Hẳn nhiên, một số kitô hữu, vào những lúc khác nhau, có thể thực thi những tác vụ đa biệt trong cộng đoàn, sự kiện đó mặc nhiên cho thấy có những mẫu khác nhau về tương quan với Chúa Thánh Thần. Nhưng sự kiện nầy không có nghĩa là có sự trùng hợp sít sao giữa một thời điểm nhất định với việc Thánh Thần đổ ơn một cách dứt khoát xuống trên cuộc sống Kitô giáo, như một vài giới đã xác quyết. Vì thế, việc áp dụng một số từ ngữ có nguồn gốc không phải công giáo có nguy cơ tạo nên một tình trạng chập chờn nào đó đối với Canh tân đoàn sủng. Trong trường hợp ấy, phải cần phân tích suy xét một cách thận trọng.

**‘Phép rửa trong Thánh Thần’**

**theo tập tục công giáo**

Thành ngữ ‘Phép rửa trong Thánh Thần’ có thể được những người công giáo dấn thân trong phong trào Canh tân hiểu theo hai nghĩa.

Nghĩa thứ nhất hoàn toàn có tính cách thần học. Theo nghĩa nầy, mọi thành phần Giáo hội đều đã được rửa trong Thánh Thần khi người ấy nhận các bí tích khai tâm Kitô giáo. Nghĩa thứ hai nằm trong khuôn khổ cảm nghiệm. Nó liên quan đến lúc mà sự hiện diện tác động của Thánh Thần được ý thức của cá nhân cảm nhận. Nhiều người dùng chữ nầy theo nghĩa thứ hai, và vì thế mà thành ngữ ấy có thể gây nên một số hiểu lầm. Phải thành thực mà nhận rằng tìm cho ra một thành ngữ khác tương hợp để thay thế cũng không phải dễ.

Nhưng, bên ngoài, người ta thường chỉ trích rằng lối nói ‘Phép rửa trong Thánh Thần’ dường như muốn nói đến một loại rửa tội lần thứ hai, thêm vào bí tích phép rửa. Phải nhấn mạnh rằng lối suy nghĩ đó không đúng với xác tín của những người dấn thân trong Canh tân. Những người nầy, cũng như một số lớn người tin lành trong Canh tân, đồng thanh với thánh Phaolô nhìn nhận “chỉ có một Chúa, một đức tin, một phép rửa mà thôi” (Ep 4,5).

Trái lại, phía các người trong phái ngũ-tuần cổ điển và một số người trong phong trào đoàn sủng tin lành lại cho rằng ‘phép rửa trong Thánh Thần’ nhằm nói đến một sự tuôn đổ Thánh Thần mới, có ý nghĩa hơn là phép rửa bằng nước xét về mặt thần học, và thường tách ra khỏi khuôn khổ của các bí tích. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, đây không phải là lập trường của những người trong Canh tân đoàn sủng công giáo, nhất là những người ở Bắc-Mỹ; họ thường dùng thành ngữ nầy để nói đến sự khởi phát kinh nghiệm siêu nhiên nơi ý thức về Chúa Thánh Thần mà họ đã tiếp nhận trong các bí tích khai tâm Kitô giáo. Sự việc đó rõ ràng được xác minh qua những bản văn được xuất bản ngay từ những năm đầu của Canh tân do những cổ động viên chính yếu của trào lưu nầy ở Bắc Mỹ. Họ thường dùng lối nói: ‘phép rửa trong Thánh Thần’, cũng như các lối nói khác đồng nghĩa, như ‘canh tân của Thánh Thần’, hoặc ‘release of the Spirit’ trong mối tương quan với các bí tích.[[10]](#footnote-10)

**‘Phép rửa trong Thánh Thần’ theo Thánh Kinh**

Ở Hoa Kỳ và Canada là những nơi mà Canh tân đã khởi phát, thành ngữ ‘phép rửa trong Thánh Thần’ được sử dụng nhiều. Tuy nhiên cũng nên ghi nhận là Thánh Kinh không nói đến ‘phép rửa’, nhưng là ‘được rửa’ trong Thánh Thần. Ngoài ra, theo Phúc Âm thứ tư, khi Gioan Tẩy giả nói về Đức Giêsu như là đấng “sẽ rửa trong Thánh Thần” (Ga 1,13), thì dường như lời nầy không nhằm chỉ một cử chỉ nào riêng lẻ, mà nói đến sứ vụ cứu độ của Đức Giêsu nói chung.

Trong sách Tông Đồ Công Vụ, Luca kể lại việc Đức Giêsu, sau khi sống lại, đã hiện ra với các Tông Đồ và hứa với họ: “Gioan đã rửa trong nước, nhưng phần anh em, anh em sẽ được rửa trong Thánh Thần trong vài ngày nữa”. (Cv 1,5; x. 11, 16). Trong bối cảnh của sách Tông Đồ Công Vụ, lời hứa nầy đương nhiên hướng đến kinh nghiệm biến cố Hiện Xuống. Việc Thánh Thần xuống trên Cornêliô và gia quyến và phép rửa ông ấy tiếp nhận liền sau đó cũng được trình bày bằng những từ ngữ liên quan đến biến cố Hiện Xuống (Cv 10, 47). Ta cũng sẽ thấy một lối nói đó trong bài tường thuật của Phêrô cho công đoàn Giêrusalem hay; thánh Tông đồ nói: “ Tôi vừa nói xong thì Thánh Thần ngự xuống trên họ như Ngài đã ngự xuống trên chúng tôi lúc ban đầu” (Cv 11, 15).

Luca liên kết rõ ràng việc Thánh Thần đến với phép rửa bằng nước trong nhiều nơi của sách Công Vụ. Trong bài giảng đầu tiên của Phêrô: “ Anh chị em hãy hoán cải; mỗi người trong anh chị em hãy nhận phép rửa nhân Danh Đức Giêsu Kitô, để được tha tội, và sẽ nhận được ơn Thánh Thần” (Cv 2, 38; x. 9, 17-18; 19, 5-6). Ơn Thánh Thần nầy cũng kèm theo những biểu lộ có tính cách đoàn sủng như nói tiếng lạ và nói tiên tri (Cv 2,4; 10, 46; 19, 6).

Nói tóm, Luca nói đến sự hoàn thành lời hứa cửa Đức Giêsu liên quan đến phép rửa trong Thánh Thần nơi kinh nghiệm của biến cố Hiện Xuống. Đối với Luca, Hiện Xuống là mẫu mực ưu việt của các kinh nghiệm về phép rửa khác. Như vậy, đối với Luca, ‘Phép rửa trong Thánh Thần’ luôn liên kết với bí tích rửa tội được tiếp nhận trong Giáo hội; phép rửa bí tích nầy cũng chính là một hoạt năng của biến cố Hiện Xuống đến với một cá nhân hay một cộng đoàn cá biệt.

Tuy nhiên có thể ghi nhận thêm rằng lối nói ‘được rửa trong Thánh Thần’ mang một ý nghĩa đại kết. Mặc dầu nội dung thần học có những khác biệt, thành ngữ nầy diễn tả được một điểm đồng qui trên bình diện cảm nghiệm về Thánh Thần. Dầu thế nào thì cũng phải nhận là nó có thể gây hiểu lầm; những cổ động viên Canh tân công giáo nhìn nhận hiện tượng đó; và họ vẫn luôn cố tìm một từ ngữ thích hợp hơn.[[11]](#footnote-11)

**Tính cách chính đáng**

 **của tình trạng đa nguyên về từ ngữ**

Trong vấn đề nầy cũng như trong nhiều điểm khác, kinh nghiệm của Bắc Mỹ về Canh tân không thể nào phải được xem là định chuẩn cả. Trong những vùng khác, người ta thấy nên thay thành ngữ ‘phép rửa trong Thánh thần’ bằng những lối nói khác. Ở Pháp và ở Bỉ, người ta thường thích dùng lối nói ‘l’effusion de l’Esprit’, ở Đức thì nói ‘Firmerneuerung’. Trong tiếng Anh, một vào chỗ người ta nói ‘release of the Spirit’ hoặc ‘renewal of the sacrament of initiation’. Trong nỗ lực tìm kiếm một từ ngữ thích ứng như thế, cần lưu ý là những chữ được đề nghị đừng đi quá nội dung đặc loại của Canh tân: trào lưu nầy phải được định vị như là cảm nghiệm về Chúa Thánh Thần, nghĩa là sức mạnh của Chúa Thánh Thần vốn đã được thông truyền trong các bí tích khai tâm nay được cảm nhận một cách ý thức và thiết thân nơi cá nhân.

**3. Làm thế nào**

 **để xác định nội dung “Canh tân”?**

Trong quan điểm xã hội học, tên gọi Canh tân có thể đặt thành vấn đề: có thể nên dùng chữ ‘phong trào’ đi kèm ở đây không. Vấn đề bất tiện là từ ngữ ‘phong trào’ nầy gợi lên phần chủ lực do từ sáng kiến con người, như một ‘tổ chức’. Nên vì thế mà người ta tránh dùng.

Thành ngữ ‘Canh tân đoàn sủng’ được nhiều nơi sử dụng. Nó có ưu điểm là làm nỗi bật được những nỗ lực Canh tân: phục hoạt những đoàn sủng nơi toàn bộ những chiều kích sâu rộng của chúng vào cuộc sống ‘bình thường’ của Giáo hội, ở địa phương cũng như cấp hoàn vũ. Tuy vậy, nó cũng có những bất tiện. Một số quan sát viên bên ngoài nghĩ rằng Canh tân cố đồng hóa và chiếm hữu những gì thuộc chính bản chất của Giáo hội – điều mà những người trong cuộc đương nhiên phản bác: họ trả lới rằng họ không nhằm chiếm hữu độc quyền các đoàn sủng, chẳng khác chi trường hợp Canh tân phụng vụ trước đó đã không hề muốn độc quyền chiếm hữu các bí tích và kinh nguyện của Giáo hội.

Một lối chống đối khác: một số người có cảm tưởng là từ ngữ ‘đoàn sủng’ đặc biệt chỉ gợi lên những hình thức biểu lộ ít thông thường của Thánh Thần: ơn nói tiếng lạ, ơn nói tiên tri, ơn chữa lành bịnh..., trong lúc đó thì những cổ động viên và những nhà thần học của Canh tân lại nhấn mạnh đến sự kiện tái khám phá tác động của Thánh Thần trong mọi khía cạnh.

Một vài nơi, người ta tránh dùng thành ngữ ‘Canh tân đoàn sủng’ và thích dùng chữ ‘Canh tân nhờ Chúa Thánh Thần’ hoặc ‘Canh tân’ nói gọn như thế thôi. Việc chọn lựa lối nói nầy hẳn tránh được những khó khăn vừa kể; nhưng nhiều người lại lưu ý rằng nó dễ gây hiểu lầm về một lối độc quyền nào đó, vì có nhiều hình thức canh tân trong Giáo hội.

Nói tóm, có dùng cách nói nào đi nữa thì cần tránh tạo sự lẫn lộn về bản chất và những mục tiêu của thực tại nầy trong khuôn khổ giáo hội. Nhưng vấn đề từ ngữ nầy lại có tầm vóc ý nghĩa thần học: một cách nào đó, nó giúp cho những kẻ cảm nghiệm Canh tân hiểu ràng Canh tân ấy gắn liền với sự sống thâm sâu của Giáo hội và kết dệt nên chính cốt lõi của cuộc sống Kitô giáo.

1. **Suy xét cẩn thận**

Khi ý thức của ta cảm nhận được rằng có sự hiện diện tác động của Thánh Thần với những biểu lộ hữu hình nào đó, thì cần phải suy xét cẩn thận.

Chúa Thánh thần thông hiệp với những cá nhân. Và vì thế, cảm nghiệm về sự hiện diện của Ngài đi vào nội tâm của mỗi cá nhân. Cuộc sống nội tâm của cá nhân sẽ không tiêu mất, nhưng được một ánh sáng mới soi dọi. Kinh nghiệm nội tâm và cảm nghiệm về Thánh Thần sẽ phối kết chặt chẽ với nhau, dẫu không thể nào chung lộn. Về điểm nầy, mặc dầu Canh tân có những yếu tố cảm nghiệm riêng của mình, họ cũng không có những tiêu chuẩn nào khác để suy xét ngoài những tiêu chuẩn của thần học thần bí truyền thống.

Lời dạy của thánh Phaolô về việc suy xét liên quan đến các đoàn sủng (1 Cr 12, 14) rất rõ: những biểu lộ ‘của Thánh Thần’ phải được suy xét thận trọng.[[12]](#footnote-12) Ở đây, Thánh Phaolô không hề muốn nói là các đoàn sủng không quan trọng gì đối với Giáo hội, hoặc Giáo hội sẽ không bị hại chi khi bỏ qua các ơn nầy. Nhưng mỗi lần có ai nói tiếng lạ hoặïc nói tiên tri, thì không phải đương nhiên hay nhất thiết là người ấy thể hiện sự biểu lộ của Thánh Thần.

Nguyên tắc đầu tiên để suy xét mà thánh Phaolô nhắc nhở là: “Không ai ở trong Thánh thần mà lại nói:’Giêsu là khốn kiếp’, và cũng không ai nói rằng ‘Đức Giêsu là Chúa nếu người ấy không ở trong Thánh Thần” (1 Cr 12, 3). Ngoài ra, cần nhớ lời cảnh giác của Phúc Aâm : “ Không phải chỉ có nói thế nầy: ‘Lạy Chúa, lạy Chúa !’ là đủ để vào được Nước Trời” (Mt 7, 21).

Cái gì liên quan đến Đức Giêsu hoặc các chân lý đức tin, thì các chuẩn mực luân lý và tín lý phải được đưa vào để suy xét, và chính sự suy xét nầy vốn là một đoàn sủng của Thánh thần (xem 1 Cr 12, 10; 1 Ga 4, 1-6).

Cả cộng đoàn phải tham dự vào sự suy xét nầy; và trong cộng đoàn lại có một số người có năng cách đặc biệt hơn những người khác, hoặc do khả năng kiến thức thần học hoặc do sự sáng suốt nơi tâm trí của họ. Trách nhiệm chủ chăn của giám mục hẳn nhiên đòi hỏi họ đóng một vai trò quyết định trong việc suy xét nầy khi cần. Như Công đồng Vaticanô II đã dạy: “ Sự phán quyết về tính chân thực (nơi các đoàn sủng) thuộc quyền những người điều khiển trong Giáo hội, và thuộc quyền những ai có phẩm cách đặc biệt để xét đoán, không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để thanh lọc và giữ lại những gì tốt lành” (Lumen Gentium, 12).

**Còn tiếp nhiều kỳ**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**AN TOÀN BẾP NÚC**

Janet Anderson, giáo sư về dinh dưỡng của Đại Học Utah có nhận xét là: nhờ truyền thông mau lẹ, công chúng đều có hiểu biết khá cặn kẽ về căn bệnh Bò Điên hiếm gặp. Nhưng nhiều người lại không để ý tới tầm quan trọng của việc phải rửa tay trước khi nấu nướng hoặc ăn uống trong bếp, nơi còn có nhiều rủi ro hơn là ăn phải thịt con bò bị bệnh dại.

Theo nhiều chuyên viên dịch học, 2/3 các trường hợp cảm lạnh và quá nửa các trường hợp tiêu chẩy đều gây ra do những vi khuẩn nằm ngay dưới mái ấm gia đình của chúng ta. Chúng  nhởn nhơ khắp nơi, từ phòng tắm, nhà vệ sinh tới buồng ngủ phòng khách, trong bếp, ngay trên da thịt ta, bàn ghế đồ đạc và cả trong thực phẩm mua về hoặc đã nấu, để dành.

Người nhát gan mà nghe sự mô tả thực tế của các nhà khoa học này chắc sẽ  thấy nổi da gà, e ngại. Nhưng sự thực đúng là như vậy.

**Vi khuẩn quanh ta**

Chẳng hạn, nhiều người vẫn tưởng rằng phòng tắm-vệ sinh đại tiểu tiện là nơi có nhiều vi sinh vật hơn nhà bếp. Vậy mà kết quả nghiên cứu của nhà vi trùng học Carlos Enriquez, Đại học Arizona, lại cho thấy là chậu rửa chén bát và ống thoát nước bên dưới lại có nhiều vi khuẩn hơn là trong bồn cầu tiêu! Và ông ta nói thêm rằng, ăn cơm trong nhà vệ sinh có khi lại an toàn hơn là trong nhà bếp. Hy vọng khoa học gia là người vui tính, nói đùa, kẻo thiên hạ mà nghe theo thì cũng hơi ... khó coi!.

Một nhà sinh vật học khác cho hay miếng bọt biển xốp để rửa chén bát  chứa nhiều vi sinh vật nhất, rồi tới chậu rửa chén bát với ống thoát nước, mặt bếp, dao thớt, tay cầm tủ lạnh, khăn vải lau tay. Lý do là môi trường ẩm ướt của miếng bọt biển với các lỗ hổng là địa điểm ẩn náu lý tưởng của bầy vi khuẩn. Chúng có thể sống trong đó cả mấy tuần lễ. Rồi khi ta dùng xốp đó để lau mặt bếp là ta đã mở đường giúp chúng lan rộng thêm ra.

Người cha đi làm về, mở tủ lạnh lấy chai bia để giải khát nhưng trước đó không rửa tay. Thế là cả một mớ vi khuẩn bám ngay vào tay cầm tủ lạnh. Cậu con đi học về hớn hở mở tủ lạnh, dùng tay bốc miếng dưa ăn. Như vậy là em đã dễ dàng “tiếp thu”  đám vi khuẩn nguy hại đó.

Rồi lại còn thịt cá mua về chưa kịp cất vào tủ lạnh, để ngoài bếp trong mấy giờ, đều là nguồn chứa nhiều loại vi sinh vật lành dữ khác nhau.

Nghiên cứu gia Norman P Pace, Đại Học Colorado ở Boulder, nhận thấy là vi khuẩn hiện diện khắp mọi nơi trong nhà và ngay trên bề mặt  da của chúng ta cũng chen chúc cả triệu con!

**Cũng may là không phải tất cả vi sinh vật đều nguy hại.**

Theo các nhà vi trùng học, chỉ một số có thể gây bệnh. Nhiều loại không những có ích mà lại cần thiết cho sự sinh tồn trên trái đất. Chúng hiện diện khắp nơi, và  tạo thành một môi trường  sinh học đặc biệt.

Thực vậy, không có vi sinh vật thì sự sống trên trái đất sẽ có nhiều khó khăn, trở ngại. Vai trò rất quan trọng của chúng là làm mục nát, thối rữa thực vật và các tế bào động vật, nhờ đó ruộng đất phì nhiêu, hoa mầu trồng trọt được và có thực phẩm cho mọi sinh vật.

Từ thế kỷ trước, nhà bác học người Pháp Louis Pasteur đã nêu giả thuyết rằng một số vi sinh vật trong bộ máy tiêu hóa của chúng ta có tác dụng tốt cho sức khỏe. Ngày nay, khoa học thực nghiệm đã xác nhận tính chất đúng đắn của ý kiến này.

Trong cơ thể động vật luôn luôn “thường trú”  một số vi khuẩn giúp ích cho sự tiêu hóa, bảo vệ cơ thể chống lại sự xâm nhập của vi sinh vật có hại. Ay là không kể, mỗi ngày chúng ta cũng cho “nhập tịch”, thưởng thức nhiều triệu vi sinh vật có ích qua các món ăn như  pho mát, sữa chua, chẳng hạn  như các loại vi khuẩn  Lactobaccilus acidophulus, bifobacterium, bulgarius.

Trên thị trường hiện nay còn có bán nhiều loại vi khuẩn đặc chế (Probiotics) được quảng cáo là trị tiêu chẩy trẻ em, giảm cholesterol trong máu, ngăn ngừa vài loại ung thư, giúp cơ thể sản xuất folic acid, biotin, sinh tố K.

Tiến sĩ John Frost Đại Học Michigan còn dùng vi khuẩn để chế nhiên liệu cho hỏa tiễn. Vi khuẩn cũng được dùng để chế thuốc kháng sinh, thuốc insulin cho người bị bệnh tiểu đường và các sản phẩm kỹ nghệ như nylon...

Bác sĩ Aladar A Szalay thuộc trường Đại Học Loma Linda, tiểu bang California, còn nghiên cứu sử dụng vi khuần phát ánh sáng mầu và thí nghiệm tiêm chích vào cơ thể chuột để phát hiện ung thư bọng đái, ung thư vú...

Nghiên cứu của Tiến sĩ Jack Stapleton, thuộc trường Đại Học Iwoa, cho hay loại vi khuẩn GBV-C có thể trì hoãn sự phát triển của bệnh liệt kháng HIV-AIDS. Theo nhà khoa học này, người bị bệnh liệt kháng AIDS mà có vi khuẩn GBV-C trong cơ thể thì có thể kéo dài cuộc sống thêm được vài năm, so với người không có. Và ông ta đang nghiên cứu dùng vi khuẩn thân hữu này để hỗ trợ cho  việc điều trị nan bệnh AIDS.

**Những vi trùng có thể gây bệnh thường gặp là:**

- Salmonella có nhiều trong thịt, cá, trứng còn sống hoặc nấu chưa kỹ, hoặc trong sữa tươi chưa khử trùng;

- Clostridium Perfringens lẫn trong thực phẩm và gây tiêu chẩy, đau bụng 12 giờ sau khi nhiễm độc.

- Clostridium botulism thường có trong thức ăn đóng hộp bị nứt, có không khí xâm nhập. Loại vi khuẩn này gây nhiễm độc trầm trọng, có thể dẫn đến tử vong.

- E.coli có nhiều trong ruột và hầu như vô hại. Tuy nhiên có vài loại E Coli gây ra bệnh tiêu chẩy cho khách du lịch tới các quốc gia đang phát triển và một loại có trong thịt bò nấu chưa chín hoặc sữa không khử trùng

- Staphylococcus Aureus thường lan truyền từ người nấu nướng, chuẩn bị và bưng dọn thức ăn.

Các vi khuẩn này nằm trên da, trong miệng mũi rồi lây lan vào thực phẩm. Việc nấu nướng không làm tiêu hủy độc tố của các vi khuẩn này, nên vệ sinh cá nhân và lau chùi bếp núc là điều cần làm để ngăn ngừa bệnh.

Để có thể sinh sản và  tăng trưởng, vi khuẩn cần ba yếu tố: thức ăn, độ ẩm ướt và nhiệt độ thích hợp. Chất đạm động vật như thịt, cá, trứng, sữa là món ăn ưa thích của vi khuẩn. Nhiệt độ từ 5ºC tới 60 ºC là lý tưởng cho vi khuẩn sinh sống. Trên 60ºC, sức nóng bắt đầu tiêu diệt vi khuẩn, còn  dưới 5ºC thì vi khuẩn  chậm tăng trưởng. Nhiệt độ thấp khi đóng băng chỉ làm vi khuẩn ngưng tăng trưởng nhưng không tiêu diệt được chúng.

Với một số lượng vi khuẩn nhỏ, cơ thể ta có đủ sức để kháng. Nhưng những đối tượng rất mẫn cảm như quý vị cao niên, trẻ em, người mắc bệnh kinh niên, bệnh suy yếu miễn dịch như HIV-AIDS, phụ nữ mang thai... thì nguy cơ ngộ độc  thực phẩm sẽ cao hơn.

Ngày nay ngộ độc thực phẩm xẩy ra nhiều hơn cách đây vài chục năm. Khi đó, muốn ăn thịt gà, ta ra vườn bắt một con vào nấu nướng rồi ăn ngay. Nếu chẳng may con gà đó có nhiễm vi khuẩn thì cũng chỉ trong gia đình mắc bệnh, nhưng nếu nấu chín thì cũng an toàn. Còn bây giờ, mua thịt gà chế biến sẵn đã trải qua nhiều giai đoạn chung đụng với nhiều gà khác. Nếu một con có vi khuẩn thì sẽ lây lan sang nhiều con và gây nhiễm dây chuyền cho nhiều người, nếu thức ăn nấu không kỹ.

Các báo cáo y khoa tại Hoa kỳ cho biết hàng năm có tới 76 triệu trường hợp nhiễm độc do thực phẩm xẩy ra ở Mỹ, với trên nửa triệu trường hợp phải nhập viện điều trị và hàng  ngàn trường hợp tử vong. Tuy nhiên, đa số là các trường hợp nhẹ, nạn nhân không cần đến vác sĩ điều trị.

Hầu hết các trường hợp ngộ độc này đều có thể ngăn ngừa được, nếu biết  áp dụng vài phương thức vệ sinh căn bản hoặc sử dụng  vài hóa chất diệt trùng. Vì đa số  các trường hợp ngộ độc thực phẩm đều xuất phát từ  sự cẩu thả, bảo quản không đúng cách, nhà bếp kém vệ sinh, thực phẩm nấu không đủ chín, người nấu cũng như người ăn không chú ý rửa tay sạch trước khi tiếp xúc với các món ăn...

**Ngăn ngừa ngộ độc thực phẩm**

Để tránh ngộ độc thực phẩm, nên lưu ý những điều căn bản sau đây:

**a- Rửa tay.**

Điều đơn giản nhất nhưng quan trọng nhất trong vệ sinh thực phẩm là phải rửa tay sạch trước khi tiếp xúc với thực phẩm, cho dù là khi nấu nướng hay khi ăn. Thực tế cho thấy đa số không chú ý đến hoặc rất thường quên không thực hiện điều này.

Nghiên cứu tại Đại Học Utah cho biết là chỉ có 34% dân chúng rửa tay trước khi làm món ăn và đa số chẳng bao giờ rửa tay với xà phòng. Đó là vì mắt ta không nhìn thấy vi khuẩn, nên ta xem thường tầm quan trọng của việc rửa tay kỹ.  Nhưng thực tế là chúng hiện diện khắp nơi: trên tay ta, trên dao thớt , trên thịt cá và sẵn sàng xâm nhập cơ thể để gậy bệnh. Chỉ cần bỏ ra khoảng 20 giây để rửa tay sạch với xà phòng là chúng ta đã ngăn ngừa được sự xâm nhập của rất nhiều loại vi khuẩn gây bệnh, cũng như không “tiếp tay” lây lan chúng ra khắp nơi rồi làm hại cho chính những người thân của ta.

**b- Lau chùi bếp**

Việc làm này không chỉ để đẹp mắt mà còn cần phải thật sạch sẽ để ngăn ngừa sự lây lan của vi khuẩn có hại. Lau mặt bếp với nước pha chlorin, rồi dùng khăn khô lau ráo nước. Theo giáo sư vi trùng học Chuck Gerba, đại Học Arizona, chlorin diệt vi khuẩn tốt hơn là giấm hoặc carbonat natri (baking soda) pha nước.

Tủ lạnh cũng cần thường xuyên lau những thức ăn vương vãi, mốc meo, vi khuẩn. Lau với nước ấm và xà phòng  rồi dùng khăn lau khô. Không nên dùng chlorin để lau tủ lạnh vì có thể làm hư mặt nhựa.

**c- Tránh lây nhiễm**

Vi khuẩn rất dễ lây nhiễm  từ món này sang món khác, nhất là từ thịt cá tươi sang rau trái. Vì thế cần có những biện pháp ngăn ngừa.

Trong tủ lạnh, nên  xếp thịt cá ở ngăn dưới để nước không rơi vào thực phẩm khác.

Không để thực phẩm đã nấu vào đồ chứa vừa mới đựng thịt cá sống.

Dùng dao thớt riêng cho thực phẩm sống và thực phẩm đã nấu chín

**d- Nấu kỹ**

Thực phẩm được nấu  với nhiệt từ 62ºC  tới 75ºC,  tùy theo loại thịt. Nấu thịt: bò, cừu, dê ở 62ºC ; heo và thịt bò xay với nhiệt độ 72ºC; nấu gà vịt nguyên con với nhiệt độ 82ºC, hải sản tôm, cua với nhiệt độ 62ºC. Có thể dùng nhiệt độ kế để đo sức nóng trong khối thịt.

Trứng được nấu tới khi lòng đỏ chín, không chẩy nước. Nấu cá tới khi thấy chất cá đổi sang mầu đục.

**e- Cất giữ**

Cất giữ thực phẩm trong tủ lạnh hoặc ngăn đóng băng ngay sau khi mua về. Nhiệt độ 4ºC hoặc thấp hơn là thích hợp nhất để làm chậm sự tăng trưởng của hầu hết các loại vi khuẩn, tuy nhiên không diệt được chúng. Chỉ khi đông đáđến nhiệt độ âm 17ºC  thì mới làm chúng ngưng tăng trưởng, nhưng vẫn không diệt được chúng.

Thức ăn nấu chín, nếu cần bảo quản,  nên để vào tủ lạnh trong vòng hai giờ sau khi nấu và có thể giữ an toàn được từ 3 tới 5 ngày.

**g- Vệ sinh bồn rửa chén bát**

Bồn, chậu rửa chén bát  cần được khử trùng định kỳ với dung dịch một lít nước và một thìa chlorin. Thực phẩm vụn dính vào bồn và ống thoát nước là môi trường dinh dưỡng rất tốt cho vi sinh vật sinh sản.

**h- Dùng thớt**

Nên dùng thớt nhẵn nhụi, không có kẽ nứt, được  làm bằng gỗ cứng hoặc chất dẻo tổng hợp để dễ lau, rửa.

Có ý kiến khác nhau về thớt gỗ và thớt plastic. Một số chuyên gia cho rằng  thớt plastic ít chứa vi khuẩn và dễ rửa. Một số chuyên gia khác lại nói rằng thớt gỗ hút vi khuẩn và không nhả chúng ra, nên an toàn hơn.

Điều quan hệ là sau mỗi lần dùng cho một loại thực phẩm thì nên lấy bàn chải rửa sạch với nước nóng, xà bông trước khi dùng để băm, cắt thái món ăn khác trên thớt. Tốt hơn nữa là để vào máy rửa chén bát với nước và một chút chlorin.

Trên thị trường cũng có những thớt dùng một lần rồi vứt bỏ, tuy hơi tốn kém nhưng an toàn.

**i- Khăn lau tay**

 Khăn vải dùng đi dùng lại chứa nhiều vi khuẩn vì ẩm ướt nuôi dưỡng vi trùng. Vì thế cấn phải thường xuyên giặt sạch và phơi khô.

Khăn giấy dùng một lần rồi bỏ có ưu điểm là  không truyền vi khuẩn từ vật này sang vật khác.

**k- Cục xốp rửa chén bát**

Cục xốp hay miềng rửa chén bát thường là ổ vi khuẩn. Nên thường xuyên  giặt sạch  với nước nóng, xà bông hoặc ngâm trong dung dịch diệt trùng.

**l- Rửa chén bát**

Chén bát ăn xong phải rửa sạch trong vòng hai giờ. Để ngâm lâu trong nước với thức ăn dư sẽ là một môi trường rất tốt cho vi khuẩn sinh sản. Sau khi rửa phải phơi hoặc sấy khô.

**m- Rã thực phẩm đóng băng**

Để rã thực phẩm bảo quản bằng đóng băng, cách tốt nhất là để trong tủ lạnh qua một đêm hoặc cho vào lò vi ba, như vậy giữ được phẩm chất  của món ăn . Có thể ngâm thực phẩm gói kín trong nước lạnh và cứ 30 phút lại thay nước một lần. Đừng để thực phẩm rã đá ngoài bàn, không có nước, vì với môi trường không khí trong phòng, vi khuẩn tăng sinh rất mau. Thịt cá ướp gia vị cũng nên để trong tủ lạnh trong khi chờ nấu nướng.

**n- Rửa thịt cá**

Trước khi nấu nên rửa sạch thịt cá để loại bớt một số vi khuẩn bám trên bề mặt thịt cá. Sau khi nấu kỹ thì chắc chắn là các vi khuẩn còn lại sẽ bị tiêu diệt hết.

**Kết luận.**

Về chuyện nấu nướng ngon dở thì quả thật người viết không giám “múa rìu qua mắt thợ”, bởi vì còn có vô số vị nội trợ rất thông thạo.

Nhưng người nấu ăn giỏi lắm khi cũng chưa chắc đã thường quan tâm đến vấn đề vệ sinh bếp núc, đến những ảnh hưởng về sức khỏe, những nguy cơ mà sự thiếu sót trong vấn đề vệ sinh có thể mang đến cho tất cả mọi người trong gia đình. Vì thế mới dám bạo gan nhắc nhở đôi điều ở đây, hy vọng là những tiêu chuẩn vệ sinh hợp lý cũng không hề làm giảm đi tài nấu ngon của quý vị. Mà được như vậy mới thật là vừa ngon, vừa bổ. Nếu không thì mối nguy cơ nhiễm độc thực phẩm cũng là chuyện tất nhiên sẽ đến!

**Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**ĐỜN BÀ VÀ ĐỜN ÔNG**

**LỜI TẠM BIỆT:**



Quán trọ đời chân trần nay đã mỏi,

Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,

Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.

Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...

"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.

Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.

Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,

xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

|  |
| --- |
|  |

﻿**ĐỜN BÀ VÀ ĐỜN ÔNG**

 Trong những tháng vừa qua, gã đã phải bất đắc dĩ làm cái nghề “bới lông tìm vết” moi móc những thói hư tật xấu của cả phe mình lẫn phe ta, của cả đờn ông lẫn đờn bà, của cả chồng lẫn vợ. Sự moi móc này chẳng đem lại một tí lợi lộc nào hết, mà chỉ chuốc thêm thù oán vào thân, bởi vì nó đã làm cho nhiều người phẫn nộ. Gã chỉ sợ mỗi khi vác mặt mo của mình ra ngoài phố, thì sẽ bị xơi cà chua hay trứng thối bất kỳ lúc nào mà thôi.

Bản thân gã cũng cảm thấy nhức nhối, bởi vì vạch áo cho người ta xem lưng thì nào có hay ho gì, nhất là khi lưng của mình lại đầy những vết sẹo. Mà người ta ở đây lại là phe địch, đứng ở bên kia chiến tuyến, thế mới chết không cơ chứ.

Đờn bà và đờn ông, chuyện dài của muôn đời, có lẽ viết mãi viết hoài cũng chẳng bao giờ hết. Đờn bà và đờn ông có những khác biệt ngay từ lúc Thượng Đế cho ra lò tác phẩm đầu tay của mình, thành thử nếu không khéo hòa hợp, những khác biệt ấy sẽ  trở thành những đối kháng làm cho tê liệt mọi sinh hoạt, thì quả thật là thậm chí nguy.

Phải, chị đờn bà thì chu mỏ chê bai anh đờn ông, như tục ngữ ca dao đã diễn tả :

- Đờn ông ba bảy đờn ông,

  Đem bỏ vào lồng cho kiến nó tha.

Hay như :

- Ba đồng một chục đờn ông,

  Ta bỏ vào lồng, ta xách ta chơi.

  Ai ngờ dây đứt, lồng rơi.

  Nó bò lổm ngổm mỗi thằng một nơi.

Trong khi đó anh đờn ông thì lại ngán ngẩm, dài cổ ra mà ca với cẩm :

- Kiếp sau chẳng dám làm chồng,

  Làm cây cọc cắm bên sông cũng đành.

  Còn hơn có vợ bị hành,

  Bầm lên dập xuống như chanh cuối mùa.

  Lương chưa kịp giấu sơ cua,

  Đã moi sạch nhách chẳng chừa một xu.

  Giữ chồng còn hơn giữ tù,

  Đi đâu bà cũng lù lù theo sau.

  Bạn bè vừa mới gặp nhau,

  Chai chưa kịp cạn, “về mau, tối rồi”.

  Điểm tâm sáng chỉ gói xôi,

  Cà phê, thuốc lá xa rời từ lâu.

  Tan sở chẳng dám đi đâu,

  Đón con, ghé chợ mua rau, mua hành.

  Về nhà kho cá, nấu canh.

  Lau chùi giặt giũ, dỗ dành... bày heo.

  Mười năm khổ vẫn còn đeo,

  Trời ơi, cứu kiếp bọt bèo của con. (PNCN số 45).

Mặc dầu sự đời vốn dĩ là như thế, đờn bà và đờn ông tuy lườm nguýt nhau, nhưng vẫn cứ lôi cuốn, hấp dẫn lẫn nhau, cho tình yêu được nở rộ, cho nòi giống được tồn tại. Anh đờn ông thì :

- Trai thấy gái lạ,

  Như quạ thấy gà con.

Còn chị đờn bà thì :

- Đi đâu mà chẳng lấy chồng,

  Người ta lấy hết chổng mông mà gào.

Đây quả thực là ý muốn vừa thâm sâu, lại vừa nhiệm màu của Đấng Tạo hóa. Vì thế các cụ ta từ ngày xửa ngày xưa vốn đã từng xác quyết :

- Nhất âm, nhất dương chi vi đạo.

Âm dương, qui luật của muôn đời, không phải chỉ là đạo người mà còn là đạo chung của tất cả vạn vật. Thực vậy, muôn loài trong vũ trụ đều bị chi phối bởi luật âm dương. Hơn thế nữa, âm và dương luôn thu hút lẫn nhau mà lưu truyền trong dòng thời gian. Vì thế, anh đờn ông có liếc mắt đưa tình chị đờn bà, hay chị đờn bà có liếc mắt đưa tình anh đờn ông, âu cũng là chuyện thường ngày ở huyện :

- Có âm dương, có vợ chồng,

  Dẫu từ thiên địa, cũng vòng phu thê.

Và như vậy, gã thấy trong vũ trụ vật chất thì âm cũng cần, mà dương cũng cần. Còn trong cõi nhân sinh, thì đờn bà cũng quí, mà đờn ông cũng trọng. Tuy nhiên điều đáng lưu ý đó là phải biết điều hòa, chứ đừng nhất bên trọng, nhất bên khinh. Các cụ ta ngày xưa đã từng dạy :

- Thái quá bất cập.

Nhân đức bao giờ cũng đứng giữa, ở vào cái thế trung dung, chứ không nghiêng bên này, hay  ngả bên kia. Âm dương phải hòa hợp, nam nữ phải đề huề, thì mới liên tục phát triển :

- Gái có chồng như rồng có vây.

Bằng không thì rất khó mà tiến tới :

- Gái không chồng như cối xay chết ngỏng.

Có biết tôn trọng lẫn nhau, thì mới tạo được sự bình an và hạnh phúc. Còn gì êm đẹp cho bằng hình ảnh vợ chồng đồng lao cộng khổ với nhau như ca dao tục ngữ đã diễn tả :

- Đôi ta là nghĩa tào khang,

  Xuống khe bắt ốc, lên đàng hái rau.

- Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,

  Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

- Râu tôm nấu với ruột bàu,

  Chồng chan, vợ húp, gật đầu khen ngon.

Còn nếu như bị “lệch pha”, chẳng hạn như “âm thịnh dương suy” ắt sẽ tạo nên những bất ổn, như danh ngôn đông tây vốn đã đề cập đến :

- Đờn bà không có đờn ông như vườn không có rào.

Trong khi đó :

- Đờn ông không có đờn bà như đàn đứt dây.

- Nhà không đờn bà như thân xác thiếu mất linh hồn.

Thành thử sau hai bài viết : thế giới không đờn bà và nhân loại chẳng đờn ông, gã mới “ngộ” ra rằng, đó là hai thái cực không thể nào chấp nhận được. Phải có đờn bà cũng như phải có đờn ông. Đồng thời cả hai phải biết tựa vào nhau để mà sống.

Đọc lại những trang đầu của sách Sáng thế ký, gã thấy được một quan niệm rất đặc sắc về hôn nhân, cũng như về đờn bà và đờn ông của Kitô giáo.

Thực vậy, sau khi dựng nên Adong, Thiên Chúa đặt ông đứng đầu để trông coi cá biển chim trời và muôn vật sống trên mặt đất. Thấy ông sống cô độc, lẻ loi và cu ki, Thiên Chúa thầm nghĩ :

- Người đờn ông ở một mình không tốt. Ta hãy dựng nên cho nó một người nội trợ giống như nó.

Đợi lúc ông ngủ say, Thiên Chúa bèn lấy một nửa chiếc xương sườn của ông mà tạo thành người đờn bà. Rồi Ngài dẫn bà ra mắt ông. Thoạt nhìn thấy Eva, Adong đã mừng rỡ, hớn hở kêu lên :

- Này đây mới thật xương bởi xương tôi và thịt bởi thịt tôi. Nàng sẽ được gọi là người nữ vì bởi người nam mà ra.

Như thế, Adong đã đồng hóa Eva với chính thân xác của mình. Để diễn tả ý tưởng “một xương một thịt”, theo gã nghĩ, trong tiếng Việt Nam của chúng ta có một danh từ thật dễ thương, thật tuyệt vời, đó là chữ “mình”.

Bởi vì mình vừa là anh và cũng lại vừa là em, vừa là chàng và cũng lại vừa là nàng. Vừa là ngôi thứ nhất :

- Mình làm ra chẳng ma nào giúp.

Và cũng lại vừa là ngôi thứ hai :

- Biển sâu sóng vỗ rập rình,

  Biển bao nhiêu sóng thương mình bấy nhiêu.

Mình còn là cả chúng ta. Ngoài ra, mình vừa là thân xác :

- Mình lính, tính quan.

Và cũng lại là cả con người nữa.

Nếu thế thì khi thoạt nhìn thấy Eva, Adong đã hớn hở gọi :

- Mình ơi!

Hai chữ  “mình ơi” quả thật đã ngọt hơn đường cát, mát hơn đường phèn và trên cả tuyệt vời nữa.

Từ hai chữ “mình ơi” gã bỗng nhớ tới hai chữ “ai ơi”. Số là cách đây mấy chục năm tại Việt Nam người ta vẫn còn e thẹn, dù đã là vợ chồng “mí nhau” nhưng rất ít khi người ta gọi nhau một cách thẳng thừng :

- anh anh, em em.

Có hai vợ chồng trẻ mới cưới. Chị vợ nấu cơm trong bếp. Anh chồng làm cỏ ngoài vườn. Khi nồi cơm đã chín, từ trong bếp chị vợ bèn gọi vọng ra :

- Ai ơi về ăn cơm.

Anh chồng bèn hỏi :

- Cơm ai nấu.

Chị vợ liền trả lời :

- Ai nấu chứ ai.

Ôi chu choa, tiếng Việt mình quả là dễ thương và hết xảy!!!

Cũng từ một nửa chiếc xương sườn, gã liên tưởng đến hình ảnh một nửa trái tim. Có một câu chuyện thần thoại kể về việc tạo dựng trái tim đờn bà và đờn ông được tóm lược như sau :

Thưở ban đầu, Thượng đế chỉ dựng nên có một trái tim duy nhất. Sau đó, Ngài bổ trái tim ấy thành hai mảnh đều nhau. Một mảnh thì Ngài đặt trong thân xác người đờn ông. Còn mảnh kia, thì Ngài đặt trong thân xác người đờn bà. Hai mảnh trái tim ấy luôn khắc khoải tìm kiếm nhau.

Cho dù hai người có sống cách xa nhau hàng ngàn cây số, thì vẫn có những cuộc tình xuyên lục địa. Cho dù hai người có sống ở hai bên bờ biển ngàn trùng, thì vẫn có những cuộc tình xuyên đại dương. Cho dù hai người có sống ở những đất nước khác nhau, thì vẫn có những cuộc tình xuyên quốc gia...

Vì thế, người Pháp mới gọi người vợ hay người chồng thân thương của mình là :

- Ma moitié! Có nghĩa là “Nửa của anh ơi!” “nửa của em ơi”!

Qua hình ảnh một nửa chiếc xương sườn và hai nửa trái tim, gã nhận thấy đờn bà và đờn ông đều đáng quí đáng trọng và phải được bình đẳng với nhau.

Nói tới hai chữ bình đẳng, hẳn chúng ta lại nghĩ tới những phong trào đòi nam nữ bình quyền, phụ nữ đòi quyền sống... Những phong trào này một thời đã gây ồn ào và làm cho quần chúng chú ý đến. Thế nhưng rất nhiều người lại thích hiểu lầm về hai chữ “bình đẳng”.

Thực vậy, họ cho rằng người đờn bà mặc gì, thì người đờn ông cũng có thể bắt chước mà mặc như vậy. Vì thế ngày nay, chúng ta mới thấy anh đờn ông để tóc dài, đeo bông tai...Chỉ còn việc mặc váy là chưa được phổ biến sâu rộng, ngoại trừ đờn ông xứ Tô Cách Lan!

Họ cho rằng người đờn ông làm gì thì người đờn bà cũng có thể bắt chước mà làm như vậy. Vì thế, ngày nay chúng ta mới thấy nhiều chị đờn bà cũng để đầu trọc, đấu võ Sumô, hút thuốc và uống rượu như điên.

Báo “Công an Thành phố” có đăng tải về đời sống của “Bà Tư xả láng”. Đây là một chuyện buồn, buồn nẫu cả gan và thối cả ruột. Chuyện buồn ấy như thế này :

Ông bà ngày xưa thường nói :

- Phúc đức mới sinh được nhiều con.

Nếu cứ theo cách nghĩ của người xưa, thì bà Trần Kim Nga thật có phước. Bà có tới tám đứa con, lớn nhất ba mươi, nhỏ nhất lên mười và các con bà thuộc loại chăm chỉ. Bốn con trai lớn đã về quê vợ làm ăn, hai con trai kế tiếp đi làm phụ hồ và xúc cát mướn. Cô con gái xinh đẹp tên là Nghi chỉ học đến lớp chín, rồi ở nhà may quần áo đem bán để phụ mẹ và nuôi đứa em út mới lên mười tuổi.

Thế nhưng, bà Nga không biết giữ gìn hạnh phúc trời cho ấy. Bà sinh tật uống rượu vì buồn chồng mèo mỡ. Năm 1955 khi bà và người chồng chính thức chia tay, bà bán căn nhà, nơi cả gia đình sinh sống những ngày tháng đầm ấn nhất, được mười hai lượng vàng. Bà chia cho chồng năm cây để chồng đi với vợ mới, còn bà thì bắt đầu đến với rượu nhiều hơn để “hóa giải” cơn sầu! Bà uống hết hiệp này sang hiệp khác và say bí tỉ, vì vậy dân nhậu đặt cho bà biệt danh “Tư xả láng”.

Từ tháng 6 năm 2001, Tư xả láng có quan hệ thân thiết như vợ chồng với anh Nguyễn Văn Tuấn, ngụ cùng phường và cũng là bạn nhậu của Tư xả láng.

Tuấn thua bà Nga, tức Tư xả láng, mười bốn tuổi, hai người thường bỏ nhà đi chơi tới ba, bốn giờ sáng mới về. Mỗi lần say về, bà ói mửa, rên hừ hử, bắt các con bóp tay chân và chửi mắng thô lỗ. Mọi chuyện trong gia đình bà phó mặc cho Nghi, để chị em Nghi bữa đói bữa no. Thỉnh thoảng bà mới tỉnh rượu, gặp lúc lối xóm kêu đi chùi xoong nồi, bà làm và lấy tiền đi nhậu với Tuấn.

Nghe lối xóm đồn ầm ĩ về chuyện hai người, Nghi hỏi mẹ :

- Mẹ và chú Tuấn yêu nhau à ?

- Ừ, chú ấy yêu mẹ.

- Không được đâu, mẹ đã lớn tuổi vả lại chú ấy kém tuổi mẹ nhiều!

- Mẹ yêu là để trả thù ba vì ba có vợ nhỏ, bỏ mẹ.

Khuyên nhủ mẹ không được, nhiều lần Nghi gặp Tuấn để can ngăn hãy buông tha mẹ để mẹ lo cho em của Nghi. Nhưng mặc lời can ngăn, mối quan hệ vẫn tiếp diễn. Bà Nga bỏ mặc các con ngay cả lúc con trai út sốt xuất huyết nặng, Nghi phải chạy vạy vay tiền đưa em vào bệnh viện cấp cứu.

Mười lăm giờ ngày 01.4.2001, bà Nga và Tuấn đi chơi ở Châu Đốc về. Bà lên giường nằm một lúc rồi lại vùng dậy đi nhậu tiếp. Tới 18g30 không thấy mẹ về, Nghi lo mẹ uống nhiều sẽ bệnh, nên vội đi tìm. Gặp những người cùng nhậu với mẹ, Nghi hỏi :

- Mẹ con đâu ?

Mọi người trả lời :

- Bà ấy với thằng Tuấn đi rồi.

Nghi nháo nhào đi tìm khắp nơi không thấy, nên chạy đến nhà Tuấn. Gõ cửa phòng mười lăm phút không thấy ai trả lời, nghi lén leo lên vách nhà nhìn vào thì thấy mẹ đang nằm trên giường của Tuấn. Gõ thật mạnh một lúc nữa mới thấy Tuấn mở cửa. Nghi đề nghị :

- Chú Tuấn để cho mẹ tôi về.

Nghi đưa mẹ về nhà và nói :

- Mẹ nghỉ cho đỡ mệt.

Rồi nhìn cảnh nhà bữa đói bữa no, đứa em lên mười ngơ ngác tội nghiệp, người mẹ chỉ nhậu về là rên la, không lo gì cho con, trong lòng Nghi nổi lên ý định giết Tuấn để “giành lại mẹ”. Lúc hai mươi giờ, Nghi lấy dao Thái Lan dắt vào bụng và tới nhà Tuấn, mời Tuấn ra quán cà phê nói chuyện.

Ra quán, Nghi năn nỉ Tuấn hãy buông tha mẹ để mẹ chăm lo cho gia đình, chăm lo cho chị em Nghi và nhờ Tuấn khuyên mẹ không nên uống rượu vì mẹ lớn tuổi. Tuấn nói :

- Tôi thương rồi, bỏ không được.

Vào lúc ấy, bà Nga lại đi tìm Tuấn. Thấy Tuấn đang ngồi với Nghi, bà định bỏ đi, nhưng Nghi kéo mẹ lại ngồi giữa Nghi và Tuấn :

- Đây có mẹ, ba mặt một lời, mẹ nói mẹ có thương chú Tuấn   không ?

Bà Nga nói :

- Mẹ không thể lấy Tuấn vì tuổi tác, nên xem nhau như bạn thôi.

- Vậy chú Tuấn thì sao ?

- Tôi thương bả, không thể cưới được, nhưng cũng không thể bỏ được.

Quá uất ức, Nghi đập chai nước ngọt vào đầu Tuấn và đâm Tuấn. Sau đó, Nghi mang dao đến công an phường tự thú.

Chính vì sự hiểu lệch lạc hai chữ “bình đẳng” mà phát sinh ra những hành động đáng tiếc theo kiểu “ông ăn chả, bà ăn nem” làm cho gia đình bị tan vỡ.

Vậy bình đẳng là như thế nào ?

Dĩ nhiên, gã không phủ nhận những khác biệt giữa đờn bà và đờn ông. Chẳng hạn đàn bà thì yếu, còn đờn ông thì mạnh. Đàn bà thiên về tình cảm, còn đờn ông thiên về suy luận. Đờn bà có óc phân tích, còn đờn ông có óc tổng hợp... Tuy nhiên, những khác biệt ấy không phải là để đối chọi và triệt tiêu lẫn nhau, như ánh sáng và bóng tối, như lửa và nước, nhưng là để bổ túc và nâng đỡ cho nhau.

Vì thế, người ta thường bảo :

- Cái nhìn đúng không phải là cái nhìn của anh hay của em, nhưng là cái nhìn của cả hai đứa chúng mình.

Tiếp đến, gã cũng phải công nhận rằng trong thân thể có nhiều chi thể và mỗi chi thể có một nhiệm vụ, nhưng  tất cả đều hướng tới một mục đích, đó là làm cho thân thể được liên tục phát triển.

Ngày nọ, hai chân lên tiếng phản đối cái miệng. Chúng nói :

- Suốt ngày tôi phải đi rạc cả cẳng, còn ngươi thì chỉ việc ngồi nhà mát ăn bát vàng.

Hai tay cũng lên tiếng :

- Tôi phải làm lụng quần quật suốt ngày, còn ngươi thì chỉ việc xơi hết những thành quả do tôi làm ra.

Thế là đôi tay và đôi chân đình công, không đi và cũng không làm nữa, thành thử cái miệng chẳng có gì để ăn. Nhưng chỉ một ngày, toàn thân ủ rũ như sắp chết đến nơi. Nhờ sự can thiệp của bộ óc, các chi thể mới hiểu được vai trò cần thiết của mình và tiếp tục hoạt động lại, làm cho toàn thân được sống và sống dồi dào.

Ngoài xã hội cũng vậy, mỗi người có một nghề để sinh sống và đóng góp cho đất nước. Nếu mọi người đều cấy lúa thì lấy ai dệt vải. Nếu mọi người đều dệt vải thì lấy ai xây nhà...

Đêm kia, một thi sĩ nằm mơ. Anh chàng thấy người giúp việc đến và nói :

- Tôi xin nghỉ việc. Từ nay, anh phải nấu lấy mà ăn, giặt lấy mà mặc.

Người giết heo cũng đến và bảo :

- Tôi xin giải nghệ. Từ nay anh tự nuôi lợn, mổ lấy mà ăn.

Rồi người trồng cà phê, người trồng thuốc lá, người cấy lúa... Tất cả đều xin nghỉ việc, khiến anh chàng lo toát cả mồ hôi, đập mạnh chân xuống giường, thì ra đó chỉ là một giấc mơ.

Thế nhưng, từ giấc mơ này anh chàng nhận ra rằng : mình cần đến người khác và mình mắc nợ người khác nhiều lắm.

Nơi gia đình luật phân công ấy cũng đã được áp dụng : người thì kiếm tiến, kẻ thì nấu bếp... Tuy nhiên, tất cả đều có chung một nỗi băn khoăn lo lắng, đó là góp phần xây dựng cho cuộc sống được tốt đẹp hơn.

Như thế, mỗi người đều có một công việc một bổn phận và không  có công việc nào là thấp hèn, đáng khinh đáng ghét. Trái lại, công việc nào cũng tốt và cũng cần như nhau.

Giống như khi nói về nghề nghiệp :

- Nghề nào cũng đáng quí đáng trọng. Không có nghề xấu mà chỉ có người xấu mà thôi.

Sau khi đã khẳng định như vậy, gã nhận ra rằng bình đẳng có nghĩa là đờn bà và đờn ông đều bằng nhau về nhân vị và phải được tôn trọng như nhau. Đờn bà cũng là một con người, cũng có một phẩm giá và cũng phải được quí mến như đờn ông. Quan niệm “trọng nam khinh nữ” chuộng nam chê nữ, hay “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” một cậu con giai là đã có, chứ còn mười cô con gái cũng chỉ là số không, quả là đã xưa rồi Diễm ơi!

Tiếp đến, bình đẳng còn có nghĩa là đờn bà và đờn ông đều bằng nhau về quyền lợi cũng như về trách nhiệm. Cả hai đều phải kề vai sát cánh cộng tác với nhau trong việc xây dựng một cuộc đời chung, một mái ấm chung.

Người chồng ngoài giờ đi làm, cũng phải giúp đỡ người vợ trong việc “tề gia nội trợ” cũng như giáo dục con cái, Người vợ ngoài việc bếp múc, cũng phải phụ với người chồng một tay trong việc bươm chải, tìm tiền kiếm bạc cho gia đình có được một cuộc sống vật chất ấm no. Nhất là khi người chồng bị sao quả tạ chiếu tướng, rơi vào tình trạng thất nghiệp, ở nhà đuổi gà cho vợ và ngồi chơi xơi nước, không còn kiếm ra một đồng xu nào sốt, thì người vợ cũng đừng vì thế mà lên tiếng chì chiết người chồng là hạng vô tài bất tướng, ăn hại đái nát. Rồi thay lòng đổi dạ.

Lệnh Nữ là con gái của quan thái thú Hạ Hầu Văn Ninh, được gả cho Tào Văn Thúc, cháu nội của Tào Tháo. Văn Thúc chẳng may chết sớm, Lệnh Nữ góa chồng. Nàng sợ cha mẹ bắt phải tái giá, nên cắt cụt tóc, ý muốn ở vậy thờ chồng. Nhưng cha mẹ không nghe, ép phải lấy chồng. Lệnh Nữ bèn dùng dao cắt đứt hai tai, rồi sang ở với người anh họ của chồng là Tào Sảng. Khi Tư mã Ý diệt nước Ngụy, giết cả dòng họ Tào, chú của Lệnh Nữ bắt nàng về Lương Châu định ép gả. Nàng lại tự xẻo mũi, cương quyết ở vậy cho trọn đạo vợ hiền. Bà con thấy vậy liền bảo :

- Tất cả họ hàng nhà chồng đều bị tru diệt, nàng thủ tiết với ai mà phải đày đọa thân xác đến thế ?

Lệnh Nữ đáp :

- Tôi thường nghe người nhân chẳng lấy lẽ thịnh suy mà đổi tiết. Xưa kia họ Tào còn thế lực, mọi người thảy đều khuất phục để thụ hưởng giàu sang, nay chẳng may bị tru diệt, tôi há lại hùa theo thiên hạ mà làm điều bất nghĩa hay sao ?

Hẳn rằng khi bước vào cuộc sống hôn nhân, chúng ta đã lớn tiếng đọc lên lời thề hứa rằng :

- Sẽ giữ lòng chung thủy với nhau khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi bệnh hoạn cũng như lúc khỏe mạnh, để yêu thương và tôn trọng nhau trong suốt cả cuộc đời.

Viết đến đây, gã xin khép lại chuyện đờn bà và đờn ông, để chuyển sang một đề tài khác, theo ý muốn của cụ chủ nhiệm. Đề tài ấy như thế nào, thì xin... hạ hồi phân giải.

**Chuyện phiếm của Gã Siêu**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân**

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ… (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quí vị

Xin chân thành cám ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

**TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**

**Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA**

1. ♣ Lc 4, 24 “Amen”: (x. Mt 5, 18). [↑](#footnote-ref-1)
2. ♣ Lc 5, 24 “Con Người”: (viết hoa): (x. Mt 8, 20). [↑](#footnote-ref-2)
3. ♣ Lc 6, 4 “Bánh Tiến Dâng”: (x. Mt 12, 4). [↑](#footnote-ref-3)
4. ♣ Lc 7, 41 “Đênari”: (x. Mt 20, 2). [↑](#footnote-ref-4)
5. ♣ Lc 8, 19-21 “Anh em”: (x. Mt 12, 50). [↑](#footnote-ref-5)
6. ♣ Lc 8, 30 “Đạo binh”: (x. Mt 26, 13; Mc 5, 9). [↑](#footnote-ref-6)
7. ♣ Lc 9, 7 Quận vương Hêrôđê tức là “Hêrôđê con”: (x. Mt 14, 1; Lc 3, 1). [↑](#footnote-ref-7)
8. Walter HOLLENWEGER, *The Pentecostals,* Minneapolis, Augsburg Publishing House, 1972; Vinson SYNAN, *The Holiness-Pentecostal* *Movement*. Grand Rapids, William B. EERDMANS, 1971; Chiristian KRUST, *Was Wir Lauben, Kehren and Bekennen*, Altdorf bei Nuernberg, *Missionsbuchhandlung und Verlag*, 1963; Dennis and Rita BENNETT, *The Holy Spirit and You,* New Jersey, Plainfield, Logos international, 1971. [↑](#footnote-ref-8)
9. Ở đây, tương quan của Thánh Thần với cuộc sống Kitô giáo được bàn đến xuyên qua sự hiệp nhất của toàn bộ nghi thức khai tâm. Không phải là vấn đề có bao nhiêu ơn Thánh Thần được đổ xuống trong các nghi thức nầy. Các giáo phụ vẫn có khuynh hướng cho rằng có nhiều ơn Thánh Thần đổ xuống, dầu họ nói trong bối cảnh của toàn bộ nghi thức khai tâm. Xem Joseph LECUYER, ‘la confirmation chez les Pères’ : *Maison de Dieu*, No 54 (1958), 23-52. [↑](#footnote-ref-9)
10. Kevin and Dorothy RANAGHAN, *Catholic Pentecostals*. New York, 1969, 141-147; Dorothy RANAGHAN, *Baptism in the Holy Spirit*, *As the Spirit leads us,* 8-12; Stephen B. CLARK, *Baptized in the Spirit.* Pecos, New Mexico, Dove Publications, 1970, 63; Simon TUGWELL, *Did you* *receive the Spirit?* New York, Paulist Press, 1970, 51. Donald GELPI et Henri CAFFAREL gắn liền kinh nghiệm về Chúa Thánh Thần với phép thêm sức hơn là phép rửa tội. Gelpi: *Pentecostalism: A Theological* *Viewpoint.* New York, Paulist Press, 1971, 180-184; CAFFAREL, *Faut-il* *parler d’un Pentecôtisme catholique?* Paris, ED. Du Feu Nouveau, 1973, 56-58. Heribert MUEHLEN, ở Đức cũng nói tương tự. Xem F.A. SULLIVAN, ‘Baptism in the Holy Spirit’, *Gregorianum,* vol. 55 (1974), 49-68. [↑](#footnote-ref-10)
11. Hồng Y Suenens thích dùng lối nói *‘l’effusion de l’Esprit’* ( đổ tràn Thánh Thần) hơn là ‘phép rửa trong Thánh thần’  *baptême dans l’Esprit Saint)*; và ngài cũng hay dùng ‘Canh tân trong Thánh Thần’*(Le Renouveau* *dans l’Esprit Saint)* hơn là ‘Canh tân đoàn sủng’*(Renouveau charismatique)* hoặc ‘Canh tân mùa Hiện Xuống’*(Renouveau* *pentecostal)*, nhằm tránh hiểu lầm với ‘canh tân ngũ tuần’*(Renouveau* *pentecôtiste’*– nhất là trong các bản dịch - [↑](#footnote-ref-11)
12. Simon TUGWEL, ‘The Gift of Tongues According to the New Testament’, *The Expository Times*, vol. 86 (February, 1973), 137-140. [↑](#footnote-ref-12)